



# CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 19 - THÁNG 11.2010

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **CHUYÊN HÓA TÂM** (TT. Thích Nhật Huệ), trang 1
- **TĂNG GIÀ TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI** (HT. Thích Trí Chơn dịch), tr. 2
- **NƯỚC SÁM, TRÚ XỨ** (thơ Vũ Tiến Lập), trang 2
- **LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ HÒA BÌNH THỰC SỰ?** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 3
- **BÔNG, THÔNG DONG** (thơ Dương Kiều Nhi), trang 3
- **VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM** (Thích Nguyên Siêu), trang 4
- **BUÔNG** (thơ Thích Nữ Viên Quang), trang 5
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC** (HT. Thích Thắng Hoan), tr. 6
- **THÁP THOÁNG HƠI THU, ĐƯA NGƯỜI, HÓA THẦN** (thơ Huyền Vũ), trang 8
- **MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG HIỀN LƯƠNG** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 8
- **TÂM KHÚC CHIÊU** (thơ Phù Du), trang 9
- **HẠNH NGUYÊN BỒ TÁT QUÁN THẾ ẨM** (Thích Đức Thắng), trang 11
- **VIỆC “HƯỚNG NGHIỆP” CHO TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO** (Tâm Minh – Vương Thủy Nga), trang 12
- **CHĂM LO GIÚP ĐỠ CHƯ SỰ...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 13
- **VÔ NGÃ, BÀI HỌA VÔ NGÃ** (thơ Bùi Hữu Trí & Trần Bách Linh), trang 13
- **VÁNG VÀ MÁT** (Mã Nhược Mai), trang 13
- **QUY Y - MỞ ĐẦU NẾP SÓNG TRÍ THỨC MỚI** (Đức Tâm), trang 14
- **BÓNG GIAI NHÂN** (thơ Hàn Long An), trang 15
- **HÌNH ẢNH LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH CỦA CỘNG ĐỒNG PGVN BẮC CALIFORNIA**, trang 16
- **HÌNH ẢNH LỄ KHAI MẠC CUNG NGHINH PHẬT NGỌC TẠI CHÙA BÁT NHÃ** (Hải Triều Âm), trang 17
- **NHỮNG TÁC PHẨM THIÊN CA CỦA LÊ MINH HIẾN** (Hàn Long An), tr. 17
- **IM LẠNG CỦA SÓNG VỠ THẦN THƠ** (Cư sĩ Liên Hoa), trang 19
- **KHÔNG CHUYỂN NHẤT, ƯU ĐIỂM, CHỈ NÓI, ĐẮC ĐẠO** (thơ Lam Nguyễn), trang 19
- **TÓM LƯỢC Ý NGHĨA HÒA BÌNH CỦA CỘNG ĐỒNG PGVN BẮC CALIFORNIA** (Ban Thư Ký), trang 20
- **CON BÚP BÈ VÀ CẢNH HOA HỒNG** (Benoit Nalin – TG dịch), trang 21
- **ÔNG VUA QUÉT ĐƯỜNG KỶ 3** (Hoàng Mai Đạt), trang 22
- **DỄ THƯƠNG DỄ GHÉT** (Chiêu Hoàng), trang 23
- **MƯƠN, CON MƯA** (thơ Võ Quỳnh Uyên), trang 24
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 25
- **NỤ CƯỜI NHƯ LAI** (thơ Tâm Thường Định), trang 26
- **THỜI Ở AN, THỜI ĐÀNH** (thơ Vĩnh Hào), trang 27



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni  
Kính thưa quý vị quan khách,  
Kính thưa quý Phật tử,

Hôm nay thật là một duyên lành lớn cho Cộng đồng chư Tăng Ni Phật tử miền Bắc California của chúng ta được cung nghinh và dâng lễ tôn tượng Phật ngọc Hòa bình.

Tôn tượng Phật ngọc được tạc từ một khối ngọc lớn, được phát hiện tại miền bắc Canada vào năm 2000. Tôn tượng được tạo dựa theo mô hình Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tộp thờ trong Đại Bảo Tháp Giác Ngộ tại Ấn Độ. Dưới sự chứng minh của Đức Đạt Lai Lạt Ma và cố vấn chỉ đạo kỹ thuật của Ngài Lama Zopa Rinpoche, người đã năm mộng thấy khối ngọc này, công ty điêu khắc Jade Thongtavee của Thái Lan đã hoàn tất công trình tạc tượng này vào năm 2009.

Kính thưa quý vị,

Ước vọng hòa bình là ước vọng chung của con người, bởi lẽ không có hòa bình thì cuộc sống con người sẽ không có hạnh phúc thật sự. Thông thường, ý nghĩa hòa bình được hiểu như là cuộc sống không có chiến tranh hoặc sự tranh chấp mãnh liệt xảy ra giữa các thế lực đối kháng trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia. Ngoài ý nghĩa này, đối với Phật giáo, ý nghĩa hòa bình được hiểu một cách triệt để và toàn diện, đó là sự giải phóng lo âu, sợ hãi, và thất vọng trong cuộc sống. Nói cách khác, chừng bao lâu chúng ta còn bị sự lo âu, sợ hãi và thất vọng chi phối thì cuộc sống của chúng ta không có hòa bình, hay không có hạnh phúc thật sự. Mỗi cá nhân chúng ta đều có sự lo âu, sợ hãi và phiền muộn khác nhau, tuy nhiên theo Phật giáo, tất cả những sự lo âu và sợ hãi đó đều có chung một nguyên nhân nội tại phát sinh, đó là tâm bất an. Và tâm bất an là kết quả của sự tham vọng, ích kỷ và hận thù. Do đó, để có một cuộc sống hòa bình và hạnh phúc, mỗi cá nhân, theo Đức Phật dạy, phải giải phóng tâm tham vọng, ích kỷ và hận thù.

Điều này giúp cho chúng ta nhận thức được rằng, ý nghĩa hòa bình trong Phật giáo chỉ có thể đạt được thực sự qua sự chuyển hóa nội tâm của mỗi cá nhân. Đây là ý nghĩa lời Phật dạy trong Kinh Duy Ma Cát: “Tâm bình thế giới bình”.

Sự chuyển hóa tâm theo Phật giáo, phải được thực tập qua phương pháp thiền định. Thiền định giúp cho chúng ta thanh lọc tâm nhiễm ô và bạt trừ gốc rễ tham lam, ích kỷ và hận thù. Do kết quả thanh lọc tâm nhiễm ô, những lo âu, phiền muộn và thất vọng trong cuộc sống của chúng ta được giải phóng. Mặt khác, khi tâm tham lam, sân hận và ích kỷ của chúng ta được giảm thiểu thì lòng từ bi, và sự hiểu biết của chúng ta được tăng trưởng. Do có sự hiểu biết sáng suốt, chúng ta cảm thông sâu sắc được nỗi khổ của những kẻ khác và nguyện làm bất cứ việc gì hữu ích để giảm thiểu khổ đau cho họ. Và do có lòng từ bi, tâm chúng ta trở nên bao dung độ lượng đối với mọi người, và không còn bị gò bó bởi những thành kiến và giáo điều cố chấp.

Ngày nay, thế giới chúng ta đang trải qua một cuộc khó khăn nghiêm trọng: đó là khủng hoảng kinh tế, sự xuống cấp của môi trường, thiên tai, và nạn khủng bố. Nhưng khó khăn nghiêm trọng này phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau; tuy nhiên nếu suy nghiệm sâu sắc, chúng ta sẽ thấy nguyên nhân chính là lòng tham lam, ích kỷ và hận thù của con người. Để mang lại hạnh phúc và giảm thiểu những khủng hoảng trên, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tu tập và truyền bá thông điệp hòa bình của Phật giáo. Nói cách khác, mỗi chúng ta phải thực tập từ bi, hiểu biết, và sự bao dung độ lượng để tạo cho thế giới chúng ta một thế giới an lạc và hạnh phúc thật sự. Trong mục tiêu đó, Cộng đồng Phật giáo Việt Nam miền Bắc California đã nỗ lực thực hiện để có buổi chiêm bái Phật ngọc cho Hòa bình ngày hôm nay.

Sau cùng, thay mặt ban tổ chức, chúng tôi xin cảm niệm công đức đóng góp tài lực của chư Tăng Ni và các Phật tử để cho buổi cung nghinh Phật ngọc về tại chùa Kim Quang thủ phủ tiểu bang California hôm nay được thành tựu viên mãn.

## CHUYÊN HÓA TÂM

DIỄN VĂN KHAI MẠC  
LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH của  
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
MIỀN BẮC CALIFORNIA,  
TẠI CHÙA KIM QUANG,  
SACRAMENTO, 03.10.2010

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho tất cả chúng sinh luôn sống trong hòa bình và an lạc.

Trần trọng kính chào liệt quý vị.  
**Thích Nhật Huệ**  
Trưởng Ban Tổ Chức



## Nước sám

mùa tầm tháng cuối  
gối mềm mái cỏ  
quanh co sương miên man  
bước về mộng gác trăng già  
có bao giờ tôi là thơ  
tan theo những đám mây xa lắc  
nhớ bạn lòng thênh thang  
thốt không được một lời  
lặng cầm như cánh cửa im lìm sám hối  
suối sâu nước buốt  
chảy suốt vào ba ngàn thế giới  
củi mục tháng năm dài  
cạn dần dư vị mưu toan  
làm sao an ủi được lòng mình  
chỗ đứng đây những vết sẹo  
gió dẫu chết  
hoa vẫn rụng  
đuổi bóng càng thêm xa

## Trú xứ

khóai cảm  
mọt ngào sẵn có  
cũng vẫn đổi thay  
thật không ổn cố  
đêm thổ lộ và ta thán  
đi hoang  
trên nỗi xót xa  
tiềm phục  
đốn gậy tháng ngày  
đời sống là tầm nã cảm giác  
đắm say  
cùng lưỡi hái tuyệt vọng  
trong nhà lao không cửa

## VỮ TIẾN LẬP



# TẦNG GIÀ TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Nguyên tác: Ven. Dr. Walpola Sri Rahula

Chuyển ngữ: **HT. Thích Trí Chơn**

**Giới thiệu tác giả:** Thượng tọa Walpola Rahula (1907-1997) nhà sư Nam Tông kiêm học giả Tích Lan (Sri Lanka), sinh năm 1907 tại quận Galle. Xuất gia năm 14 tuổi, vào chùa học chương trình Phật học cơ bản và các thứ tiếng Pali, Phạn ngữ (Sanskrit). Năm 1936, Thượng tọa được nhận vào học trường đại học Ceylon (Tích Lan) và tốt nghiệp cấp bằng Tiến Sĩ (Ph.D.) năm 1950. Sau đó, Thượng Tọa sang Pháp nghiên cứu nền Phật Giáo Đại Thừa (Mahayana), đặc biệt về tư tưởng của đại luận sư Vô Trước (Asanga) tại đại học Sorbonne ở Ba Lê (Paris). Với sự giúp đỡ của Paul Demieville, giáo sư trường đại học Pháp quốc (College de France) và học giả Andre Bareau, T. Tọa đã dịch cuốn "Đại Thừa A Tì Đạt Ma Tập Luận" (Abhidharma-Samuccaya) của ngài Vô Trước (Asanga) từ Phạn ngữ (Sanskrit) ra tiếng Pháp: "Le Compendium de la Super-Doctrine".

Năm 1977, T. Tọa được mời làm giáo sư thỉnh giảng (Visiting professor) đại học Cornell (New York), Swarthmore (Pennsylvania) và năm 1979, môn nhân loại học (Anthropology) đại học California tại Hoa Kỳ. T. Tọa là bút giả các sách Phật giáo Anh văn giá trị:

1. The Heritage of the Bhikkhu (Di Sản của Tăng già), New York 1974.
  2. History of Buddhism in Ceylon (Lịch Sử Phật Giáo Tích Lan), Colombo (Sri Lanka), 1966.
  3. What the Buddha Taught, London, 1959. Cổ Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch ra tiếng Việt: "Con Đường Thoát Khổ", Đại học Vạn Hạnh, 1966.
- Tổng hợp các tài liệu: "The Buddhist Handbook" by John Snelling và "A Concise Encyclopedia of Buddhism" by John Pows (Ghi chú của người dịch)

Giáo đoàn của Tăng già được thành lập và hướng dẫn theo Giới Luật (Vinaya). Tướng cần giải thích rõ ngắn gọn thế nào là Luật giới. Trước tiên nên hiểu rằng Luật giới khác hẳn với giáo pháp (Dharma). Phật pháp là những lời dạy liên quan đến giáo lý như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Lý Thập Nhị Nhân Duyên, nhân quả, vô thường, khổ đau, vô ngã và 37 phẩm trợ đạo hướng dẫn con người tu tập để đạt đến sự giác ngộ v.v..

Giáo lý này dành cho tất cả Tăng Ni, và nam nữ cư sĩ phật tử, không phân biệt giai cấp, màu da hay chủng tộc. Phật Pháp là chân lý có giá trị phổ cập toàn thế giới khắp mọi nơi và các thời đại. Nó không thể thay đổi hay sửa đổi tại bất cứ nơi đâu và thời gian nào.

Nhưng giới luật là các điều lệ, một sự đồng ý, được chấp nhận vì lợi ích kỷ cương và đức hạnh của một đoàn thể gọi là cộng đồng Tăng già chung sống trong một trú xứ địa dư vào một thời kỳ lịch sử đặc biệt. Do đó nó luôn luôn thay đổi để thích nghi với mọi quốc độ, khu vực, khí hậu, và thời tiết khác nhau tùy theo nhu cầu. Cho nên, đôi lúc đức Phật đã tu chỉnh một vài giới luật để phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Chẳng hạn về thức ăn của Tăng Chúng, đức Phật đã sửa đổi đến bảy lần nhằm đáp ứng với thực tế.

Nhiều giới luật cũng cần thay đổi cho thích hợp với một vài địa phương.

Chẳng hạn, theo giới luật căn bản Phật chế muốn truyền đại giới (cụ túc) cần phải có đủ mười vị tỳ kheo (tam sư thất chúng); nhà sư không được mang loại giày hai lớp da, hay nửa tháng được phép tắm một lần và không nên lấy da làm tọa cụ để ngồi.

Khi những giới luật này bắt đầu được áp dụng, tỳ kheo Sona, đại diện cho vị giáo thọ của ông là Trưởng lão Maha-Kaccayana tại Avanti đến gặp đức Phật và thưa thỉnh như sau:

"Bạch đức Thế Tôn, chư Tăng tại xứ Avanti rất khan hiếm. Cho nên xin Ngài hãy giảm số tỳ kheo xuống trong lễ truyền Cụ Túc giới. Vì mặt đất ở Avanti gồ ghề, do đó đức Thế Tôn nên cho các thầy Tỳ Kheo mang dép có hai lớp da. Dân chúng Avanti thường hay tắm, vậy xin đức Thế Tôn tùy tiện cho phép chư Tăng ở đó được tắm nhiều lần. Cư dân ở vùng trung tâm (mid-country) ngồi trên chiếu, dân chúng Avanti thường ngồi trên da sống, vậy xin đức Thế Tôn cho phép các thầy Tỳ Kheo tại đó dùng da thú vật làm tọa cụ để ngồi."

Sau đó, đức Phật đã khuyên các Tỳ kheo nên tổ chức đại hội Tăng Già nhằm mục đích sửa đổi một số giới điều căn bản và dạy rằng những giới luật mới này được áp dụng không chỉ riêng tại Avanti mà chung cho các xứ khác, ngoại trừ vùng trung quốc (mid-country) của Ấn độ. Từ lúc ấy, đại giới đàn truyền giới Cụ Túc được phép tổ chức với năm Tỳ Kheo trong đó ít nhất có một vị thông hiểu luật giới; chư tăng có thể dùng dép với hai lớp da, tắm thường xuyên và dùng da sống (chưa thuộc) làm tọa cụ để ngồi.

Thêm nữa, trong khi gặp nạn đói, một vài giới điều liên quan đến thức ăn, nước uống cũng được uyển chuyển và thay đổi để thuận tiện cho các Tỳ Kheo. Trước kia theo luật Phật chế, chư Tăng không được cất giữ, và nấu thức ăn trong chùa cho riêng mình. Nhưng đức Thế Tôn đã thay đổi các giới luật này khi xảy ra nạn đói tại thành Vương Xá (Rajagaha).

Khi đọc kỹ Luật Tăng, chúng ta nhận thấy rằng các Giới Luật luôn luôn được tu chỉnh, thêm bớt, bổ túc và thay đổi để thích nghi với sự biến cải của tình trạng kinh tế, xã hội, nơi chốn và thời gian. Có thể nói những lời dạy của đức Phật rất dân chủ. Do bởi tinh thần rộng rãi, không cố chấp này mà trong Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahaparinnibbana-Sutta), có ghi chép, trước giờ phút nhập diệt, đức Thế Tôn đã dạy Đại Đức A Nan rằng nếu muốn, đoàn thể Tăng Già (Sangha) có thể tu chỉnh, bổ túc hay sửa đổi các giới luật thứ yếu không quan trọng, sau khi Ngài viên tịch.

Vấn đề "các giới luật thứ yếu" (minor rules) được nêu lên trong đại hội Kết Tập kinh điển lần thứ nhất tại thành Vương Xá (Rajagaha) chỉ vài tháng sau khi đức Phật nhập Niết Bàn. Nhiều ý kiến khác biệt được bày tỏ thế nào là "các giới điều thứ yếu". Đại hội quở trách Đại Đức A Nan việc đã không bạch hỏi đức Thế Tôn cho biết rõ về những giới luật nào là "không quan trọng"?

Ý kiến của đại hội về vấn đề này đã

không được nhất trí. Cho nên, vị trưởng lão chủ tọa đại hội là ngài Ma Ha Ca Diếp (Maha Kassapa) đã đề nghị là toàn thể Tăng già nên nhất trí quyết định không đặt thêm một giới điều mới hay hủy bỏ bất cứ giới luật nào hiện có và chấp nhận thực hành đúng theo các giới điều mà đức Phật đã chỉ dạy từ trước đến nay.

Lý luận chính của Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp nhằm ủng hộ cho quyết định của Ngài là ý kiến chung của chư Tăng nên chống đối lại việc loại bỏ bất cứ giới luật nào dù cho giới điều ấy là thứ yếu và không quan trọng. Điều ý nghĩa lớn lao là Ngài đã chia sẻ với ý kiến chung của cộng đồng Tăng già là nên duy trì các giới luật Phật chế trong hiện tại, vì thực tế là không cần phải thay đổi bất cứ giới luật nào thêm nữa.

Từ ngày đó đến nay, như chúng ta biết, không một giới điều nào được chính thức thay đổi cũng như không một luật giới mới nào được thêm vào trong toàn bộ Luật Tăng bởi Cộng Đồng Tăng Già của Phật giáo Nguyên Thi (Theravada). Nhưng thời gian qua, các Tỳ Kheo đã phải đối đầu với thực tại của đời sống trong sự phát triển của những hoàn cảnh mới cũng như nhận thấy sự không thể thực hành và khó khăn áp dụng theo một số giới luật trong hình thức đầu tiên, khởi thủy của chúng.

Thời xưa, không những chỉ đất đai mà ngay cả thùng (tank) chứa nước là vật dụng có thể dùng đường cho chư Tăng. Nhưng, theo Luật tạng các thầy Tỳ Kheo chỉ nên nhận thùng đựng nước khi nó được thí chủ cúng dường đúng pháp. Nếu một cư sĩ đờn giản nói: "Tôi xin dâng cúng thùng chứa nước cho chư Tăng" thì không nên nhận. Nhưng khi nó được cúng dường vì mục đích lợi ích cho đời sống của Tăng Già thì có thể thọ nhận.

Khi cộng đồng Tăng già hiểu rõ tài sản của giáo hội như phương tiện để duy trì tôn giáo, dĩ nhiên họ có bốn phận bảo vệ của cải đó. Cho nên, chư Tăng được khuyến khích và cho phép tiếp đãi ngay cả với những tên côn đồ nếu hành động này nhằm bảo vệ tài sản của giáo hội. Do đó, Thượng Tọa Abhaya, trụ trì ngôi chùa tại Mihintale (Tích Lan) đã tiếp đón bọn du đảng đến cướp bóc, nhờ vậy mà ngài đã bảo vệ được tài sản của tu viện.

Nếu một Tỳ Kheo biết thuốc men, luật giới cho phép vị sư đó có thể chăm sóc cho nhà sư bạn, cha mẹ và một vài người thân quen khác. Nhưng ông không nên chữa bệnh cho bất cứ ai như một y sĩ chuyên nghiệp. Và người nào biết tỳ kheo ấy đều có thể đến tham khảo thuốc men với ông ta.

Tuy nhiên, nếu một đạo hữu yêu cầu vị Tỳ Kheo chữa trị cho một bệnh nhân hay kê cho họ dùng một vài loại thuốc thì nhà Sư nên từ chối. Người cư sĩ cần biết tham khảo thuốc men đúng cách với vị Tăng. Nếu một Phật tử yêu cầu nhà Sư chỉ dẫn một





nếu hành động này nhằm bảo vệ tài sản của giáo hội. Do đó, Thượng Tọa Abhaya, trụ trì ngôi chùa tại Mihintale (Tích Lan) đã tiếp đón bạn du đảng đến cướp bóc, nhờ vậy mà ngài đã bảo vệ được tài sản của tu viện.

Nếu một Tỳ Kheo biết thuốc men, luật giới cho phép vị sư đó có thể chăm sóc cho nhà sư bạn, cha mẹ và một vài người thân quen khác. Nhưng ông không nên chữa bệnh cho bất cứ ai như một y sĩ chuyên nghiệp. Và người nào biết tỳ kheo ấy đều có thể đến tham khảo thuốc men với ông ta.

Tuy nhiên, nếu một đạo hữu yêu cầu vị Tỳ Kheo chữa trị cho một bệnh nhân hay kê cho họ dùng một vài loại thuốc thì nhà Sư nên từ chối. Người cư sĩ cần biết tham khảo thuốc men đúng cách với vị Tăng. Nếu một Phật tử yêu cầu nhà Sư chỉ dẫn một vài thứ thuốc để chữa bệnh, ông ta nên giúp nói cho họ biết. Nếu có người nói: "Mẹ tôi đang bệnh xin thầy kê cho tôi một vài thứ thuốc" thì vị Tăng không nên trả lời. Nhưng các Tỳ kheo có thể bàn thảo với nhau để chữa trị cho những nhà Sư mắc cùng một chứng bệnh. Nếu một Tỳ Kheo nghe rõ cuộc nói chuyện, biết được vị thuốc, nên đã dùng để chữa cho mẹ của ông ta, nhà Sư ấy không phạm giới luật.

Qua các ví dụ dẫn chứng trên cho thấy đời sống của Tăng già đã thay đổi và phát triển như thế nào do kết quả của sự biến cải về xã hội và kinh tế trong nhiều thế kỷ qua, do đó mà luật giới cũng cần tu chỉnh, bổ túc và sửa đổi cho thích hợp. Với tinh thần đó, vậy các vấn đề của Tăng Già

trong thế giới ngày nay là gì? Thực tế phải đối phó là chư Tăng sống trong nhiều thời kỳ của thế kỷ 20 không thể theo cách sống được áp dụng tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên hoặc tại Sri Lanka (Tích Lan) vào thế kỷ thứ 5 tây lịch. Một vài luật giới cần tu chỉnh, bổ túc và sửa đổi để thích hợp với các điều kiện xã hội và kinh tế trong thế giới hiện đại cũng như truyền thống của lịch sử Phật giáo.

Cho nên, các sự cải tiến, tu chỉnh và thích nghi rất cần thiết cho ngày nay. Không một sự vật nào có thể tồn tại mà không thay đổi. Sự thích nghi hay diệt vong là định luật không thể tránh của thiên nhiên. Nhưng các sự thay đổi và thích nghi này cần thực hành không vội vàng, hấp tấp mà với sự hết sức thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng và trí tuệ sáng suốt.

*Trích tập "Proceedings" (Kỷ Yếu)  
Third International Congress World  
Buddhist Sangha Council, December 1-7, 1981, Taiwan - Republic of China  
(Đại Hội Tăng Già Thế Giới Kỳ 3, từ ngày 01 đến 07 tháng 12 năm 1981 tại Đài Loan - Trung Hoa Quốc Gia)*

## Rõng

*Nửa trắng lơ lửng bên kia núi  
Khách gió qua thăm cứ ngại ngừng  
Nhà thưa vắng cửa sao không trợ  
Phong trần mấy bận vẫn mông lung*

*Bóng mây che lấp mờ khuôn chữ  
Đi đến bao nhiêu cũng chẳng rời  
Thời nay trở lại nghe sương rụng  
Để thấy hoa rơi ở cuối đời.*

09.10

## Thong Dong

*Thong dong từng bước lên đồi cỏ  
Xa thấy mây xanh mím miệng cười  
Hoa nắng sáng lên ngày mới nở  
Rũ giọt từ tâm ngắt hương thơ.*

## DƯƠNG KIỀU NHI



# LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ HÒA BÌNH THỰC SỰ?

## PHÁP TỬ TRONG LỄ KHAI MẠC LỄ HỘI PHẬT NGỌC CỦA CỘNG ĐỒNG PGVN BẮC CALIFORNIA, NGÀY 03.10.2010

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn thiên đức Tăng Ni,  
Kính thưa toàn thể quý vị quan khách,  
quý đồng hương và thiện nam tín nữ  
Phật tử hiện diện hôm nay,

Lịch sử cho thấy, vì khác biệt tôn giáo, văn hóa, ý thức hệ, quan điểm chính trị; vì quyền lợi của chủng tộc, lãnh thổ, kinh tế, v.v... nhân loại đã trải qua những cuộc tranh chấp, xung đột, từ cấp độ nhỏ ở quốc gia đến cấp độ lớn của châu lục, thậm chí dẫn đến chiến tranh thế giới. Bao nhiêu nhân mạng, tài sản cá nhân hay tập thể, cũng như tài nguyên chung của hành tinh, đã bị tiêu hủy một cách oan uổng, phi lý cho các cuộc chiến tranh trong quá khứ, trong hiện tại, và cũng chẳng có giới hạn nào trong tương lai.

Với những hậu quả tang thương đổ nát từ chiến tranh, nhân loại đã học được gì, và đã làm gì để cứu vãn nhân mạng, bảo vệ thế giới? - Chúng ta thấy, cho đến thế kỷ 21, nhân loại vẫn phải tiếp tục đối diện với nhiều thử thách, nhiều vấn nạn và sự đe dọa của chiến tranh, khủng bố, xung đột quyền lực. Vì vậy, ước vọng cho một nền hòa bình thế giới trở thành ước vọng chung của tất cả chúng ta, của gia đình nhân loại.

Và thưa quý liệt vị, ước vọng đó vốn là một phần trong đại nguyện của người Phật tử từ ngàn xưa đến nay là: chuyển hóa tâm thức con người từ phạm phu bước lên hàng Thánh, chuyển hóa nhân gian loạn động thành tịnh độ phước lạc. Đại nguyện này có thể được triển khai một cách thiết thực và gần gũi với ước vọng hòa bình của nhân loại hiện nay như sau:

- **Hòa bình đối với tự thân:** giảm thiểu tham muốn bằng giới; chế ngự sân hận bằng thiền định; hóa giải những cuồng vọng si mê bằng trí tuệ giác ngộ.
- **Hòa bình đối với con người:** không tham lam chiếm đoạt sở hữu của người; không hận thù, không bạo động và làm tổn thương mạng sống của kẻ khác; không cố chấp, không thành kiến đối với quan điểm và niềm tin của kẻ khác.
- **Hòa bình đối với hoàn cảnh:** nghĩ đến nạn đói lạnh, cơ cực, thiếu thốn của kẻ khác, không tiêu xài phung phí dù là của riêng; tập giảm thiểu mức thụ hưởng của mình để có thể chia sẻ với tha nhân; bảo vệ môi trường xanh của hành tinh, không tiêu thụ lãng phí và hủy hoại tài nguyên chung.

Kính thưa quý liệt vị,  
Thay mặt cộng đồng Tăng Ni Phật giáo Việt Nam Bắc California, xin được mạn phép nói rằng, Phật Ngọc hiện diện tại đạo tràng Chùa Kim Quang, Sacramento hôm nay, là biểu tượng thiêng liêng cho ước vọng hòa bình của nhân loại; là sự biểu đạt cao đẹp của Phật giáo

đồng đối với niềm phúc lạc chân thật của con người và cuộc đời; nhưng nếu bản thân mỗi người chúng ta không nỗ lực thực hiện 3 phương thức hòa bình của Phật giáo nói trên, thì sẽ không có nền hòa bình nào đến với thế giới này. Hòa bình phải được bắt đầu từ bản tâm và hạnh nguyện của chính chúng ta, không phải được ban phát từ bất cứ ai, bất cứ thần linh hay ngẫu tượng nào bên ngoài.

Nói như thế, chúng tôi muốn nhắc nhở quý thiện nam tín nữ đến chiêm bái và cầu nguyện trước Phật Ngọc rằng, những lời cầu nguyện của chúng ta chỉ có nghĩa là cùng gia tâm vào ý lực chung của Phật giáo đồ trên toàn thế giới, nhưng điều quan trọng nhất là mỗi người chúng ta phải thực hiện hòa bình đối với tự thân (không tham, không sân, không si), đối với con người (bố thí, thương yêu, cảm thông), đối với hoàn cảnh (thiếu dục tri túc, san sẻ lợi ích với kẻ đói thiếu, không phung phí tài nguyên của hành tinh). Được như thế thì thân và tâm chúng ta tương hợp với các phẩm tính cao đẹp của Đức Phật, đồng thời đối xứng với Phật Ngọc Vì Hòa Bình Thế Giới.

Trong ý niệm như thế, tôi xin thành tâm cảm niệm công đức của đạo hữu Ian Green đã mang Phật Ngọc đến với nhiều đạo tràng, nhiều quốc gia, khơi dậy niềm kính tin của người Phật-tử hay không-Phật-tử đối với Đức Phật, cũng như nối kết những tâm lành ở khắp nơi đối với nền hòa bình thế giới.

Tôi cũng không quên cảm ơn Ban Tổ Chức đã tạo thiện duyên cho Phật tử gần xa được chiêm bái, tu tập, hành trì phước thiện nơi đạo tràng trang nghiêm này, cũng như đã cho tôi được vinh hạnh thay mặt chư tôn đức Tăng Ni, nói lên cảm nghĩ chân thành của một lão tăng đối với ước vọng hòa bình chung của dân tộc và nhân loại.

Nam mô Đạo tràng Hội thượng Phật Bồ tát Ma ha tát

**Sa môn Thích Thăng Hoan**



# VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ ĐÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Nguyên Siêu

Mở đầu cuốn Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam, Quyển 1, nhà sử học Phạm Cao Dương viết: Dù sống tàn mạt ở bất cứ phương trời nào, trong bất cứ quốc gia nào hay ở chính quốc, người Việt Nam đều thuộc về một dân tộc thuần nhất, có chung một nguồn gốc, một quá khứ và những ước vọng chung về một ngày mai tươi đẹp huy hoàng.

Lịch sử hơn bốn ngàn năm Văn hiến của dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng không ít về các điều kiện phát triển thiên nhiên, cùng hoàn cảnh sinh sống của dân tộc, vì thế Văn hóa Việt Nam cũng theo tiến trình Lịch sử đã tạo nên một nền văn hóa có một sắc thái rất đặc thù.

Nói đến văn hóa tức là nói đến tổ chức đời sống của một dân tộc, trong đó bao gồm các mặt kinh tế, xã hội, luật lệ, văn chương, mỹ thuật, tôn giáo, v.v...

Sự phát triển đời sống xã hội của nhân loại nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng đều chịu ảnh hưởng một phần không nhỏ vào điều kiện phát triển đời sống vật chất và tâm linh của từng địa phương.

Do ở một vị thế địa lý đặc biệt trên giao lộ quốc tế, Nước Việt Nam là nơi gặp gỡ giữa các nền văn minh An-Hoa lẫn văn minh Hy-La. Người Việt Nam đã tiếp xúc và hấp thụ được từ các nguồn tư tưởng sâu sắc, tốt đẹp nhất. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có khả năng tiếp nhận và Việt hóa những tinh hoa các trào lưu văn hóa Đông Tây, gạt bỏ những điều không thích hợp với lối sống dân tộc để trở thành một nền văn hóa dân tộc với những đặc tính tự chủ, nhân bản, bất khuất. Tinh hoa của nền văn minh An Hoa đã được người Việt Nam gạn lọc, đồng hóa để trở thành nền văn hóa cổ truyền, thấm nhuần vào nếp sống Việt Nam. Đạo Khổng và đạo Lão được đưa vào Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc bởi các quan lại Trung Hoa với mục đích tổ chức cai trị, người Việt Nam khéo léo dung hợp để đề cao tinh thần dân tộc và tính đoàn kết.

Dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng một phần văn hóa và phong tục Trung Hoa sau hơn một ngàn năm bị họ đô hộ, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn giữ nguyên bản chất của mình với một nền văn hóa riêng biệt. Người Việt Nam dùng chữ Hán trong văn tự, nhưng nhất định không đọc theo giọng Tàu, cũng như không nói tiếng Tàu.

Một nền văn hóa có giá trị được định nghĩa là một nền văn hóa nhân bản, phụng sự con người và nâng cao giá trị con người. Văn hóa dân tộc Việt Nam qua bao thăng trầm đều nhằm mục đích phụng sự quốc gia, dân tộc. Thừa hưởng giá trị của nền văn hóa dân tộc đó, dân tộc Việt Nam là một dân tộc có một lòng yêu nước thâm sâu, một tình cảm bao dung, độ lượng và một đức tính hy sinh vô bờ bến.

Song hành với tự tình quốc gia, dân tộc, Đạo Phật đã hướng dẫn con người có một nhận định, một niềm tin hầu tạo nên một sức phấn đấu để tự thực hiện và xây dựng một sự sống an lành cho chính mình và cho

nhân loại, vì thế tư tưởng Phật giáo đã thấm nhuần trong tâm khảm của mỗi người, được nuôi dưỡng bởi mọi người, và cũng đang tồn tại vì cuộc đời.

Đạo Phật có khả năng dung hòa rất mạnh mẽ. Bằng nguyên lý căn bản của Phật Pháp, bằng giá trị tu tập, Đạo Phật đi đến đâu đều thích nghi ngay với văn hóa, chính trị ở nơi đó mà hoàng dương phát triển. Có thể nói Trí tuệ Thực chứng là dẫn đạo cốt yếu cho mọi sinh hoạt Phật sự, sẽ hoàn thành một cách linh động mọi căn cơ, phương tiện.

Do vậy, Phật Giáo đã được dân tộc Việt Nam trang trọng đón nhận và trân quý giữ gìn.

Ở đây, chúng ta thử nhìn vào sự ảnh hưởng và tính hỗ tương giữa Văn Hóa Dân Tộc và Phật Giáo Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, kể từ thời mở nước và dựng nước của dân tộc.

Nước Việt Nam lập quốc từ họ Hồng Bàng, khởi đầu là Kinh Dương Vương và 18 đời vua Hùng Vương (khoảng 2897 năm trước Tây lịch), quốc hiệu là Văn Lang. Qua nhiều thời đại, quốc hiệu thay đổi nhiều lần. Chúng ta tạm chia các giai đoạn Lịch sử theo bài viết này các thời kỳ như sau:

- Thời kỳ Lập Quốc và Bắc thuộc.
- Thời Kỳ Tự Chủ và Cận Đại.
- Thời Kỳ Hiện Đại.
- Thời Hải Ngoại.

## I. Thời Kỳ Lập Quốc và Bắc Thuộc

Vua Hùng Vương là Quốc Tổ của dân tộc Việt, đã đặt nền móng căn bản cho xã hội Việt Nam thời thượng cổ.

Truyền thuyết Một Bọc Trăm Trứng được truyền tụng từ đời này qua đời khác, biểu tượng nòi giống Rồng Tiên đã ăn sâu vào tâm khảm của người dân Việt, như một nhắc nhở thiêng liêng về huyết thống, cội nguồn của dân tộc.

Vua Hùng Vương đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, đặt ra các quan chức Lạc Hầu, Lạc tướng, lấy các việc thuần hậu, đạo đức làm căn bản để trị dân.

Các Vua Hùng truyền ngôi được tất cả 18 đời, đều cùng lấy hiệu là Hùng Vương.

Thời kỳ này đã có nhiều đặc điểm truyền thống tinh thần của dân tộc qua các chuyện cổ tích còn được lưu truyền đến ngày nay như chuyện Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân, chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh, chuyện Trầu Cau, chuyện Bánh Dầy Bánh Chưng, chuyện Chử Đồng Tử v. v. . . . Nổi bật nhất có lẽ là chuyện Thành Cổ Loa và An Dương Vương. Thành Cổ Loa, cho đến nay vẫn còn vết tích chứng minh nền văn minh trống đồng của dân tộc Việt.

Tuy ở thời kỳ thượng cổ, văn hóa còn sơ khai, nhưng ý nghĩa của những chuyện cổ tích thời đó đã hàm chứa rất nhiều đặc tính văn hóa của dân tộc mà chúng ta còn thừa hưởng được cho đến ngày nay như chuyện Bánh Dầy, Bánh Chưng nói lên ý nghĩa cao quý của nguồn gốc nhân bản dân tộc, đồng thời cũng nêu cao ý nghĩa thờ cúng Tổ Tiên, tỏ lòng biết ơn cha mẹ, nhớ đến cội nguồn. Ý thức này là nền tảng cho gia đình, dân tộc trong đời sống văn hóa cổ truyền của người Việt. Từ đó, tinh thần gia đình và phong tục ở chuyện Trầu Cau, lòng ái quốc thương nòi qua hình ảnh Phù Đổng Thiên Vương được in sâu

vào lòng người dân Việt.

Nhìn chung, văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa tự chủ, có dân tộc tính, có khả năng sinh tồn và không bị đồng hóa bởi các nền văn hóa khác mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của phong tục Trung Hoa, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn giữ nguyên bản chất của người Việt với một nền văn hóa cá biệt. Dân tộc Việt Nam đã khéo léo biết dung hợp những cái tinh túy của văn hóa người và thay đổi cho thích hợp để tạo thành bản chất riêng biệt Việt Nam. Vì thế, mặc dù dân tộc Việt Nam bị người Trung Hoa đô hộ trên một ngàn năm, bản chất văn hóa dân tộc không những vẫn tồn tại mà còn được phát triển tốt đẹp hơn bằng cách Việt Nam hóa những tinh túy của văn minh Trung Hoa.

Trong khoảng hơn một ngàn năm này, các triều đại bên Tàu liên tiếp xua quân xâm chiếm nước ta, đặt dân Việt Nam dưới ách đô hộ của họ, bắt đầu từ nhà Hán, nhà Ngô, nhà Lương, nhà Đường và chấm dứt khi quân nhà Đông Hán bị Ngô Vương Quyền đánh tan trên sông Bạch Đằng.

Lúc đầu, tuy có tiếp xúc trực tiếp với Ấn Độ, nhưng sự phát triển của Phật giáo hết sức phôi thai. Các vị sư như Mâu Bác, Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Chưởng Lương được sử sách chép là những vị đầu tiên truyền bá Phật Giáo vào Việt Nam.

Sang đến các triều đại Tùy, Đường bên Trung Hoa, đạo Phật được phát triển tại Việt Nam tương đối vững vàng hơn nhờ ở sự hiện diện khá nhiều của các Tăng sĩ Trung Hoa sang Việt Nam lánh nạn vì tình trạng loạn lạc bất ổn trong các triều đại ở Trung Hoa. Trong thời gian này, Phật Giáo phát triển đã có hệ thống như ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi từ Ấn Độ qua Việt Nam truyền pháp làm từ thứ nhất của phái Thiên Tông Tỳ-ni-đa-lưu-chi tại chùa Pháp Vân, tỉnh Bắc Ninh, sau lại có Vô-Ngôn-Thông lập ra phái Vô-Ngôn-Thông ở chùa Kiến Sơ cũng ở Bắc Ninh, sau đến các phái như Thảo Đường, Tào Động, Lâm Tế v. v. . . . điển hình nhất là những kinh sách được dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán qua sự thông ngôn của người bản xứ.

Theo đó, sự phát sinh một nền văn

hóa Việt Hán là do nỗ lực truyền bá cương bách, nghiêm ngã của các quan lại người Tàu, cùng với sự hấp thụ tự nhiên của người bản xứ sau hơn mười thế kỷ bị thống trị, đồng thời cũng do sự nỗ lực của các sư người Tàu như Vô-Thông-Ngôn, Thảo Đường trong việc truyền bá Phật Giáo vào Việt Nam.

## II. Thời Kỳ Tự Chủ và Cận Đại

Thời kỳ này bắt đầu từ năm 939, sau khi Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, mở đầu một kỷ nguyên mới cho một quốc gia Việt Nam độc lập.

Đến đời nhà Đinh, nhà Tiền Lê thì các Tăng sĩ lỗi lạc đều được triệu về giúp Vua lo cho dân cho nước. Phật Giáo được triều đình công nhận từ đây.

Cho đến đời Lý Thái Tổ thì Phật Giáo được cực kỳ trọng vọng. Chùa chiền được xây cất và trùng tu rất nhiều. Nổi tiếng nhất phải kể đến Vạn Hạnh Thiền Sư, người có công giúp Lý Thái Tổ lập nên nhà Lý.

Chúng ta đọc lịch sử Phật giáo thế giới, chưa thấy có vị Vua nào từ bỏ ngai vàng để đi tu, nhưng dưới triều đại nhà Trần đã có các vị Vua xem ngai vàng điện ngọc như đôi dép rách, không màng danh lợi, luyện tức ngồi bái, xem vinh hoa phú quý nhẹ tựa mây trời. Có nhà Vua đã từng từ bỏ cung điện trở vào núi xin xuất gia, sống đời Tăng sĩ. Chúng ta đủ biết nền văn hóa Phật giáo - Phật pháp đã ăn sâu mọc rễ trong quảng đại quần chúng, giá trị thực tu, thực chứng, bằng lý tưởng Bồ Tát đạo, lý tưởng giác ngộ giải thoát đã được người dân tiếp nhận một cách sâu xa và thấm đượm hương giải thoát thuần nhất.

Thời đại tự chủ này, nền văn hóa đạo Phật đã đóng góp một cách tích cực cho quốc gia dân tộc. Một mặt thì lo tô bồi nền văn học, mở trường giáo dục, thuyết giảng Phật pháp, chỉnh đốn chính trị, thể chế quốc gia hầu kiện toàn một nền tự chủ, độc lập. Một mặt lo chống giữ sơn hà, dẹp tan quân xâm lăng nhà Nguyên đem lại cho nước nhà được thanh bình thịnh trị.

Từ tiếng nói đoàn kết của toàn dân qua tinh thần nhất quán của Hội Nghị Diên Hồng, đã tỏ rõ tinh thần yêu nước, từ Vua quan đến dân chúng, đã biểu lộ và nêu cao gương hòa hợp thống nhất: Hội hợp trong tinh thần đoàn kết, bàn luận trong tinh thần đoàn kết và giải tán trong tinh thần đoàn kết mà Đức Phật đã dạy. Đây là những điểm son của lịch sử nước nhà. Người học đạo, hiểu đạo và biết áp dụng cái học, cái hiểu của mình để xây dựng, làm những điều ích nước lợi dân.





không màng danh lợi, luyện tiếc ngôi báu, xem vinh hoa phú quý nhẹ tựa mây trời. Có nhà Vua đã từng từ bỏ cung điện trốn vào núi xin xuất gia, sống đời Tăng sĩ. Chừng ấy đủ biết nền văn hóa Phật giáo - Phật pháp đã ăn sâu mọc rễ trong quảng đại quần chúng, giá trị thực tu, thực chứng, bằng lý tưởng Bồ Tát đạo, lý tưởng giác ngộ giải thoát đã được người dân tiếp nhận một cách sâu xa và thấm đượm hương giải thoát thuần nhất.

Thời đại tự chủ này, nền văn hóa đạo Phật đã đóng góp một cách tích cực cho quốc gia dân tộc. Một mặt thì lo cho nền văn học, mở trường giáo dục, thuyết giảng Phật pháp, chính đốn chính trị, thể chế quốc gia hầu kiện toàn một nền tự chủ, độc lập. Một mặt lo chống giữ sơn hà, dẹp tan quân xâm lăng nhà Nguyên đem lại cho nước nhà được thanh bình thịnh trị.

Từ tiếng nói đoàn kết của toàn dân qua tinh thần nhất quán của Hội Nghị Diên Hồng, đã tỏ rõ tinh thần yêu nước, từ Vua quan đến dân chúng, đã biểu lộ và nêu cao gương hòa hợp thống nhất: Hội hợp trong tinh thần đoàn kết, bàn luận trong tinh thần đoàn kết mà Đức Phật đã dạy. Đây là những điểm son của lịch sử nước nhà. Người học đạo, hiểu đạo và biết áp dụng cái học, cái hiểu của mình để xây dựng, làm những điều ích nước lợi dân.

Trên chặng đường lịch sử này, ngoài xã hội, con dân thì lưu xuất các bậc anh tài, tuấn kiệt, các anh hùng dân tộc như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Trần Nhật Duật, Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư . . . đánh đuổi xâm lăng giữ yên bờ cõi nước nhà, một thời được thanh bình thịnh trị. Trong đạo giáo thì thánh sanh chư vị Long Tượng, Thạch Trụ, Thiền Gia, chư vị Tổ Sư Thiền Môn Pháp phái mà tự thân của chư vị minh quân tài đức đã thể đạt tu chúng.

Vua Trần Thánh Tông lên ngôi Thái Thượng Hoàng năm Mậu Dần (1278), truyền ngôi lại cho con là Thái Tử Khâm tức Vua Trần Nhân Tông, người đã có một trí tuệ ưu việt, thông minh đỉnh đạt, lâu thông kinh điển. Lúc quốc gia thanh bình, dân chúng ấm no lạc nghiệp nhà Vua chong đèn đọc sách dịch kinh, chuyên cần tu tịnh. Lúc nước nhà bị giày xéo xâm lăng, thì nhà Vua cầm quân, cưỡi ngựa xông pha ngoài trận mạc, đánh đuổi ngoại xâm, giữ yên sơn hà xã tắc. Nhà Vua tu đạo Bồ Tát, phụng hành hạnh vị tha, thỉnh cầu Tuệ Trung Thượng Sĩ chỉ dạy pháp tu, chuyên tinh thiền định để rồi chứng đắc Sơ Tổ Thiền Tông Trúc Lâm Yên Tử. Tổ Trúc Lâm trước khi thị tịch, nói kệ chúng đấng:

*Nhất thiết Pháp bất sanh,  
Nhất thiết Pháp bất diệt,  
Nhược năng như thị giải,  
Chư Phật thường hiện tiền,  
Hà khứ lai chi hữu.*

Và Tôn hiệu của Ngài là Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tĩnh Huệ Giác Hoàng Diệu Ngự Tổ Phật. Chư Vị Tổ Đức Pháp Loa Tôn Sư, Huyền Quang Tôn Sư... trước khi thị tịch cũng như bao nhiều Tổ Sư trước, Pháp Loa Tôn Sư đã đề kệ:

*Trần duyên rũ sạch từ xưa,  
Bốn mươi năm lẻ, bây giờ là tiên,  
Hỏi chi thêm bận, thêm phiền,  
Trắng thanh gió mát là miền tiêu dao.*

Và Huyền Quang Tôn Sư cũng vậy, nhà Vua đã ban cho Ngài tự hiệu: Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Huyền Quang Tôn Sư.

Như sợi chỉ tơ lung linh trước gió, khi thẳng khi chùng đã xuyên suốt một dòng lịch sử, nền văn hóa dân

tộc có lúc thật thiết tha tình tự, nhưng cũng có lúc phôi pha, nghiệt ngã bởi những văn hóa ngoại lai xâm nhập, hay tình tự dân tộc bị xói mòn theo tính tùy tiện. Do vậy, dòng sinh mệnh Phật giáo chảy dài suốt chặng đường lịch sử dân tộc cho đến thời kỳ cận đại và hiện đại cũng bị ảnh hưởng sự suy sụp đó không ít. Nói chung, khi đất nước được thanh bình phồn thịnh, dân chúng được tự do, hạnh phúc, thì đạo Phật cũng được tự do hành đạo. Còn lúc gặp thời nghiệt ngã, đất nước điêu linh, thì đạo Phật cũng phải uốn mình chảy qua các thác ghềnh thời đại, để cùng chia sẻ nỗi đau chung của dân tộc.

### III. Thời Kỳ Hiện Đại

Nền văn hóa dân tộc Việt ngày nay đã bị lật ngược dưới thể chế nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa từ giáo dục, học thuật, tín ngưỡng, xã hội, từ thiện, đạo đức. . . cả một truyền thống văn hóa tốt đẹp bị lung lay tận gốc rễ.

Hòa Thượng Huyền Quang cũng đã nói:

"Đảng CS Việt Nam là đàn cháu chắt, là kẻ hậu sinh ăn trái rồi bẻ cành, nhổ gốc đập nát, uống nước đầu nguồn rồi quấy phá tanh hôi."

Tất cả những gia sản quý báu mang tính cách lịch sử, những cái hay, cái đẹp của đất nước đã bị nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa phá hủy, đập bỏ, hầu hết những đồ cổ của các Bảo Tàng Viện đã không cánh mà bay ra nước ngoài chỉ vì những lợi nhuận cá nhân. Đây chỉ là một phần nhỏ của lãnh vực nghệ thuật điêu khắc hội họa. Dưới sự lãnh đạo của những đỉnh cao trí tuệ bần nông nền giáo dục, đạo đức, lễ nghi, hiểu kính đã bị đẩy sâu xuống bến bờ vực thẳm để tạo nên nạn thất học, trẻ em bị tung ra ngoài xã hội bươi móc từng đồng rác nhất giấy rách, ve chai để phụ giúp cho sinh kế gia đình; nạn trộm cắp cướp giật của những người quyền thế lấn áp quần chúng nghèo khổ tạo nên những tệ nạn xã hội và nạn quan liêu tham nhũng đã làm ung thối đất nước. Còn tôn giáo, từ thiện thì sao? Tín ngưỡng không còn được tôn trọng, họ đã chà đạp, đàn áp, bắt bớ tù đầy những người đấu tranh vì dân, vì nước. Từ những sự suy sụp trầm trọng của ngôi nhà tâm linh, đạo đức, đã kéo theo luôn nền văn hóa, văn học nước nhà lún xuống vực sâu.

Lương dân bị bức hại, nhân quyền bị chà đạp, vận mệnh quốc gia dân tộc là trọng mà nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa còn không quan tâm xây dựng hạ hống gì là tôn giáo? Do vậy, cùng chung số phận với đất nước, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã bị bức tử để nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa thành lập Giáo Hội Nhà Nước, là một bộ phận cơ chế đảng CSVN. Vậy thì nói đến nền văn hóa dân tộc Việt và dòng sinh mệnh Phật giáo vào thời hiện đại, chúng ta phải nói cái gì? Nói cái bất công và nô lệ? Nói cái tệ trạng xã hội: sự nghèo đói, bão lụt, nhà trôi mất cửa? Nói đến sự ngu dốt, bần cùng mà nhà nước quan liêu đã không chấn chỉnh vực dậy những gì đã sa sút? Nói đến tín ngưỡng bị chà đạp và đảng phái hóa nhân sự Giáo Hội Nhà Nước? Nói đến sự lũng đoạn, thao túng cài người làm tình báo công an? Văn hóa là sự trong sáng và sáng tạo của con người, là nếp sống với tập tục thanh cao, là những lời hay ý đẹp của một con người, là đời sống cố nhân, cố nghĩa, biết trên biết dưới, tình người thuần hậu nhân bản. Văn hóa là nền tảng của đất nước được thành tựu bởi từng cá nhân đóng góp bằng tình cảm thương yêu, bằng lời nói nhã nhặn lịch sử, bằng cử chỉ lễ độ, bằng tấm lòng lịch nghiệm bao dung, bằng tư cách phong thái đạo đức thiện mỹ. Từ đó,

nền văn hóa dân tộc được đượm nhuần tươi mát, và trưởng thành sức sống thực, sống đẹp, sống tinh khôi. Do vậy, thể hệ người hiện tại phải ý thức sự tồn vong của nền văn hóa cổ truyền nước nhà để bảo tồn và xây dựng những cái hay cái đẹp. Sử gia Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, quyển 2, trang 353, đã nói:

"Mặc dù nước Việt Nam hiện nay hoàn toàn độc lập, nhưng sự hay dở tương lai chưa biết ra thế nào? Song người bản quốc phải biết rằng, phàm sự sinh tồn của một nước, là ở cái chí nguyên, sự nhẫn nại và sự cố gắng của người trong nước, vậy ta phải hết sức mà học tập, mà giữ cái tâm trí cho bền vững thì chắc chắn tương lai còn có nhiều hy vọng. Nước Việt Nam ta đã có cái văn hóa chẳng thua kém gì ai, và lại có một lịch sử vẻ vang, nếu ta biết lợi dụng cái tiềm lực cổ hữu và cái tính thông minh hiểu học của ta để theo thời mà tiến hóa, thì sao ta lại không có ngày nổi được cái chí của ông cha mà dật thêm một đoạn lịch sử mỹ lệ hơn trước?"

Đây là ước vọng chung của con dân Việt Nam, hãy cùng nhau dệt nên tấm thảm văn hóa nhiều màu sắc, trân quý cho quê hương dân tộc, mà không là tiếp tay với những ai vong thân, vọng ngoại để đánh mất nền văn hóa giống nòi.

Sự góp phần những giọt nước để tạo thành những dòng sông văn hóa do tất cả mọi người đều thực hiện, không miễn trừ một ai, chỉ khác nhau là kẻ nhận thức ra hay kẻ không nhận thức ra. Và dĩ nhiên những phần đóng góp này cũng khác nhau, góp nước trong và góp nước đục lẫn cả đất bùn rác rến, bản thui tanh hôi. Nhận thức ra sự góp phần này, chúng ta ai cũng biết là nên góp phần nước trong, không nên góp phần nước đục, thì dòng sông sẽ trong, nhiều người góp phần nước đục thì dòng sông sẽ đục. Hơn nữa, dòng sông luôn luôn chảy, không có dòng sông nào hoàn toàn đứng hay hoàn toàn đục. Cũng không có sự trong hay đục nào thường hằng vĩnh cửu, sự gạn đục khơi trong là sự kiện trong tâm tay của tất cả con dân đất nước, đạt được hay không chỉ là vấn đề thời gian và mọi người cùng có ý thức, cùng nhiệt tâm bắt tay bảo nhau cùng làm hay không? Đó là nghĩa vụ phải làm, Nghĩa Vụ Văn Hóa, con dân đất nước phải lo làm tròn đối với dân tộc. - (Văn Hóa Việt Nam - Duyên Hạc Lê Thái Ất - trang 464, Đốc Sự 17 Quốc Gia Hành Chánh xuất bản năm 1999.)

Ba thập niên ở miền Bắc và hơn hai thập niên ở miền Nam, nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã làm giòng sông văn hóa dân tộc bị vẩn đục và ô nhiễm. Lý do, là vì họ góp quá nhiều nước đục từ tư tưởng ngoại lai Maxism-Léninism. Chủ trương đầu tổ, giết hại thành phần địa chủ rập khuôn theo Trung quốc đã làm cho đất nước dân tộc điêu linh, thống khổ, thì làm gì có cái đẹp, cái hay, cái trong sáng trong chủ nghĩa tàn độc đó. Vì thế, trong trách nhiệm và bổn phận của con dân nước Việt, chúng ta hãy cùng góp phần chấn chỉnh lại nề nếp gia phong để tạo thành sinh lực và tác động văn hóa vào lòng quê hương, cứu vãn lại nền văn hóa cổ truyền tốt đẹp của cha ông đã dần dần băng hoại, giữa lúc cả thế giới ngày càng lớn mạnh.

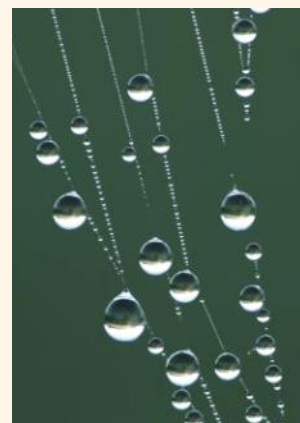
Thế hệ người Việt chúng ta hôm nay, nếu không kịp thời thức tỉnh để tạo dựng và tự thành nền văn hóa tiến bộ cho nước nhà thì chắc hẳn rằng quê hương sẽ đắm chìm trôi chảy trong giòng văn hóa suy đồi của chủ nghĩa ngoại lai, để rồi nền văn hiến hơn 4000 năm của cha ông để lại sẽ không còn, mà văn hiến không còn thì văn minh cũng không có và văn minh không có thì văn hóa chỉ là cái xác không hồn, tinh hoa văn hóa bị hủy diệt.

Tóm lại, nền văn hóa dân tộc và Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn lịch sử hiện tại từ năm 1975 đến nay vô cùng đen tối, đạo pháp và quê hương đang gánh chịu một đại thảm họa chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt.

### IV. Thời Hải Ngoại

Kể từ sau biến cố 1975, làn sóng người Việt tị nạn lưu lạc trên khắp thế giới, bằng mọi phương tiện vượt biên, vượt biển đã mang theo tinh hoa đất nước bay đi khắp nơi, từ những người dân cần cù lam lũ, đến những thành phần khoa bảng trí thức, các giới văn nghệ sĩ, các thành phần quân, cán, chính của quốc gia cho đến các chư Tăng Ni cũng có mặt trong đoàn người tha hương này. Những con tàu vượt biển này đã lao lung cùng bão tố, sóng to biển cả, có chuyến may mắn được đến bến bờ bình an, có chuyến cũng

(Xem tiếp trang 10)



*Buông...*

*Sương mờ ướp cỏ, chân nhẹ bước  
Lối cũ thềm thang... đón mặt trời  
Cây nghiêng mình, chim cao giọng hót  
Bàn tay khẽ chạm, đóa hoa cười.*

*Lá vẫn xanh màu, mây vẫn bay  
Nhiệm mầu vũ trụ vẫn vẫn xoay  
Một niềm xuyên qua ngàn thế giới  
Buông bỏ còn đau hạt cải này!*

(Đêm tương ngộ của giòng sông ý thức)

**THÍCH NỮ VIÊN QUANG**



# QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**  
Người dịch: **THẮNG HOAN**

## LỜI GIỚI THIỆU

Biên khảo về sử học Phật Giáo là một công trình to lớn, đòi hỏi đầu tư vào rất nhiều công phu nghiên cứu, nhất là nghiên cứu sử tiến trình Phật Giáo thời tiền sử. Trong thời kỳ tiền sử, sử học Phật Giáo có tính cách biến sử không được nhất quán, thí dụ như ngày đản sanh, ngày xuất gia, ngày thành đạo, ngày nhập niết bàn của Đức Phật Thích Ca trong sử học có nhiều kinh luận nói khác nhau không đồng nhất, về phương diện này dường như đức Phật không quan tâm đến, cho nên sau này người viết sử ghi lại cuộc đời Đức Phật Thích Ca theo sự trí nhớ mập mờ của mình. Khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, những kinh điển của ngài chỉ dạy không thấy đề cập đến sử học, có lẽ ngài chú trọng truyền bá chánh pháp mà ngài đã chứng ngộ để cứu độ chúng sanh sớm thoát khỏi mọi sự khổ đau của cuộc đời trần ai hơn là lý luận triết học trên lãnh vực tư tưởng không lợi ích thiết thực, do đó ngài không bàn đến sử học thế gian đương thời. Hơn nữa các đệ tử của ngài lúc bấy giờ đặt trọn niềm tin nơi ngài những đức tánh cao quý mà ngài đã đạt được như:

- Ngài là một chứng nhân của các bậc Thánh Đức giác ngộ và giải thoát.
- Những lời dạy của ngài là chân lý thực nghiệm tối thượng.

Chỉ cần hành trì theo những lời chỉ dẫn của ngài để sớm được chứng đắc như ngài mà không cần suy luận và diễn dịch chân giả, đúng sai.

Theo Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm, chương 6, phần đầu chia lịch sử Phật Giáo thành 3 thời kỳ: chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp. "Thời kỳ Chánh Pháp gồm có 500 năm kể từ khi Như Lai diệt độ, y theo giáo pháp tu hành thì chứng quả. Thời kỳ Tượng Pháp gồm có 1000 năm kể từ sau 500 năm của Chánh Pháp. Thời kỳ này tuy có người tu nhưng ít người chứng đắc. Thời kỳ Mạt Pháp kể từ sau 1000 năm của Tượng Pháp trở đi. Thời kỳ này tuy có người lãnh thọ giáo pháp nhưng không có người tu chứng." Cũng theo kinh luận này giải thích: thời kỳ Chánh Pháp là thời kỳ Đức Tin Kiên Cố, thời kỳ Tượng Pháp là thời kỳ Nghị Luận Kiên Cố, thời kỳ Mạt Pháp là thời kỳ Đấu Tranh Kiên Cố.

Theo những dữ kiện trên, Sử Học Phật Giáo có thể được quan tâm nghiên cứu vào thời kỳ Nghị Luận Kiên Cố của thời Tượng Pháp, nguyên vì trong thời kỳ này, những tư tưởng và triết học của Phật Giáo thì đưa phát triển đa dạng. Sử học Phật Giáo kể từ Đức Phật Thích Ca thành đạo cho đến thời kỳ Sử Học Thế Giới được đề cao trong văn học nhân loại, mặc dù có tánh cách Biên Sử, nhưng Tư Tưởng Sử của Phật Giáo trong tiến trình phát triển cho đến ngày nay có thể nói là đồng nhất cùng một mục đích của Đức Phật Thích Ca chủ trương từ ban đầu không có chút nào mâu thuẫn lẫn nhau lý tưởng và

thăng tiến theo nhịp độ văn minh của nhân loại mà không sai lập trường tôn giáo. Đó là điều đặc sắc của Phật Giáo trong sự thăng hóa tư tưởng sử có hệ thống.

Người nghiên cứu sử học Phật Giáo nếu muốn làm sáng tỏ bản sắc sử học Phật Giáo, nhất là minh định rõ ràng và cụ thể những mốc câu tiến trình tư tưởng sử Phật Giáo kể từ khi Đức Phật Thích Ca ra đời cho đến ngày nay một cách dung thông nhất quán, phải có kiến thức khoa học, có khả năng tổng hợp toàn diện mọi học thuyết, phải có trí tuệ thẩm định và phân loại quan điểm tất cả mọi khuynh hướng tư tưởng của các hệ phái qua các thời đại thì mới xứng đáng là một sử gia lưu danh kim cổ và những tác phẩm đó mới giúp ích cho những hậu học sau này. Tôi nhơn đọc một tác phẩm "DUY THỨC SỬ QUAN DỮ KỶ TRIẾT HỌC" của tác giả Pháp Sư Pháp Phảng, nhận thấy Pháp Sư thật xứng đáng là một sử gia như đã đánh giá ở trên. Pháp Sư không những là một sử gia thông bác mà còn là một triết gia và duy thức gia đáng phục, đúng ra là một duy thức gia chuyên nghiệp, nguyên vì ngài đứng trên lập trường Duy Thức Học để minh định sử học và triết học. Pháp Sư chẳng những làm sáng tỏ bản sắc sử học Phật Giáo mà còn thẩm định cụ thể lập trường của Đức Phật Thích Ca qua các kinh luận của Phật Đà để lại và còn phê phán cụ thể những đặc sắc tư tưởng của các Bộ Phái Ấn Độ, của các Tông Phái Trung Hoa trên lãnh vực sử học và triết học. Chúng ta đọc đến tác phẩm nói trên của Pháp Sư như nằm vững bản đồ của rừng hoa văn hóa tư tưởng vạn năng của Phật Giáo. Các đọc giả muốn biết khả năng thông bác của Pháp Sư xin đọc những tác phẩm của người sẽ rõ.

Tôi nhận thấy tác phẩm "DUY THỨC SỬ QUAN DỮ KỶ TRIẾT HỌC" của Pháp Sư rất có giá trị liên mạo muội xin dịch tác phẩm này ra tiếng Việt để làm tài liệu. Tác phẩm "DUY THỨC SỬ QUAN DỮ KỶ TRIẾT HỌC" gồm có hai phần: Phần Sử Học và Phần Triết Học. Duy Thức Sử Quan thì thuộc về phần sử học và Dữ Kỳ Triết Học thì thuộc về phần triết học. Tôi chia hai phần này dịch thành hai quyển khác nhau: quyển "Duy Thức Sử Quan" và quyển "Dữ Kỳ Triết Học." Nhan đề "Duy Thức Sử Quan": chữ Sử là sử học và chữ Quan là quan niệm. Từ đó "Duy Thức Sử Quan" tôi dịch là "Quan Niệm Về Sử Học Của Duy Thức". Còn nhan đề "Dữ Kỳ Triết Học": chữ "Dữ" là thuộc về giới từ, nghĩa là "và" và chữ "Kỳ" là đại danh từ chỉ cho "Duy Thức và Quan". Cũng từ đó "Dữ Kỳ Triết Học" tôi dịch là "Quan Niệm Về Triết Học Của Duy Thức".

Với mục đích làm phong phú cho nền văn học Phật Giáo về Tông Phái Duy Thức, nội dung hai quyển sách nói trên trong tác phẩm "DUY THỨC SỬ QUAN DỮ KỶ TRIẾT HỌC" tôi dịch theo lối thoát văn mà không lệ thuộc quá nhiều văn phạm Trung Quốc nhằm lấy ý tưởng hay đẹp trong đó để cống hiến quý đọc giả quan tâm đến Pháp Tướng Duy Thức Học. Trong khi dịch, những

chỗ nào tối nghĩa tôi có thêm vào một số lời văn của dịch giả để làm rõ nghĩa mà không sai ý tứ của tác giả miễn làm sao đọc giả dễ tiếp nhận giá trị của tư tưởng. Tôi dịch mặc dù lời văn không hay lời không dẻo gọt cho có hoa mỹ, nhưng bước ban đầu với ý nguyện giới thiệu đến quý đọc giả bốn phương những tư tưởng cao thâm của Phật Giáo, nhất là tư tưởng học thuyết Duy Thức mà người Trung Hoa tiếp nhận hiện đang nằm gọn trong Văn Học Trung Quốc. Tôi hy vọng sau này có nhiều dịch giả tiếp nối dịch lại để bổ túc thêm cho được phong phú hơn. Tôi dịch hai tác phẩm vừa phân loại trên của tác giả Pháp Sư Pháp Phảng nhất định có nhiều chỗ thiếu sót và sai trái kính xin quý đọc giả bốn phương nhận thấy xin chỉ bảo cho. Thành thật cảm ơn quý vị.

**THẮNG HOAN**

—oOo—

## Cốt Truyện Hành Đạo Của Pháp Sư Pháp Phảng

(Lời tường thuật của ngài Ấn Thuận)

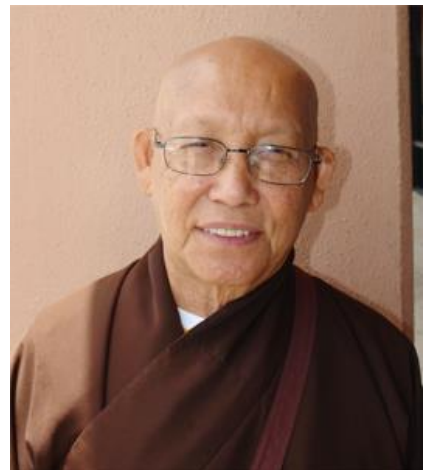
Pháp Sư húy là Pháp Phảng, con của một nhà nông ở Tỉnh Ninh thuộc huyện Hà Bắc, sanh tại Thanh Quang năm 30 (Tây lịch 1904). Thuở nhỏ, Pháp Sư tự nặn hán đến Bắc Kinh, vào học nơi Pháp Nguyên Tự Nghĩa Học. Pháp Sư cảm niệm ân đức từ bi tế độ của Phật Môn, cho nên đến năm Dân Quốc thứ 10, y chỉ nơi ngài Nam Nhạc là vị đạo cao đức trọng để xuất gia. Năm sau, Phật Học Viện bắt đầu sáng lập nơi Võ Xương, Pháp Sư nghe tin liền đến xin nhập học và kết bạn với Nam Tham, đồng thời đích thân nương tựa hai năm nơi Đại Sư Thái Hư. Pháp Sư được chuyển vào Học Viện Tạng Văn ở Bắc Kinh, sau đó theo phái đoàn đi Ấn Độ và lưu lại Tây Tạng để học Phật Pháp. Nửa chừng, Pháp Sư bỏ hẳn ý định tham cầu học Mật Tạng; nguyên vì ở đây Pháp Sư gặp rất nhiều nghịch duyên cho nên liền trở về Võ Xương. Pháp Sư tự tu nơi Võ Viện được vài năm. Sự học của Pháp Sư ngày càng thăng tiến, rất giỏi về Duy Thức Câu Xá và được đại chúng quý trọng.

Mùa thu năm thứ 19, Pháp Sư nhận chức Giáo Thọ nơi Viện Giáo Lý Bạch Lâm ở Bắc Bình và kiêm chức Thư Ký nơi Thế Giới Phật Học Uyển Thiết Bị. Ở đây Pháp Sư giảng A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận nổi bật và các học viên khen ngợi Pháp Sư vô cùng! Năm thứ 918, sự biến động nổi lên, Đại Sư Thái Hư triệu Pháp Sư về Võ Xương nhận chức Chủ Nhiệm Thế Giới Phật Học Uyển Đồ Thư Quán (Thế Giới Phật Học Uyển Đồ Thư Quán tức là Võ Viện đã được cải tổ). Các Biên Tập Viên Hải Triều Âm trong Uyển Đồ Thư Quán hưởng ứng theo sự chỉ đạo của phong trào tuyên dương cách mạng canh tân Phật Giáo; cũng trong thời gian này, phong trào nghiên cứu Phật Học đầu tiên ra đời. Sau đó, Biên Tập Viên Hải Triều Âm tất cả ba lần thành lập và rồi cuộc bị gián đoạn năm năm. Nơi Uyển Đồ Thư Quán, Đại Sư Thái Hư đã từng thiết lập Khoa Dự Bị và Bộ Nghiên Cứu, trong Bộ đó Pháp Sư đóng địa vị chủ trì. Và lại, trong thời gian qua, Hội Phật Giáo Chánh Tín ở Hán Khẩu tùy cơ chỉ đạo. Võ Viện là Trung Tâm Giáo Dục Tăng Đoàn của Đại Sư Thái Hư và sử dụng cơ quan ngôn luận Hải Triều Âm để quảng bá khắp nơi. Trong thời gian 56 năm, Pháp Sư chính thực là người trung kiên của sơn môn, trước sau đều chủ trì mọi việc! Khi quân kháng chiến nổi dậy, để thích ứng với thời thế, các bậc tôn túc học giả pháp hữu ước hẹn cùng nhau vào Tứ Xuyên để chủ trì Hán Tạng Giáo Lý Viện Giáo Vụ. Ở đây trong thời gian 23 năm, Pháp Sư tích

cực đóng góp công lao đặc thù nhất.

Từ khi Đại Sư Thái Hư được quốc tế phóng vấn cho đến nay, Pháp Sư được Bộ Giáo Dục đồng ý để cử đi phó hội ở Tích Lan để hoàng truyền Đại Thừa. Sau đó, Pháp Sư sang Miến Điện và mục đích để thích ứng với thời chiến, Pháp Sư lưu lại đó hơn một năm. Đến tháng 2 năm thứ 32, Pháp Sư từ Tây An (Thiểm Tây) đi Ấn Độ; sau thời gian qua lại nơi Đại Học Quốc Tế của Ấn Độ và Học Viện Trí Nghiêm của Tích Lan, Pháp Sư vốn là người cựu học của A Tỳ Đàm, cho nên việc đầu tiên mong cầu được thọ giáo A Tỳ Đàm của Tích Lan. Để thích nghi với tình thế địa phương, Pháp Sư ẩn nhẫn làm những công việc tầm thường, mỗi mỗi tùy thuận theo sự phân biệt và đôi năng của họ. Tây An dự trừ thiết lập Viện Tam Tạng Pali nhằm để trao đổi Lưu Học Tăng với nhau giữa Tích Lan và Trung Quốc, mọi việc đều do Pháp Sư chỉ đạo cả. Mùa xuân năm thứ 36, Đại Sư Thái Hư viên tịch. Pháp Sư cảm niệm sự nghiệp lâu đời của Đại Sư Thái Hư nơi Võ Viện và sợ kế hoạch mới của Viện Pali không có người quản lý, liền sang Mã Lai A để trở về Hương Cảng. Khi đến nơi, Pháp Sư thấy tận mắt nhục thân của Đại Sư Thái Hư vừa được chuẩn bị đem hỏa táng và từ chúng đều tỏ lòng tôn sùng. Mùa hạ năm sau, Pháp Sư về Thượng Hải đánh lễ Xá Lợi của Đại Sư Thái Hư được phụng thờ nơi chùa Tuyết Đậu, nơi đây Pháp Sư được cử làm chủ chùa. Pháp Sư lại trở về Võ Viện để tiếp tục khai giảng Phật Pháp. Mùa xuân năm thứ 38, nơi Trường Sa, Pháp Sư khai Pháp Hội Bát Nhã; đồng thời nhận trụ trì chùa Đại Vị Sơn ở Hồ Nam. Mặc dù quốc sự mỗi ngày mỗi phức tạp, không thể ổn định trật tự, tuy nhiên các nơi đều tiếp đãi Pháp Sư rất trọng hậu! Tiếp theo từ mùa hạ đến mùa đông, Pháp Sư cao tịch thượng đến Hương Cảng. Nhờ năm lần khai giảng Pháp Hội, Pháp Sư hóa độ mọi người rất đông. Ngoài ra Pháp Sư còn xuất bản và phát hành dịch phẩm A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận. Ngay lúc đó, Pháp Sư nhận lời mời giảng tại Đại Học Tích Lan. Trọng tâm chuyển đi Tích Lan này, Pháp Sư chủ yếu giảng Phật Học Trung Quốc và lưu lại đây được hai năm. Khi nhân rồi, Pháp Sư lại du hóa Mã Lai A và Xiêm La, nơi hỗ trợ rất đắc lực việc ấn hành Thái Hư Đại Sư Toàn Thư. Pháp Sư bị áp huyết quá cao nhưng nhờ sức lực tráng kiện cho nên Pháp Sư chỉ cảm thương thôi, không đáng lo ngại. Nhưng đến ngày mùng 3 tháng 10, Pháp Sư bị máu đầy não, không bao lâu thì tịch. Pháp Sư sống chỉ có 48 tuổi (nếu tính theo Tây Lịch, Pháp Sư chỉ có 46 tuổi!).

Than ôi! Pháp Sư rất giỏi tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pali, chuyên nghiên cứu Pháp Tướng và tinh thông cả thế học, pháp môn nào cũng giỏi cả!



HT. Thích Thắng Hoan





Pháp Sư về Thượng Hải đánh lễ Xá Lợi của Đại Sư Thái Hư được phụng thờ nơi chùa Tuyết Đậu, nơi đây Pháp Sư được đề cử làm chủ chùa. Pháp Sư lại trở về Võ Viện để tiếp tục khai giảng Phật Pháp. Mùa xuân năm thứ 38, nơi Trường Sa, Pháp Sư khai Pháp Hội Bát Nhã; đồng thời nhận trụ trì chùa Đại Vị Sơn ở Hồ Nam. Mặc dù quốc sự mỗi ngày mỗi phức tạp, không thể ổn định trật tự, tuy nhiên các nơi đều tiếp đãi Pháp Sư rất trọng hậu! Tiếp theo từ mùa hạ đến mùa đông, Pháp Sư giơ cao tích tượng đến Hương Cảng. Nhờ năm lần khai giảng Pháp Hội, Pháp Sư hóa độ mọi người rất đông. Ngoài ra Pháp Sư còn xuất bản và phát hành dịch phẩm A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận. Ngay lúc đó, Pháp Sư nhận lời mời viếng thăm Đại Học Tích Lan. Trọng tâm chuyến đi Tích Lan này, Pháp Sư chủ yếu giảng Phật Học Trung Quốc và lưu lại đây được hai năm. Khi nhàn rồi, Pháp Sư lại du hóa Mã Lai A và Xiêm La, nơi hỗ trợ rất đắc lực việc ấn hành Thái Hư Đại Sư Toàn Thư. Pháp Sư bị áp huyết quá cao nhưng nhờ sức lực tráng kiện cho nên Pháp Sư chỉ cảm thường thôi, không đáng lo ngại. Nhưng đến ngày mùng 3 tháng 10, Pháp Sư bị máu đầy não, không bao lâu thì tịch. Pháp Sư sống chỉ có 48 tuổi (nếu tính theo Tây Lịch, Pháp Sư chỉ có 46 tuổi)!

Than ôi! Pháp Sư rất giỏi tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pali, chuyên nghiên cứu Pháp Tướng và tinh thông cả thể học, pháp môn nào cũng giỏi cả! Hằng năm Pháp Sư đi du hóa Đông Nam A cho nên Phật Giáo nơi này ngày càng hưng thịnh. Phiên dịch để truyền đạo phía nam rồi phát huy nơi trung thổ, Pháp Sư thật xứng đáng là vị kế thừa chí nguyện của Đại Sư Thái Hư và làm sáng tỏ sự nghiệp của người! Đã biết rằng chúng sanh phước mỏng, nên voi chúa đã đi nhưng tại sao voi con lại cũng đi theo? Hạnh nguyện hồng ân đạo của Pháp Sư chưa được đền đáp, kẻ thức giả thật rất đau thương. Xin kính cẩn tưởng thuật sơ lược hành trạng của người để ghi nhớ muôn đời.

### Ấn Thuận

## LỜI MỞ ĐẦU

của *Pháp Sư Pháp Phụng*

Mùa hạ năm qua (1949), tôi từ Ấn Độ sang Nam Dương rồi trở về nước, xa cách tổ quốc ròng rã tám năm, những tưởng sự nghiệp văn hóa Phật Giáo trong nước tùy duyên đã tổ chức được một ít, không ngờ đến tháng 10, trong thời gian đó, nội chiến phát khởi từ Đông Bắc và Hoa Bắc tràn lan kéo dài đến Lưu Thành ở Trường Giang. Vì không biết ứng biến trong cuộc chiến tranh có tầm cỡ lớn nên tháng 2 năm đó, tôi đã lìa khỏi Phật Học Viện Võ Xương và đi đến Trường Sa, mặc dù tâm tôi rất ái mộ Thế Giới Phật Học Uyên Đồ Thư Quán. Đứng ra tôi định sẽ trở về Võ Xương vào tháng 4 hay tháng 5, nhưng thời thế không cho phép nên tôi nhất định đến sinh hoạt theo lối dây chuyền tại Văn Nam. Lúc ở Trường Sa, tôi đầu tiên trụ nơi Tịnh xá Long Vương Cung Hoa Nghiêm, sau lại dời đến Thuyền Sơn Học Xã ở Hồ Nam. Tại đây, mỗi tối tôi với ông Xã Trưởng Chu Đạt (Mộc Nhai) họp mặt với các tiên sinh bạn của ông Xã Trưởng như Hương Khái Nhiên, Lưu Ước Chân, Đàm Văn Sơn, Vương Trọng Hậu, Liễu Mẫn Tuyên, Chu Trưởng Tùng; ngoài ra còn có các Pháp Sư như Ngô Tánh, Đại Định, Tự Trí cùng nhau luận đạo, và dạy học. Tình hình ở đây lúc bấy

giờ rất thái bình, an vui, đầm ấm, không biết trong nhân gian còn có vị thuốc nổ nào nữa chẳng!

Thời gian như đá lửa, như điện chớp, chốn Bát Nhã đã trở về quá khứ! Cuối tháng 4, tôi lại đến Thành Liễu Dương, nơi chùa Lục Dung, chuyên môn quét tháp hơn mười ngày. Các chùa cổ tích như Tăng Du Quang Hiếu, Hải Trạng, Đại Phật lúc xưa là những Đạo Tràng trang nghiêm, nhưng ngày nay trở thành công viên, chuông ngựa, thật rất đau thương! Một ngày nọ tôi tưởng nhớ đến chùa Bạch Vân là nơi mà Đại Sư Thái Hư đã từng dừng chân nên sáng sớm liền đi lễ bái, nhưng khi đến ngoại thành nghe Đạo Kỳ nói cổ tự đó không còn tồn tích, hình bóng Bạch Vân đã về dĩ vãng! Tôi liền quay trở lại.

Đầu tháng 5, tôi đến Hương Cảng gặp lại bạn học tên là Kỳ Văn Quân chuyên nghề thầy cúng, tiếp đón nồng hậu, cho ở nơi Bảo Liên Hậu Viện. Để kết duyên với nhóm thầy cúng nói trên, tôi giảng Phẩm Quy Y Tam Bảo trong Kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật. Sau đó vài tháng, tôi đi khắp Hương Cảng, đến nơi Sơn Giáo Khu, tâm tôi rất ái mộ Đại Tự Sơn. Trong thời gian tháng 6 ở Đại Bộ Khư, hai Pháp Sư Từ Tường và Quả Viên thỉnh tôi giảng bộ luận Duy Thức Tam Thập Tụng. Tháng 7, hai cư sĩ Đông Liên Giác Uyển Vương Học Nhơn và Lâm Lăng Chân cũng thỉnh tôi giảng bộ luận này. Những bài giảng của tôi trước và sau đều do Huỳnh Bổn Chân cùng với Nghi Mô ghi lại thành tài liệu. Những tài liệu này được đa số thỉnh chúng đem đi ấn hành để cho thỉnh, sau đó được tu chính trở thành quyển sách.

Mười năm gần đây, tôi rất ít xem đọc sách Phật thuộc loại văn Trung Quốc, đặc biệt là kinh luận thuộc Phật Học Đại Thừa. Mục đích của tôi chỉ diễn giảng riêng bộ luận Duy Thức Tam Thập Tụng, nhằm để khai thị cho bậc sơ học, giúp cho họ kết duyên với Phật Pháp nên tôi hoàn toàn không giảng giải học thuật hay tư tưởng. Còn phần đông các Đại Pháp Sư mỗi khi giảng giải Phật Pháp đều không có giờ kinh sách ra để tham khảo, chỉ trình bày theo ký ức cho nên thường đi ra ngoài vấn đề chính. Trong quá khứ, tiếng nói Phật Pháp trở thành vĩ đại và rộng lớn là do tư trào hiện đại quan hệ với Phật Học. Lối giảng giải Phật Pháp của các Đại Pháp Sư không khảo cứu kinh sách nói trên cũng có thể cho là loại Huyền Đàm kiểu mới --- hiện tượng đó xưa nay được thấy nhan nhản trong nhân gian, một vị Đại Pháp Sư mỗi khi giảng kinh đều lên ngôi trên Pháp Tòa cao, trước sau nói vòng quanh toàn là một thứ nghĩa lý màu nhiệm cao thâm nào đâu. Thính giả sơ cơ bắt đầu nghe giảng chẳng có cảm nhận được sự hứng thú nào, cho đến chính tôi ngồi nghe kinh cũng hoàn toàn không có chút hoan hỷ lỗi trình bày nghĩa lý màu nhiệm cao thâm khó hiểu kia. Hai cách diễn giảng nói trên chẳng qua một bên có điểm thêm vào tánh chất lịch sử cũng như tánh chất học thuật để so sánh và để nghiên cứu, nhờ đó thính chúng nghe pháp không cảm thấy mệt mỏi cũng như không cảm thấy chán nản.

Khi bắt đầu giảng giải, vị Pháp Sư nên quan tâm những kẻ sơ học khiến cho họ dễ dàng lãnh hội, vì thế đối với những thuật ngữ chuyên môn không nên trình bày sai trái cũng như đừng giải thích phân lại nguyên ý trong kinh, đồng thời sử dụng rất nhiều học thuật hiện đại nhằm để chứng minh. Trong Biên thứ II, phần Tự Luận ở Chương I cho đến phần thứ lớp Thức Năng Biến của Tiết 4 trong Chương III cũng như phần Tự Ngôn của Chương III. IV, V, VI là tôi viết thêm vào.

Ngoài ra các bộ phận khác đều là ghi chép nguyên bản có hơi cải cách và quy định lại mà thôi.

Đại khái, bất cứ học thuyết hay tư tưởng nào đều có lịch sử bối cảnh và phát triển của nó; Phật Học cũng như thế, cho đến học phái Duy Thức của Phật Học thì lại càng không ngoại lệ. Hơn nữa, chúng ta nên nhớ rằng Trí Đạo là một thứ học thuyết ảnh hưởng như thế nào đối với sự sinh hoạt tư tưởng của nhân loại, hoặc giả nói cách khác, một thứ học thuyết đối với nhân sanh có giá trị hay không là tất nhiên phải căn cứ nơi lịch sử để nghiên cứu, nguyên vì lịch sử là thứ ảnh hưởng tư tưởng sinh hoạt của nhân loại. Chúng ta nhận thấy một thứ học thuyết nào nơi quá khứ phát sanh trên lịch sử đã ảnh hưởng hoàn toàn rộng lớn thì có thể nói Trí Đạo của học thuyết đó thật có giá trị. Học phái Duy Thức trong 500 năm, từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 7 là một học thuật trong tư tưởng giới ở Ấn Độ và lại rất có thể lực không nhỏ. Điều đó cho thấy học phái Duy Thức trên lịch sử triết học Ấn Độ thật xứng đáng là một thứ học thuyết của thời đại mới, nói ngược lại, ngài Thế Thân kiến tạo một thứ tư tưởng hoàn toàn mới mẻ; ngài Chân Đế, ngài Huyền Trang, ngài Khuy Cơ đem học phái này truyền vào Trung Quốc và học phái này ảnh hưởng cũng như phát sanh vô cùng rộng lớn trên lịch sử Phật Học Trung Quốc vào thế kỷ 672, đây là sự thật lịch sử không thể nào hoài nghi được. Ngôn từ Duy Thức Học hoặc gọi là Du Già Duy Thức Học Pháp, nói bao quát chính là tư tưởng của thuyết Nhất Thế Hữu Bộ, nguyên do Duy Thức Học là học thuyết được phát sanh từ trong học thuyết của Hữu Bộ và tư tưởng của ngài Di Lặc và ngài Vô Trước cũng đều nên tảng nơi tư tưởng Hữu Bộ. Những tư tưởng trọng yếu đã được tìm thấy trong Duy Thức Học như tư tưởng A Lại Da Thức và Mật Na Thức, tư tưởng Viên Thành Thật Tánh, Pháp Tánh Thần Độ, Tự Tánh Niết Bàn, Nghiệp Quả Lưu Chuyển, .v.v.... ; lại thêm học thuyết Nghiệp và Giải Thoát trọng Cộng Đồng của sáu phái Triết Học Ấn Độ cũng nên tham cứu, cho đến tư tưởng Phạm Ngã trong triết học của phái Phệ Đàn Đa cũng phải am tường; sau đó mới có thể tri đạo được cội nguồn của tư tưởng Duy Thức Học.

Triết Học của Duy Thức là triết học “Hữu”, vì Duy Thức Học chủ trương tất cả pháp đều quan hệ thông qua “Thức” để tồn tại. Chân lý thì có thật thuộc Viên Thành và sự tướng thì có giả giống như huyền. Triết Học Duy Thức là triết học thuộc loại “Biến”, vì Duy Thức Học chủ trương tất cả pháp hữu vi -- vũ trụ vạn hữu đều do thức Biến. Chữ Biến là chuyển biến, là hoạt động, là phi thường, chỉ căn tri đạo bất động thì không có thể “Chuyển” và cũng không có thể “Biến”, cho nên Biến tất nhiên cần phải Động. Lại nữa, tất cả pháp hữu vi trong Duy Thức Học cũng gọi là “Hành” và Hành ở đây chính là ý nghĩa của chữ Biến, như năm Uẩn của các pháp hữu vi thì sát na sanh diệt, biến động không dứt. Từ ý nghĩa này, các pháp hữu vi được gọi là Phi Thường và cũng vì phi thường cho nên không có tự tánh; các pháp hữu vi vì không có tự tánh nên gọi là Không; tự tánh vốn đã không thì không có Ngã. Nhờ đã ngộ nhập được lý vô ngã và chứng được Nhị Không Chân Như thì đạt được hai quả Chuyển Y của Duy Thức Học.

Cảnh giới thực hiện của Trí Vô Phân Biệt đã được trình bày nơi Du Già Duy Thức Học -- Tự Tánh của Thắng Nghĩa thì là ngôn ngữ, giả sử đề cập đến tự tánh thì tất cả đều bình đẳng, cho nên thường gọi cảnh giới đó là Tối Đệ Nhất, là bờ mé sơ tri của Chân Như vô thượng. Tất cả chánh pháp này nếu như dùng lối tư duy để chọn lựa, lẽ tất nhiên đều bị thối lui, không thể vượt qua được. Cảnh giới là ngôn ngữ đề cập trong đây chính là

Chánh Quán Vô Sở Đặc và Tánh Không Chân Như của học phái Trung Quán chủ trương, cũng chính là Thật Tướng Bát Nhã của Thiên Đài, Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới của Hiền Thủ, Kiến Tự Bản Tánh của Thiên Tông. Từ đó cho thấy, chúng ta cần phải giải thích rõ chỗ chứng đắc nơi Phật Pháp của các tông phái chủ trương, những thứ cảnh giới chân lý của tánh tuyệt đối này thì đều giống nhau, không có thứ nào cao thứ nào thấp, chỉ khác nhau ở phương pháp thuyết minh mà thôi. Căn cứ nơi thuyết minh lý tánh cùng với sự tướng đặc thù, Duy Thức lẽ dĩ nhiên là một học pháp trình bày có mạch lạc, có ngăn nắp; còn Trung Quán và Thiên Tông thì thuyết minh trực tiếp nên quá đơn giản. Ngoài chân lý của tánh tuyệt đối này còn có sự tướng đặc thù của tướng đối. Duy Thức thì đặc biệt thiên trọng thuyết minh sự tồn tại của các pháp thuộc tánh tướng đối; ngược lại, Trung Quán và Thiên Tông thì đặc biệt thiên trọng thuyết minh Chân Như Tánh Không của tánh tuyệt đối. Cho đến phương pháp sử dụng để tu chứng, ngoại trừ lý do quan hệ cá tánh, hoặc có chỗ khác nhau, nhưng cảnh giới tu chứng của họ thì lại hoàn toàn giống nhau. Nhưn đây, trong Phật Giáo, không luận nói lý tánh hay nói thực hành, tất cả tuy không giống nhau về đường hướng nhưng đều cùng về một chỗ.

Quyển sách này nhờ sự hỗ trợ của các bạn đạo như Vương Học Nhơn, Lâm Nghiêm Chân, Từ Tường, Quả Viên đem tài năng ra xuất bản mau chóng; lại nhờ bạn già Pháp Sư Đại Tịnh để tựa bia mặt; sau khi cho in nhờ Nghi Mô phụ trách kiểm soát lại, ngoài ra còn hai vị Pháp Sư Diên Bồi và Tục Minh giúp đỡ, tôi vô cùng cảm động và nhớ mãi tất cả ân nghĩa này.

Phật lịch 2493, tháng giêng, năm 1950. Viết xong nơi lầu Minh Thường của Thuyền Loan Lộc Giả Uyển ở Hương Cảng.

(Đón đọc kỳ tới: Chương I, Hiện trạng nghiên cứu Phật học ngày nay)



## Thấp thoáng hơi thu...

Chim kêu vang động trong sương sớm  
Rơi rớt bên sông giọng nghe buồn  
Trời xa thấp thoáng hơi thu đã  
Ngồi ngắm mà thương giọt nắng... buông.

(Tặng TV một ngày se lạnh)

## Đưa người

Đưa người, buồn lẩn theo vết xe  
Nghe lòng oi bức buổi trưa hè  
Tình tôi 'gửi' anh không chờ hết  
Đường xa sương gió mịt mù che.

Hẹn ngày mai gặp nhau bên ấy  
Thái-Bình sóng vỗ có ai hay ?  
Năm tháng trôi qua đời... hoang vắng  
Mẹ, anh và tôi vai cũng gãy !

(Tiễn QV lên đường trở lại vùng tây nam thái bình dương)

## Hóa thân...

Cuộn mình trong lá quạnh hiu  
Mặc nhiên thế sự... chim kêu giạt mình  
Đêm qua với hết tự tình  
Oan gia trái chủ nghiệp mình trả xong.

Từ đây nơi chốn thông dong  
Trên phương trời rộng cõi lòng nở hoa  
Chuyến mình cánh bướm bay xa  
Vườn rau xanh ngắt 'sầu' đã hóa thân !

(Quý thu Canh dần 2010)

## HUYỀN VŨ



## Một Vài Đặc Điểm của LÀNG HIỀN LƯƠNG...

### Điều Ngự Tử Tín Nghĩa

Vấn đề làng xã Việt Nam nếp cũ của chúng ta kể từ hồi lập quốc cho đến lúc giao thời giữa quân chủ và cộng hòa vẫn còn gìn giữ nền nếp, đặc biệt là ở thôn quê. Các tỉnh thành cũng có, nhưng không mấy ảnh hưởng với người dân; vì đa phần là dân các làng, xã quận huyện tìm mạch sống cho gia đình, đành phải tha phương cầu thực, nên tập trung vào chốn thị tứ. Đặc biệt trong thời gian bị Pháp đô hộ, người dân ý thức về nền văn minh của khoa học, họ cũng đã bỏ quê lên phố. Tuy thế, có những làng, người dân ly hương nhưng không ly tổ.

Riêng tỉnh Thừa Thiên, vì bản thân chúng tôi sinh ra, lớn lên và thành người tại Cố đô Huế và Thừa Thiên nên đã ăn sâu, thấm nhuần với địa phương tính.

Từ khi cấp sách đến trường, bậc tiểu học, chúng tôi cũng đã được nghe truyền khẩu những câu ca dao như:

- *Họ Thân không nhà, họ Hà không dân.*

Có nghĩa là họ Thân, thuộc làng An Lỗ, xã Phong Hiền, quận Phong Điền, không làm nhà trong làng, vì đa phần đi làm quan, nên ở nhà chính phủ; họ Hà thuộc làng La Chử, xã Hương Chử, quận Hương Trà thì không dân, là vì con cháu trong họ này ăn học đỗ đạt đi làm quan, không mấy ai vất vả, cày sâu cuốc bẫm hay buôn thúng bán bưng, không sống đời cơ cực như dân dã. Có năm họ Hà này lấy luôn cả văn lẫn võ sáu vị vừa Cử nhân lên khôi nguyên. Người tiêu biểu cận đại là ông Hà Thúc Luyện, ông Hà Thúc Lăng, Hà Thúc Kỳ (*Đảng trường đảng Đại Việt*) v.v...

hay:

- *Nhút Thân, nhì Đặng, Tam Hà,  
Cả ba họp lại, nước nhà hiển vinh.*

Nhút Thân ở đây là họ Thân Trọng ở làng An Lỗ, họ Đặng ở làng Thanh Lương, quận Hương Trà và họ Hà như trên đã nói. Riêng về họ Đặng, theo chúng tôi được trực tiếp nghe các bậc thông Nho kể lại rằng: Họ Đặng mà tiêu biểu là cụ Thân thân Đặng Huy Trứ thưở nhỏ đã là thần đồng, cháu của cụ Cử nhân Đặng Huy Thiêm, thân sinh cụ Trứ có mấy người con, cụ bèn tìm thầy cho con theo nho học và nhờ đó hỏi để biết hoàn cảnh về gia đình trong tương lai. Vị đồ nho nhìn thân sinh cụ Trứ một hồi rồi bảo:

- *Nhất đời Lương ương* (tức là chính bản thân cụ không mấy khá, phải thiên di khắp đó đây mới sống được, do đó cụ đưa gia đình lên trú ngụ ở làng Hiền Sĩ, xã Phong An, quận Phong Điền để tìm kế sinh nhai);

- *Nhị đời cận vương* (tức cụ Trứ là một trong tứ trụ triều đình nhà Nguyễn);

- *Tam đời văn chương* (tức con cụ Trứ (*người viết quên tên*), văn chương tác viết);

- *Tứ đời đao thương* (chỉ cho Thiếu tá Đặng Sĩ, nội an tỉnh Thừa thiên thời đệ nhất Cộng Hòa.

Còn về tu sĩ Phật giáo cũng có những làng nổi tiếng về các bậc Cao Tăng. Trong chốn thiền môn thường truyền tụng:

- "Quảng Trị Trung Kiên, Thừa Thiên Dạ Lê". Tức là ở tỉnh Quảng Trị, những bậc Cao Tăng nổi tiếng thì có làng Trung Kiên; ở tỉnh Thừa Thiên thì có làng Dạ Lê, thuộc xã Thủy Phương, quận Hương Thủy.

Nói tóm lại, kể từ khi vua Gia Long thống nhất sơn hà (1802), làng nước được chấn chỉnh thành một đơn vị chính của quốc gia. Bởi thế mới có câu:

- *Phép vua thua lệ làng.*

Mỗi làng như thế, đều có những phép tắc, luật lệ và những điểm danh tiếng về khoa bảng, nghề nghiệp, văn chương hay một môn nào đó. Ví dụ như câu:

- *Ai về Bình Định mà coi,*

*Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.* Ý nói nổi tiếng về võ nghệ, võ thuật.

Ở đây chúng tôi xin giới thiệu Một Ngôi Làng vừa xưa, vừa có những nét đặc biệt qua các thời đại. Đó là **Làng Hiền Lương**, mà chúng tôi là con dân của làng này.

Khi vua Gia Long thống nhất sơn hà, làng Hiền Lương thuộc tỉnh Thừa Thiên có tên là Quảng Đức,

thì gốc mang tên là Hoa Lang, thuộc huyện Quảng Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa.

Đến năm Minh Mạng thứ ba (1822), được đổi Thuận Hóa thành Thừa Thiên Phủ và các huyện được chia ra từ đó thành: Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Hương Thủy, Phú Văn và Phú Lộc. Và cũng từ đó, làng Hoa Lang đổi thành Hiền Lương thuộc, Hiền Lương tổng, huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên.

Đến thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa thì đổi thành làng Hiền Lương, xã Phong Hiền, quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí chép rằng: Dưới triều Minh Mạng năm thứ 16 (1835), huyện Phong Điền có được là do chia cắt đất giữa hai huyện Quảng Điền và Hương Trà.

Đến năm Tự Đức thứ tư (1851), giảm viên tri huyện rồi cho sáp nhập vào huyện Quảng Điền, giống như hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên năm Tự Đức thứ sáu (1953) sát nhập lại.

Năm Tự Đức thứ 29 (1876), chia một lần nữa để trở thành Quảng Trị, Thừa Thiên như ngày nay.

Đến năm Tự Đức 31 (1878), vấn đề làng nước của tỉnh Thừa Thiên lại phân chia thành huyện, tổng, làng, ấp, ... Huyện Phong Điền trở lại như cũ. Có vị Tri huyện cai quản năm tổng và 40 xã, thôn, phường, ấp và giáp.

Từ đó làng Hiền Lương mang tên này cho đến ngày đất nước chuyển mình qua chế độ dân chủ. Và hai chữ Hiền Lương sẽ bất biến vẹn toàn từ nay cho đến mãi mãi ngàn sau.

Hai chữ Hiền Lương không biết vị cổ nhân nào lựa chọn mà đúng với đức tính của người con dân trong làng. Dân Hiền Lương ở đâu cũng hiền hòa, chất phác, cần cù và nhẫn nại. Bất cứ phục vụ cơ quan nào, chế độ nào chẳng nữa cũng lấy đạo làm người làm trọng, phần lớn lấy Tam giáo để hành xử cho dù là đặc thời mẫn thế. Đã vậy lại có tinh thần đoàn kết và xây dựng cho nhau dù là xa xứ để kiếm kế sinh nhai. Người con dân của làng Hiền Lương canh cánh bên lòng là giữ uy tín chung cho làng nước. Trong những lúc thay đổi chính sách hay chế độ này qua chế độ khác cũng không có sự cửu nghịch để trả thù cho nhau. Đó là một điều vô cùng quý giá mà khó tìm thấy một làng thứ hai cùng chung quận Phong Điền.

Những Đặc Điểm Của Làng Hiền Lương:

- Diện tích độ hai trăm mười mẫu vuông (*Chúng tôi trích theo địa bộ của làng*).

- Dân số: Sống ngay giữa làng khoảng 800 đến gần 900 hộ, không tính số con dân tha phương cầu thực.

- Một bộ máy hành chánh (*thời quân chủ*) gồm Ban Hương Chính: Lý trưởng, Thủ bộ, Khánh thụ, Tuần nã và Mục dịch.

\*- Lý trưởng: Trực tiếp thừa hành mệnh lệnh thượng cấp; trực tiếp điều khiển dân làng.

\*- Thủ bộ: Chăm sóc, cất giữ giấy tờ ruộng đất.

\*- Khánh thụ: Năm giữ tiền bạc.

\*- Tuần nã: Chuyên lo an ninh trong làng.

\*- Mục dịch: Chuyên lo đường sá, cầu cống.

Đến đời Bảo Đại chỉ còn bốn chức: Lý trưởng, Hương bản Hương kiểm và Hương mục.

- Những vị đầu tiên theo chúa Nguyễn xuôi nam, sáng lập ra làng Hoa Lang (*tức Hiền Lương*), cũng đã có những vị xuất gia. Hằng năm xuân thu tế tự đã lập đàn chẩn tế trai tăng. Chính ngài Võ Hiền Điện Đại Học Sĩ Hiền Lương Bá Trương Như Cương đã lập trai đàn chẩn tế bạt độ chư tôn linh Bá tánh của thập nhị môn phái dưới triều Duy Tân nguyên niên.

- **Những nhân vật đặc biệt:**

\*- Trần Vực: Phò Lê diệt Trịnh, thụ phong "Đặc Tấn Phụ Quốc Tướng Quân". Tương truyền khi ngài cầm quân xuất trận đánh với Chiêm Thành, không may bị lâm nạn bị chặt đầu, ông lượm chiếc đầu ráp vào, leo lên lưng ngựa chạy tiếp về gần địa phận của làng. Gặp tập lâu la, ông hỏi:

- Có ai bị chặt đầu rồi mà còn sống không?

Mọi người đều trở mắt nhìn ông ta với cái thân đầy máu, đồng trả lời:

- Không có. Chỉ có chết.





-. Những vị đầu tiên theo chúa Nguyễn xuôi nam, sáng lập ra làng Hoa Lang (tức Hiền Lương), cũng đã có những vị xuất gia. Hằng năm xuân thu tế tự đã lập đàn chẩn tế trai tăng. Chính ngài Võ Hiến Điện Đại Học Sĩ Hiền Lương Bá Trương Như Cương đã lập trai đàn chẩn tế bạt độ chư tôn linh Bá tánh của thập nhị môn phái dưới triều Duy Tân nguyên niên.

**- Những nhân vật đặc biệt:**

\*.- Trần Vực: Phò Lê diệt Trịnh, thụ phong "Đặc Tấn Phụ Quốc Tướng Quân". Tương truyền khi ngài cầm quân xuất trận đánh với Chiêm Thành, không may bị lâm nạn bị chặt đầu, ông lượm chiếc đầu rập vào, leo lên lưng ngựa chạy tiếp về gần địa phận của làng. Gặp tốp lâu la, ông hỏi:

- Có ai bị chặt đầu rồi mà còn sống không?

Mọi người đều trở mắt nhìn ông ta với cái thân đầy máu, đồng trả lời:

- Không có. Chỉ có chết.

Ông liệng cái đầu xuống đất, ngã ngựa và chết tại làng Thượng An, xã Phong An.

\*.- Hoàng Tướng Công: Trong số bộ của làng không ghi rõ tên. Chỉ biết ngài phò Lê làm đến chức Cai Cơ Thọ Lập Hầu. Sau này được triều Nguyễn sắc phong "Dực Bảo Trung Hưng Bốn Thổ Tôn Thần".

\*.- Hoàng Văn Lang: Cũng phò Lê, diệt Trịnh. Được sắc phong của vua Lê Cảnh Hưng với tước: "Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Đô Chỉ Huy Sứ Đại Chiêm, Hải Môn Tuần Quan Lược Tài Hầu".

\*.- Hoàng Văn Duệ: Phò Lê và được vua Lê Cảnh Hưng sắc phong: "Tả Tướng Quân Thần Oai Đình Hộ Lược Vệ Hộ Quân Đô Ủy Đốc Chiến Tổng Quan Hầu".

\*.- Hoàng Văn Cầu: Phò chúa Nguyễn Ánh đến thống nhất sơn hà. Kỳ nguyên Gia Long được thăng chức "Phó Vệ Công Các", tham gia đoàn quân bình Chiêm.

\*.- Nguyễn Lương Đàng: Trong Đại Nam Nhất Thống Chí ghi là phò Triều Nguyễn, có tên là Nguyễn Lương Nhân. Làm đến chức "Hữu Quân Sung Nam Nghĩa Trấn Tổng Đốc". Phụng chỉ dẹp loạn Lê Văn Khôi, thọ tước Bình Thăng Man.

\*.- Hoàng Văn Gia: Làm đến chức "Đặc Tấn Hùng Liệt Tướng Quân, Quan Quân Sứ, Chương Cơ Quân Thị Nội Sung Tướng, Dạ Tượng, Nội Ngoại Chủ Phủ Cuộc Trang Đức Hầu".

\*.- Hoàng Văn Lịch: Được vua Minh Mạng trọng dụng và ưu đãi, thọ phong "Lương Đình Hầu". Theo Chánh biên liệt truyện (tức là quốc sử), chép:

... "tháng tư năm Kỷ hợi (1839), vua Minh mạng ngự ra cầu Bến Ngự để xem chiếc tàu mà quan Võ Khố mới chế tạo. Không may, nổi hơi nước bị vỡ, tàu không chạy được tốt. nhà vua cách chức quan Bộ Công.

Chánh Giám đốc Hoàng Văn Lịch đứng ra đảm nhiệm việc này. Cuối cùng chiếc tàu được xử dụng tốt. Vua vui mừng, bèn hậu thưởng một đồng tiền vàng Long Phi Đại Bang, một chiếc nhẫn bằng pha lê khảm vàng và đồng thưởng cho đốc công, binh tượng một ngàn quan tiền, ..."

Vua Minh Mạng nói:

... "Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng ý trẫm muốn cho binh tượng nước nhà được tinh xảo máy móc, nên không kể phí tổn".

Tháng mười năm ấy, nhà vua truyền cho Bộ Hộ cấp một vạn, một ngàn quan tiền (tương đương 11,000 quan bây giờ) để đóng thêm tàu thủy. Và chính ngài Hoàng Văn Lịch trực tiếp chỉ huy.

Nhà vua bảo:

- "Miễn đóng cho được tàu, còn phí tổn thì không kể".

Tháng bảy năm Canh tý (1840). Đã đóng được ba chiếc tàu. Chính vua Minh Mạng đích thân đặt tên:

- Chiếc tàu lớn là Phi Yến, chiếc tàu vừa là Vân Phi và chiếc tàu nhỏ là Vu Phi.

\*.- Hoàng Văn Văn: Phục vụ dưới triều Thiệu Trị. Dâng sơ đồ kinh Lợi Nông, dân thủy nhập điền, giúp dân hai quận Hương Thủy và Phú Lộc khỏi bị hạn hán.

\*.- Hoàng Văn Kim: Thi đỗ Hương Cống, tức Cử Nhân đời Hậu Lê. Triều Gia Long làm Tri Phủ.

\*.- Hoàng Văn Hiến: Ra làm quan nhỏ dưới triều Thiệu Trị, tiến dần lên chức "Hình Bộ Lang Trung".

\*.- Dương Phước Vĩnh: Dưới triều Thiệu Trị đỗ Đại khoa (Phó bảng) và cũng là bạn thân của cụ Đặng Huy Trứ. Là một văn nhân lỗi lạc, thi phú uyên thâm. Một nhân tài của đất nước. Ngang hàng với cụ Đặng Huy Trứ.

\*.- Hoàng Văn Bửu: Xuất thân võ cử giữa triều Thiệu Trị. Tham gia diệt tà trừ bạo, an dân tại các tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng và Yên Bái. Đã từng giao chiến với giặc Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc. Cộng tác chống Pháp với Tổng Đốc Hoàng Diệu, để thủ thành Hà Nội.

\*.- Hoàng Văn Tuy: Thi đỗ Cử Nhân giữa triều Tự Đức. Văn chương lưu loát, tiếng tăm lừng lẫy. Được vua Đồng Khánh tuyển chọn làm Phụ Đạo, giữ chức "Tà Đô Ngự Sử".

\*.- Trương Như Cương: 24 tuổi đỗ Cử nhân giữa triều Tự Đức. Bỏ Thừa Biện Tùng thơ, sau làm Cơ Mật, thăng Tư Vụ, Tri Phủ rồi An Sát tỉnh Hưng Yên. Kể đến làm Bồ Chánh tỉnh Quảng Bình. Trở về triều giữ chức "Thị Lang Bộ Binh".

Kinh thành thất thủ, vua Đồng Khánh bổ nhiệm Phủ Doãn Thừa Thiên, rồi Tuần Vũ Thanh Hóa, về kinh thăng thọ Thượng Thơ Bộ Công rồi Cơ Mật Viện Đại Thần, rồi chuyển lên Hiệp Biện Bộ Hộ, Bộ Lại, thăng đến chức Võ Hiến Đại Học Sĩ, Hiền Lương Bá, sung Phụ Chánh Đại Thần. Triều Duy Tân thăng là Hiền Lương Hầu.

Chương trình chống Pháp của vua Duy Tân không thành, ngày 13 tháng năm - 1916, nhà vua bị đày qua đảo Reunion. Cụ Trương phải nhiếp chính ba tháng, nên tại kinh thành có câu:

"Đêm khuya thiếp lại hỏi chàng,

Cụ Trương Như Cương lên kể vì, Thái thượng Hoàng đi đâu?", cũng không làm cho hoàng triều trong ngoài dị nghị; vì, cụ chỉ một lòng trung quân ái quốc, nên hợp triều thần tôn cử cậu Hoàng Cả tức thái tử Bửu Đào lên ngôi hiệu là Khải Định.

\*.- Trương Phước Lưu: Thi đỗ Võ Cử. Hợp tác với nhà cách mạng Ông Ích Khiêm để chống Pháp tại cửa Thuận An năm Quý sửu (1883). Bị tử trận.

\*.- Trần Đình Bá: Xuất thân Đại khoa Phó bảng Tiến giữa triều Thành Thái. Văn chương, thi phú trác việt. Sơ bổ Thừa Thiên Biện, thăng Thừa chỉ Tri huyện, Tri phủ, Chương án, An sát Thanh Hóa. Bồ chánh Hà Tĩnh, Thị lang Bộ Hình, Bồ chánh Quảng Bình, Tuần vũ Quảng Ngãi, Tổng đốc Nghệ An, thăng thọ Hiệp Tá Đại Học Sĩ Lãnh Hình Bộ Thượng Thơ, Sung Cơ Mật Viện Đại Thần. Rồi thăng tước "Phò Nam Ninh. Đông Các Đại Học Sĩ".

\*.- Trương Quang Toàn: Xuất thân con nhà nông. Đầu triều Đồng Khánh được bổ nhiệm Bát phẩm Bộ Hình thăng, Tư vụ, Lang Trung, Tá Lý rồi thăng An sát Bình Thuận, thuyền chuyển về Khánh Hòa thăng thọ "Bổ Chánh Trí Su".

\*.- Hoàng Đại Cảnh tự Cường Trai: Con cháu họ Hoàng Ngọc, đỗ Công Sanh tương đương Cử Nhân dưới triều Thành Thái. Năm 1905, triều Thành Thái bổ nhiệm chức *Điển Bộ Nội Các*.

Năm 1908, triều Duy Tân thăng thọ chức Thị Giảng của Hàn Lâm Viện.

\*.- Dương Phước Thiệu: Công nghệ tinh xảo chuyên môn sửa súng đạn cho quân đội triều đình, làm đến chức Chánh Lãnh Binh.

\*.- Trương Như Đính: 18 tuổi đỗ Cử nhân khóa Kỳ Dậu dưới triều vua Duy Tân. Được học bổng qua Pháp du học. Tốt nghiệp trở về bổ nhiệm Thừa Biện Cơ Mật Viện. Thăng Viên Ngoại Bộ Học Lang Trung Bộ Binh, rồi tham tri Bộ Hộ, Tuần Vũ phủ Yên, rồi hàm Tổng Đốc. Thăng Thượng Thơ Bộ Kinh Tế, sung Cơ Mật Viện Đại Thần. Cuối cùng là "Hiệp Tá Đại Học Sĩ".

\*.- Trương Như Hy: 18 tuổi đỗ Tú tài, 21 tuổi đỗ Cử nhân khoa Nhâm tý, được triều đình bổ nhiệm chức Hành Tẩu, thăng Tư Vụ Bộ Binh. Kinh lịch và thông phán Quảng Trị. Làm Tri Huyện Đức Phổ, rồi An Sát Quảng Bình. Sau cùng là Thị Lang Bộ Lễ.

\*.- Hoàng Hữu Đức: Hội viên Tinh Hạt Tử triều Thành Thái cho đến cuối đời Khải Định.

\*.- Hoàng Văn Trình: Tham gia mặt trận kháng chiến rồi ra Bắc, giữ chức Bộ trưởng Điền Địa.

\*.- Trần Sĩ Đưa: Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tham gia và tham dự cầm quân đảo chánh dưới sự chỉ đạo của Đại tá Nguyễn Chánh Thi trong ngày 11-11-1960. Sự vụ bắt

thành, bị tù.

Trên đây là một số nhân vật tiêu biểu đã đóng góp cho làng, cho nước, bảo quốc an dân.

Vì khổ báo có hạn, nên chúng tôi chỉ rút ra một số tiêu biểu mà quý vị có tên trong đây đã thực sự dẫn thân cho đất nước. Có gì không vui, kính xin quý vị, hoan hỷ. Tuy sử riêng, nhưng nó vẫn liên quan đến vận mạng nước nhà.

(Muốn rõ thêm chi tiết xin đón đọc tác phẩm *Hiền Lương Chí Lược Tân Biên của Hòa thượng Tín Nghĩa*)

## Tâm khúc chiều

*chiều ta đứng giữa phố đời bên cạnh  
những dòng xe chéng choáng những dòng người  
lời huyền ảo bủa vây tình cô quạnh  
ta bỗng thềm nốc rượu đến tê môi  
chiều ta ngồi trên thềm hiên nhạt nắng  
trận gió qua thoang thoảng trận hương về  
người đã đến trong màu hoa cúc trắng  
rồi người xa như cánh vạc đêm khuya  
chiều ta ngủ bên vườn xưa lá rũ  
chiếc võng đưa chênh chếch bóng tà dương  
ta đưa hồn vào chiêm bao ngày cũ  
ô kìa trăng chiếu sáng mộng hoang đường  
chiều ta uống trên lầu xưa vắng vẻ  
phương trời xa con cò trắng lẻ đàn  
người nơi ấy có khi nào lặng lẽ  
ngồi trầm trong cô đơn, uống rượu khan?  
chiều ta đến bên cầu nhìn nước chảy  
hăm lăm năm biền biệt cuốn theo giòng  
ôi xa quá những mùa xưa lộng lẫy  
ta bên người  
ôm xiết một màu trắng.*

## PHÙ DU



# VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Nguyên Siêu

(tiếp theo trang 5)

Thế hệ người Việt chúng ta hôm nay, nếu không kịp thời thức tỉnh để tạo dựng và tự thành nền văn hóa tiên bộ cho nước nhà thì chắc hẳn rằng quê hương sẽ đắm chìm trôi chảy trong giòng văn hóa suy đồi của chủ nghĩa ngoại lai, để rồi nền văn hiến hơn 4000 năm của cha ông để lại sẽ không còn, mà văn hiến không còn thì văn minh cũng không có và văn minh không có thì văn hóa chỉ là cái xác không hồn, tinh hoa văn hóa bị hủy diệt.

Tóm lại, nền văn hóa dân tộc và Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn lịch sử hiện tại từ năm 1975 đến nay vô cùng đen tối, đạo pháp và quê hương đang gánh chịu một đại thảm họa chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt.

## IV. Thời Hải Ngoại

Kể từ sau biến cố 1975, làn sóng người Việt tị nạn lưu lạc trên khắp thế giới, bằng mọi phương tiện vượt biên, vượt biển đã mang theo tinh hoa đất nước bay đi khắp nơi, từ những người dân cần cù lam lũ, đến những thành phần khoa bảng trí thức, các giới văn nghệ sĩ, các thành phần quân, cán, chính của quốc gia cho đến các chư Tăng Ni cũng có mặt trong đoàn người tha hương này. Những con tàu vượt biển này đã lao lung cùng bão tố, sóng to biển cả, có chuyến may mắn được đến bến bờ bình an, có chuyến cũng đắm mình chìm sâu dưới lòng đại dương. Luân lưu trên quê hương thứ hai nơi các trại tị nạn, người dân Việt và Phật giáo vẫn tiếp tục giữ gìn truyền thống văn hóa giống nòi, chùa chiền được tạo dựng để tiếp tục những sinh hoạt tôn giáo. Các Tăng Ni đã xây dựng những ngôi chùa bằng những phương tiện eo hẹp để giữ nếp sinh hoạt của chốn Thiền môn, sớm công phu, chiều bái sám, thuyết giảng và tổ chức những buổi lễ truyền thọ tam quy, ngũ giới, hướng dẫn người Phật tử tu tập và giữ đúng nếp Phật sự như ở quê nhà. Ngay cả các tổ chức Gia Đình Phật Tử cũng tiếp tục sinh hoạt theo phương hướng và nội quy của tổ chức như trước kia. Các em vẫn tự khép mình theo quy chế và tạo được những sinh hoạt phong phú cho đời sống trong trại tị nạn chứ không bị sa sút, gò bó, áp bức trong ách thống trị như tại quê nhà. Đây là một giá trị đặc thù mà tưởng như hai chữ văn hóa đã luôn sống và tuôn chảy trong huyết quản của từng người dân Việt, dù bất cứ hoàn cảnh và môi trường nào.

Qua những ngày lễ hội Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán là những thời gian làm sống dậy lễ nghi, tinh thần hiếu thảo và những tư tính của người dân Việt Nam. Dầu biết rằng đời sống ở trại tị nạn thiếu thốn về mọi mặt, nhưng người dân Việt không thiếu thốn đời sống tâm linh hay nếp sống của nền văn hóa xa xưa tốt đẹp mà tổ tiên cha ông đã gây dựng từ lâu đời, để đàn con cháu dù tha hương đến góc bể chân trời nào vẫn tự nhớ lấy cội nguồn mà thi

thiết theo hoàn cảnh, theo khả năng hiện có. Ba ngày Tết đến cũng thấy có cây nêu, phong pháo, phướng đồ dựng trước sân, cũng có bánh chưng, bánh tét, trái cây dưa hấu, mâm cơm trên bàn thờ gia tiên để nhớ đến công đức tiền nhân; cũng có những bao lì xì tươi thắm; cũng hào hức lễ chùa cúng Phật đầu năm; cũng tít tít chúc mừng nhau phước thọ tăng long, sống lâu trăm tuổi; cũng xim xăm, hái lộc đoán vận mệnh công danh... Và cũng trong những ngày lễ hội Vu Lan - Mùa Báo Hiếu - đàn con cháu tề tựu quây quần thể hiện tinh thần hiếu kính chúc thọ các bậc sinh thành, ông bà nội ngoại không khác gì đời sống quê nhà trước năm 75. Và để rồi tâm tư được gợi nhớ lại những người bạn láng giềng bên hàng đậu thưa, bên lũy tre xanh, mời nhau miếng bánh mới làm, miếng trà tươi mới tằm. Nói chung, và cũng thiết nghĩ rằng, dù chỉ là cuộc sống tạm cư, nhưng người Việt đã không đánh mất hay lãng quên đời sống văn hóa tốt đẹp như câu tục ngữ: Cây có cội, nước có nguồn, chim có Tổ, người có Tông. Bằng sự phát triển và tiếp nối dòng sinh mệnh đó, đạo Phật Việt đã hòa nhập vào nếp sống người dân theo mọi hoàn cảnh, tùy duyên hóa độ, bất biến để giữ bản hoài cứu tế chúng sinh. Trong hoàn cảnh đó, người Tăng sĩ phải biết hòa nhập vào dòng đời để thể hiện lý tưởng Thượng Cầu Hạ Hóa, theo bước chân người tị nạn. Từ giá trị đó, chúng ta có thể hiểu, nơi nào có sự sống của người dân Việt, nơi đó có mặt của đạo Phật Việt, hay nơi nào có đời sống văn hóa dân tộc Việt Nam, thì nơi đó có nền văn hóa đạo Phật Việt Nam.

Để tài bồi mạch nguồn sự sống, và nối dài đôi tay tạo dựng của một giống nòi, dân tộc Việt Nam đã đứng chân đứng lại trên các quốc gia định cư, và nơi đây, giống dân Lạc Việt đã thể hiện nền văn hóa sống, có thể tạm ghi qua mười tiểu mục:

1. Cộng đồng người Việt Nam quy tụ sống chung với nhau.
2. Sinh hoạt chung với cộng đồng người dân bản xứ.
3. Người Việt Nam đã góp mặt trong những cơ chế chính quyền.
4. Một số học sinh Việt Nam xuất sắc - thần đồng - trong các trường văn hóa và quân đội nổi tiếng của Hoa Kỳ.
5. Mở trường dạy Việt ngữ để bảo lưu nền văn hóa, giữ gìn ngôn ngữ Việt Nam.
6. Các cơ quan truyền thông, báo chí được thành lập và cập nhập.
7. Cộng đồng Phật tử giữ vững niềm tin Tam Bảo và hộ pháp một cách đặc lực.
8. Xây dựng cơ sở giáo dục, đời sống tâm linh: Tự Viện, Tu Viện trong từng địa hạt người Việt Nam cư ngụ.
9. Tổ chức những khóa tu học Phật pháp, trau dồi kiến thức Phật pháp và thăng hoa giá trị sống thánh thiện.
10. Người dân Việt Nam luôn nhớ về cội nguồn - quê Cha, đất Tổ - Việt Nam Một Ngày Về - Ý Thức Dân Tộc.

Nói chung, về mọi phương diện, cộng đồng người Việt tị nạn đã tương đối thành tựu từ văn hóa, chính trị, thương mại hay giáo dục, tôn giáo, xã hội. . . đã có một bước tiến khá dài

trên quê hương định cư này.

Điểm qua một vài lãnh vực nổi bật mà người Việt Nam thể đạt một cách rực rỡ, đã làm người dân bản xứ nghiêng mình thán phục, tài năng và trí thông minh hiếm có trong lãnh vực giáo dục, khoa học kỹ thuật, tác giả Duyên Hạc Lê Thái Ất trong Văn Hóa Việt Nam (trang 206, xuất bản năm 1999), đã nêu lên một vài thí dụ điển hình:

Giới trẻ đi học chiếm tỉ lệ khá cao, số tốt nghiệp đại học càng ngày càng đông, một số nổi tiếng là thần đồng, tại các trường danh tiếng Hoa Kỳ.

- Trường hợp đặc biệt là Nguyễn Tuệ đã đậu trong 7 năm liền 7 bằng cấp, gồm 6 cử nhân và 1 tiến sĩ, phá kỷ lục tại trường MIT (Massachusetts Institute of Technology) trường Đại Học Kỹ Thuật danh tiếng nhất Hoa Kỳ.

Nguyễn Tuệ sinh năm 1962, thanh niên tị nạn đến Hoa Kỳ năm 16 tuổi, sau 10 năm học tập đã đạt thành kết quả vượt bậc, được giới báo chí vinh danh là siêu học giả.

- Khoa học gia không gian Nguyễn Xuân Vinh đã lập ra lý thuyết quỹ đạo tối ưu, nghĩa là tìm ra đường gần nhất từ địa cầu đến mặt trăng, có tác phẩm giá trị về không gian học Optimal Trajectories in Atmospheric Flight xuất bản năm 1981 (tạm dịch: Những Quỹ Đạo Tối Ưu Cho Đường Bay Không Gian)

- Phi hành gia không gian Eugene H. Trinh đã bay nhiều lần, lần đầu tiên năm 1991, để nghiên cứu sự rơi của chất lỏng trong chân không.

- Tiến sĩ Hóa học phóng xạ Phan Việt Phùng tức Peter Phùng đã góp công vào việc nghiên cứu áp dụng nguyên tử năng vào kỹ nghệ và y khoa.

- Giáo Sư Nguyễn Hữu Xương, năm 1975, đã thành công sáng chế được một hệ thống quang tuyến X, mang tên Xương's Machine, dùng để khảo sát tinh thể protein ở cả 3 chiều, có khả năng phóng to lên 100 triệu lần. Máy đã được Viện Y Tế Quốc Gia Hoa Kỳ công nhận và được coi là máy tiến bộ nhất thế giới hiện nay, rất hữu ích trong việc điều trị hai bệnh nan y là ung thư và liệt kháng (AIDS).

- Khoa học gia Hoá học Trương Kế An tại Pháp đã thành công với 38 bằng sáng chế, đặc biệt là xăng đặc, được đánh giá như mở đầu cho một thời đại mới của văn minh nhân loại, sau các thời đại nguyên tử, hòa tiền và điện toán.

Song song với sự thành đạt của xã hội bên ngoài, về lãnh vực tôn giáo, Phật giáo một phần nào nhích nhàng phát triển đáp ứng được với nhu cầu đời sống tâm linh, về phương diện cơ sở, các ngôi tự viện được xây dựng hầu như khắp các địa bàn hoạt động của các quốc gia, nơi có sự hiện diện của cộng đồng người Việt, đều có hình bóng của các mái chùa đủ tầm cỡ để chuyên chở nền văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc Phật giáo Việt Nam - và cũng dưới những mái chùa này đã vực đứng lên bao tâm hồn đau khổ, bị thương, vỡ nát niềm tin và những khủng hoảng tinh thần vì kinh qua các biến cố thời đại của người dân mất nước.

Về phương diện tu duy, thực nghiệm thì những Tự Viện là nơi hoằng pháp lợi sanh, là chốn bảo trì nền văn hóa Việt. Ở đây, thế hệ tuổi già có nơi niệm Phật, làm công quả để vun trồng công đức cho nếp sống tâm linh, và cũng ở đây, là nơi cho các em cùng trau dồi tiếng Việt, cùng tìm hiểu văn học sử nước nhà, cũng là nơi gặp gỡ chung của mọi tầng lớp, mọi thế hệ.

Tóm lại, nền văn hóa của dân tộc và giòng lịch sử của Phật giáo Việt Nam luôn gắn liền với nhau trên lễ sống còn thịnh suy. Suốt một chiều dài lịch sử đó, dân tộc Việt cũng có lúc thăng trầm, quê hương có khi thanh bình, có lúc loạn lạc, nhưng chưa có lúc nào người dân Việt Nam đánh mất nền văn hóa của mình để bị lệ thuộc hay bị đồng hóa bởi văn hóa ngoại lai kể cả thời kỳ hơn 1000 năm Bắc

thuộc, hơn 100 năm bị người phương Tây đô hộ, cũng không làm cho nền văn hóa Việt bị suy giảm, hao mòn; mà lắm khi còn làm nổi bật ý thức: Gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức tôi trung để nền văn hóa nước nhà càng có thêm bề dày và chiều sâu vững chắc.

Hôm nay, tầng lớp người đang sống nơi Hải ngoại có quan tâm đến giới trẻ của chúng ta? Những thế hệ được sinh ra và trưởng thành trong nền văn hóa này: Nền văn hóa Tây Phương tiến bộ về Cơ khí Vật chất, nền văn hóa Khoa học Thực nghiệm. Nếu chúng ta không có mục tiêu dẫn khởi và tập chú cho giới trẻ, thì có e rằng họ sẽ bị nền văn hóa bản xứ xâm chiếm trọn tâm tư và cuốn họ hướng về một phương trời nào khác, và từ đó họ sẽ đánh mất cội nguồn, văn hóa dân tộc nơi chính họ. Đây có thể là một vấn đề nghiêm trọng để chúng ta suy tư về những thế hệ tương lai.

Thích Nguyên Siêu





# HẠNH NGUYỆN ĐỨC BỒ TÁT QUÁN THỂ ÂM

Thích Đức Thắng

Hiện tượng bản thể vũ trụ là một trò chơi vừa có tính thực và bất thực, hay vừa có tính hòa âm và bất hòa âm. Nếu người biết được trò chơi này, là người nắm được thực tại trên mười đầu ngón tay; thì trái lại, kẻ không nắm được thực tại trên mười đầu ngón tay, kẻ đó không biết được hòa âm vũ trụ trong trò chơi này. Nói thể không có nghĩa là bản thể vũ trụ ở trong tình trạng phân sáp làm đôi và đối lập nhau; nhưng nó chỉ là một.

- Tuy thế, về mặt tùy thế, chúng ta nhìn bản thể vũ trụ như là một phức thể, tùy theo kiến giác của mỗi chúng ta. Vì tùy thế này, nói lên được sự hiện hữu của duyên nghiệp trong mỗi chúng ta đang ở trong tình trạng sinh khởi, nối tiếp và ràng buộc vào nhau, mà hiện ra các khổ tướng báo thân có sai khác. Nhưng về mặt nhất thể, thì hiện tượng chính là bản thể, và bản thể chính là hiện tượng.

- Do đó, cuộc đại hòa âm, hay bất đại hòa âm trong vũ trụ, cũng tùy theo đó mà hiện hữu như một thực tại giữa chúng ta, không thể không chấp nhận. Vì kẻ biết được hay không biết được trò chơi cùng đang nằm trong quỹ đạo của ý niệm, nhưng khi ý niệm vừa khởi lên, liền sau đó phát hiện ra âm thanh hoặc tương đồng hoặc tương khác với thể giới âm thanh bên trong hay bên ngoài.

- Tuy nhiên trong thế giới ngũ trước này, hầu hết chúng sanh đã mang vào trong mỗi tướng thể một khổ quả nào đó, cùng nằm trong một công nghiệp không thể tránh khỏi luật tắc luân hồi, đã mang và sẽ đưa chúng sanh vào con đường khổ. Chính vì khổ nghiệp của chúng sanh đang vậy khốn mà các đức Phật Thế tôn cùng các vị Bồ tát xuất hiện ra thế gian này, với hạnh nguyện đại từ, đại bi, ban vui cứu khổ cho mọi loài.

- Cùng ở trong hạnh nguyện đó, sự xuất hiện của Bồ tát Quán Thế Âm được các kinh công nhận là độc đáo nhất trong hạnh nguyện của các vị Bồ tát. Ngài đã chứng ngộ bằng âm thanh qua nhĩ căn viên thông, và lấy âm thanh là tiêu đích trong việc cứu khổ cứu nạn cho tất cả chúng sanh. Với danh hiệu Đại từ đại bi tâm thanh cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ tát, đã nói lên đầy đủ ý nghĩa hạnh nguyện đó.

- Trong nhiều bộ kinh, có nói về đức Quán Thế Âm Bồ tát; nhưng chúng ta không thấy đề cập đến phương pháp chứng ngộ của Ngài. Duy bộ kinh Lăng Nghiêm có đề cập đến sự chứng ngộ ấy, kinh Lăng Nghiêm trực chỉ ghi rõ rằng:

- Sau khi đức Thế tôn gạn hỏi chỗ sở chứng của 24 Thánh đệ tử xong, đến lượt Bồ tát Quán Thế Âm bày tỏ chỗ sở chứng của mình như sau: "Quán Thế Âm Bồ tát bạch rằng: Tôi nhớ là: hà sa số kiếp về trước, có một vị Phật hiệu là Quán Thế Âm; vị Phật đó dạy tôi muốn vào chánh định thì phải theo nghe-nghe-tu. Từ trong nghe, khi trở về tự tánh thì sử dụng biến mất và con đường vào trở nên vắng lặng (sở không có, năng không chỗ duyên, nên năng vẫn không hiện hữu, ở trong tự tánh vắng lặng). Hai tướng động và tịnh không sinh.

- Từ từ mà tiến lên như vậy, thì nghe và đối tượng bị nghe đều hết.

Nghe đã hết không trụ, thì giác và đối tượng của bị giác đều không khi không giác đã tròn đầy, thì không và đối tượng, không đều diệt. Khi sinh và diệt đã mất, thời cảnh tịch diệt hiện ra trước mắt. "Thế giới phơi mở trước chúng ta như là một hiện hữu, vượt khỏi không gian thời gian. Cảnh giới này không bị ràng buộc bởi xuất thế gian và thế gian, hay các pháp hữu vi và vô vi. Cảnh giới này trên đồng với Như Lai một từ lực, dưới hợp với tất cả chúng sanh trong sáu đường, và đồng với chúng sanh một lòng bi ngưỡng.

- Đến đây, chúng ta thấy hạnh nguyện của Quán Thế Âm trong kinh Lăng Nghiêm cùng kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn, gặp nhau trong lòng bi ngưỡng đối với chúng sanh đại thể. Nhưng về ý nghĩa danh từ có sự khác nhau. Trong kinh Lăng Nghiêm ý nghĩa luôn luôn ở trong chiều hướng phản phục cái nghe nơi tự tánh. Như vậy, cái nghe ở trong chiều hướng nội. Một khi tâm đã phản phục, thời cảnh sở quán sẽ không còn, nên không có sự đối đãi giữa năng và sở nữa.

- Lúc đó Như Lai tạng tâm sẽ hiển bày ra trước mắt. Lúc đó tâm năng vẫn và cảnh sở vẫn sẽ tiêu tan dung hội. Như vậy kinh Lăng Nghiêm lập cứ trên nhân hạnh mà gọi là Quán Thế Âm. Ngược lại trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn lại lập cứ trên quả đức để hiển nghĩa, thì Âm chính là tiêu đích của văn tâm cứu. Dù là tịch tịnh hay là động tịnh, nghe của Quán Thế Âm Bồ tát cũng thấu suốt tất cả. Âm thanh từ trạng thái tâm lý đến lúc phát ra ngoài, phải qua một tiến trình chuyển động của cơ thể. Có sự liên hệ giữa một ý niệm khi phát khởi, và các sợi thần kinh liên hệ chuyển động để thoát ra ngoài cửa miệng, lúc đó mới tạo thành âm thanh thật sự.

- Âm thanh này sẽ dần trải ra vô tận, và sẽ tạo thành âm thanh sống của vũ trụ. Trong những biến động tiếp giao này, cùng với những âm thanh khác, sẽ tạo ra những điệu hòa âm, hay bất hòa âm, tùy theo lối dung nạp của mỗi âm thanh từng người, từng loại chúng sanh. Ở đây trạng thái tịch thanh không tự hữu, mà chỉ hiện hữu trong mỗi người, mỗi sự vật, chính ngay trong ý niệm, trong mặc thức, không phát ra bên ngoài, hay chưa khởi phát ra ngoài, nhưng nó có tác động của tâm thức can thiệp vào. Ở đây, còn gọi là tâm thanh, là tiếng nói của tâm.

Vậy, âm là biểu tượng ý nghĩa cuộc sống, thế giới ngoại tại của chúng sanh trong pháp giới duyên khởi này chính là hiện tượng của nghiệp tướng vô minh con người đang lôi kéo con người trong bể khổ sanh tử luân hồi. Những khổ đau tai nạn của kiếp người, cùng tiếng kêu gào van xin, cầu cứu của chúng sanh trong bể khổ đã làm cho nguyện lực độ sanh của Bồ Tát Quán Thế Âm phát sinh. Ngài đã cùng nhĩ căn viên thông, thường xuyên quán sát và nghe tiếng cầu cứu của chúng sanh, tùy theo căn cơ của từng loại mà Ngài hóa độ, cứu vớt.

- Ở đây, về ý nghĩa danh xưng, chúng ta thấy sự khác biệt giữa kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa trong lòng bi nguyện của Ngài. Một đang hướng nội nghe bản thể tự tánh, tức là Như Lai tạng tâm và đó cũng chính là

bản thể của chúng sanh, của vũ trụ mà lập cứ (theo nhân hạnh) để cứu vớt; một đang hướng ngoại nghe quả khổ của chúng sanh, cùng tiếng cầu cứu mà lập cứ (theo quả đức) để cứu vớt. Nếu căn cứ nơi nhân và quả để hiểu thì làm sao có sự gặp gỡ hạnh nguyện giữa Kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa trong lòng bi nguyện của Ngài? Đó là câu hỏi cần đặt ra và cần giải đáp. Sự xuất hiện của Ngài vì lòng bi ngưỡng vô úy, cùng với chúng sanh cùng một thể tánh. Ngài đã mang danh hiệu Đại Từ Đại Bi tâm thanh cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, nói lên lòng bi ngưỡng vô úy đó.

- Lòng bi ngưỡng vô úy mà chúng sanh đã đánh mất, thay vào đó lòng sợ hãi. Chính vì lòng sợ hãi mà con người luôn ở trong tình trạng lo đối phó, nhưng đối phó với phương pháp chạy trốn thực tại, tìm cách né tránh với tương lai. Mà tương lai là những gì chưa xảy đến với họ hay sẽ không xảy đến. Vì sợ hãi lo âu nên con người tự đánh lừa chính mình và dần dần trở thành vọng thân.

- Từ đó thần thánh, ma quỷ, Thượng đế được xuất hiện bởi con người và do con người đặt ra, con người lấy đó làm nơi nương tựa. Cuộc sống của chúng ta đầy dẫy những biểu tượng, biểu tượng của sợ hãi, do đó chúng ta đã tự đánh mất bản tính vô úy của ta. Con người không dám nhìn thực tại, không dám nhìn vào chính mình, không dám sống với thực tại, luôn luôn sống với tương lai; mà tương lai là những gì ảo tưởng. Con người luôn tìm cách nắm bắt những ảo tưởng đó để rồi thất vọng đau khổ.

- Trong truyền thống triết lý siêu hình Tây phương, vì sự sợ hãi này mà Thượng đế xuất hiện. Thượng đế đã được lý trí con người đặt ra để tôn thờ và là nơi nương tựa của những con người yếu bóng vía, đầy lòng sợ hãi với hiện tại, với tương lai. Tự đặt con người vào sự cứu rỗi của Thượng đế, tự họ đánh mất bản tánh của họ. Họ làm nô lệ cho một Thượng đế bên ngoài, họ đã vong thân và Thượng đế thần thánh đã ngự trị, chi phối cuộc sống họ. Kể từ Socrates mãi cho đến Athur Schopenhauer, giai đoạn này Thượng đế đã được đề cập đến nhiều, nhất là thời kỳ trung cổ, thời kỳ kinh viện, Thượng đế được coi như là thần linh, ban phúc giáng họa và mãi đến Hegel.

- Hegel đã quan niệm: Thượng đế là một nhân cách hóa của con người và con người là nhân cách của Thượng đế. Thượng đế chính là ý niệm tuyệt đối. Ông giải thích Thượng đế của ông theo sách Sáng Ký và ba ngôi của Ky Tô giáo bằng biện chứng pháp của ông theo ba tiến trình; đề, phản đề, tổng hợp đề. Ông bảo rằng: "Chính Thượng đế đã vong thân, Thượng đế đã đẻ ra hình ảnh Adam và Eva nơi vườn địa đàng, và chính Adam và Eva đã phản lại lời dặn dò của Thượng đế khi nghe lời dụ dỗ con rắn (tượng trưng cho ác quỷ sa tăng) mà ăn phải trái cấm thiên ác, để rồi từ đó về sau con người mắc phải tội tổ tông (nguyên tội) và bị đẩy đọa trong khổ đau, cạm khổ đau con người càng tạo nên tội lỗi.

- Để chuộc lại tội lỗi này, Thượng đế đã cho Jesus giáng thế, và bị đóng đinh trên cây thập tự giá, để chịu tội cho thế gian; khi đó con người trở lại trạng thái ban sơ nơi vườn địa đàng. Để rồi ông kết luận Thượng đế là con người và con người là Thượng đế. Đó là giai đoạn chung cuộc của lịch sử tương lai.

- Từ Hegel đến Schopenhauer, quan niệm Thượng đế thay đổi dần và biến mất từ Schopenhauer. Với quyển "Vũ trụ như là ý lực", ông đã phủ nhận Thượng đế. Ông là người đầu tiên mang truyền thống Đạo học Đông Phương thời vào Âu Châu một luồng sinh khí mới mẻ, và mạnh mẽ nhất là Nietzsche với chủ trương "con người siêu nhân" và ông đã nói: "Thượng đế đã chết" (Das Got Ist). Như thế Thượng đế thực sự đã vắng mặt trên thế gian này. Mãi đến Heidegger, danh từ Thượng đế không còn được nhắc

đến nữa. Nền siêu hình học hiện đại mà người đại diện cho nền triết lý Tây Phương là Heidegger đã không nhắc đến một Thượng đế nào, ông chỉ đề cập đến tính thể của hiện thể tại thế (Dasein) của con người mà thôi. Những vấn đề xa xôi chưa đến trong tương lai, không phải là vấn đề bận tâm của ông. Ông chỉ biết hiện tại, sống với hiện tại, tìm ra những vấn đề liên hệ giữa con người với con người, giữa cuộc sống và con người cùng sự hiện hữu chính mình. Theo ông đó là những băng khuông của con người, cần phải tìm ra sợi dây liên hệ đó.

- Có thể con người mới làm chủ được chính mình và làm chủ được cuộc sống; lúc này con người sẽ không còn sợ hãi nữa, họ sống một cách bình thản chấp nhận tất cả dù là cái chết đi nữa, cũng không sợ sệt, vui cười với cái chết. Họ đã chấp nhận hiện tại và sống với hiện tại, chơi với hiện tại bằng một thái độ li lợm, kiêu hãnh với chính mình mà không bao giờ sợ hãi.



# VIỆC “HƯỚNG NGHIỆP” CHO TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO

*Tâm Minh Vương Thúy Nga*

Kính thưa quý vị và các bạn,  
Có nhiều từ nghe rất bình dân, phổ biến, thường ở trên cửa miệng của mọi người nhưng ý nghĩa, tác dụng, cách biểu hiện, v.v... của chúng thật rất khác xa nhau đối với mỗi người trong chúng ta. Xin lấy một ví dụ nhỏ: Chữ “thành công”. Thành công là gì? - Là có một cuộc sống hạnh phúc. Thế nào là hạnh phúc? - Là có một cuộc sống giàu sang, danh vọng, vợ đẹp con ngoan. Có chắc không? - Là có sự nghiệp vững vàng, học hành giỏi giang, v.v... Phải vậy không? - Là giàu có, muốn gì được nấy, tận hưởng đầy đủ mọi thứ dục lạc trên đời. Chưa chắc!

Nhiều bậc làm cha mẹ muốn hướng dẫn con cái đi theo con đường của mình và bị thất vọng vì đứa con không có hứng thú trong ngành nghề đó; nhiều người khác muốn con trở thành bác sĩ kỹ sư, hay cầu kỳ hơn, con đã có bằng kỹ sư rồi, không chịu, bảo phải vào trường Y khoa học lại để ra trường với văn bằng bác sĩ, v.v... Thật là chuyện khó tin nhưng vẫn có thật 100%. Do vậy, việc “hướng nghiệp” cho tuổi trẻ nói chung, cho con em chúng ta nói riêng, cho các em đoàn sinh GDPT... không phải là chuyện dễ. Nhiều phụ huynh đoàn sinh (trong GDPT) bảo rằng mình không biết gì cả, xin nhờ các anh chị huynh trưởng chỉ vẽ cho các em! Sự tin tưởng này vừa là niềm tự hào, vừa là nỗi lo của hàng huynh trưởng ngành Thanh, ngành Thiếu.

Xin mời quý vị và các bạn theo dõi cuộc hội thoại của các huynh trưởng trẻ GDPT quen thuộc A, B, C bàn về vấn đề này - một trong những vấn đề lớn làm họ ưu tư, thao thức... cũng là vấn đề muôn thuở trong việc giáo dục Thanh Thiếu Niên sống đúng theo tinh thần Phật giáo.

A: Chào các bạn, hôm nay các bạn định nói về việc hướng dẫn các em tự chọn cho mình hướng đi trong tương lai phải không?

B: Không dám bàn to tát như vậy đâu bạn! Chỉ là giúp các em giải đáp những thắc mắc trước “ngưỡng cửa cuộc đời”!

C: Coi như chúng ta là những người đi trước, chỉ cho các em những kinh nghiệm bản thân của chúng ta về chọn ngành học, chọn trường, v.v... mà thôi!

A: Mình thì nghĩ rằng căn bản là mình phải xác định những thứ hạnh phúc, thành công... theo định nghĩa riêng của từng người, rồi sau đó mới hướng dẫn họ được chứ!

B: Đúng vậy! Mình là huynh trưởng GDPT, mình theo đạo Phật, mình học Phật pháp và hướng dẫn các em học Phật, cho nên quan điểm về thành công, hạnh phúc, v.v... ít nhiều cũng thấm nhuần nhân sinh quan và vũ trụ quan Phật giáo chứ hả?

C: Tất nhiên rồi, nhưng các bạn hãy nói “thấp thấp” một chút có được không? Cái gì mà nhân sinh quan, vũ trụ quan Phật giáo ở đây?

A: Nói dễ hiểu hơn thì thành công theo các bạn là gì và mình muốn hướng các em mình theo hướng ấy phải không?

B: Phải rồi! Mục đích của mình là làm sao để các em sống hạnh phúc theo tinh thần Phật giáo chứ không phải sống đắm chìm trong ngũ dục.

C: Mình thường nghe nói ngũ dục nhưng không rõ lắm, ngũ dục là gì?

A: Ngũ dục là năm thú vui của thế gian, nghĩa là thích sắc đẹp (sắc dục), thích nghe đàn ca múa hát, nghe khen, nghe tặng bốc, nghe nịnh hót (thanh dục) thích ngửi các mùi thơm, nước hoa, v.v... (hương dục) thích ăn ngon (vị dục), thân thể thích được tiếp xúc với lụa là gấm vóc, với những cảm xúc êm ái, mịn màng, v.v... (xúc dục)

B: Năm thứ dục lạc đó có thể làm lòng mình bị say đắm; ai vượt qua được ngũ dục là cũng giới lắm rồi đó nha! Ví dụ mắt tiếp xúc với sắc, tai tiếp xúc với âm thanh, v.v... mà đức Phật có dạy “mắt là biển lớn, người phải vượt qua”, nghĩa là mắt thấy sắc đẹp mình thích nhưng mình phải cảnh tỉnh tâm mình, phải canh chừng nó để nó đừng phạm lỗi vì tham đắm quá mức.

C: Mình chưa hiểu đó nha! Có phải bạn muốn nói vì ham mê tửu sắc nên có thể phạm lỗi hay không?

A: Bạn nói “tửu” là có rượu nữa; đây chỉ là sắc, sắc là đối tượng của mắt, mắt nhìn thấy đẹp nhưng đừng khởi tâm chiếm đoạt chẳng hạn, là được rồi!

B: Cũng vậy, tai nghe âm thanh nhưng đừng nghe khen thì mừng, đến nỗi quên cảnh giác, bị lợi dụng làm chuyện xấu chẳng hạn; nghe chê thì hờn giận, trả thù, v.v... Tất cả những cái đó nếu bạn vượt qua được thì coi như bạn đã vượt qua hai cái biển lớn (mắt và tai) rồi.

C: Mình hiểu rồi! Vậy theo các bạn một cuộc đời như thế nào mới được gọi là “thành công”?

A: Thành công mà phụ thuộc vào ngũ dục thì mình không cho là thành công; theo mình một cuộc đời gọi là thành công phải có ba yếu tố: an lạc cho mình, an lạc cho người chung quanh và không ngừng làm các việc phước thiện.

B: Mình cũng đồng ý với bạn, nếu mình có sự nghiệp, công danh, tiền bạc nhưng làm khổ cha mẹ, vợ, chồng, con cái, anh chị em, bạn bè, chòm xóm, v.v... hay không tốt với những người ấy thì phần nào đã thất bại.

C: Mình nghĩ gần hơn các bạn, mình nghĩ rằng một cuộc đời thành công là một cuộc đời có an lạc, về bản thân thì có tu học, với tha nhân thì biết giúp đỡ mọi người bằng các phương pháp bố thí (tài thí, pháp thí và vô úy thí).

A: Nói như vậy cũng đúng thôi. Tóm lại, chúng ta đã đồng ý thế nào là “hạnh phúc” và thế nào là “thành công” rồi chứ gì! Vậy chúng ta hướng các em về mục đích đó.

B: Đúng vậy, nhưng đó là ý kiến của chúng ta, còn các em có đồng ý hay không, lại là chuyện khác!

C: Phải! Phải! Mình nói đây là nói đến cái chung, còn những em cá biệt thì không thể nói được; ngay cả cha mẹ các em cũng không biết ý thích của các em là cái gì nữa mà!

A: Ngoài ra, tương lai đâu có ai đoán trước được? Các bạn có nhận thấy không? Có nhiều em rất thông minh, học rất giỏi, nhưng ra đời lại không

thành công, có khi gặp phải người chồng, người vợ “oan gia” sao đó, làm cho đời các em trở nên thê thảm không ai có thể nghĩ ra được các em lại xui đến vậy!

B: Bởi vậy, trong phạm vi nhỏ hẹp của mỗi tuần có một ngày thời, còn 6 ngày kia là gia đình, học đường, xã hội... nghĩa là còn nhiều vai trò ảnh hưởng của thầy cô giáo, bạn bè, hàng xóm láng giềng nữa!

C: Thật ra chúng mình chỉ gần các em mỗi tuần có một ngày thôi, còn 6 ngày kia là gia đình, học đường, xã hội... nghĩa là còn nhiều vai trò ảnh hưởng của thầy cô giáo, bạn bè, hàng xóm láng giềng nữa!

A: Chứ sao! Đó là chưa nói đến những vị minh triết của thời đại, hiện tại như đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 của Tây Tạng, thầy Nhất Hạnh của Việt Nam, và nhiều thiền sư khác, quá khứ như thánh Gandhi, thiền sư Bankei... mà tư tưởng và hành động thực tiễn cũng như những lời dạy của họ đã ảnh hưởng tốt rất nhiều đến lương tâm con người và thời đại.

B: Chuyện hướng dẫn các em về nghề nghiệp là chuyện nhỏ, và không phải là chuyên môn của chúng ta, đó là việc của những nhà tư vấn (counselor) ở các trường Đại học mà các em sẽ ghi tên vào, chuyện của chúng ta là làm sao gieo hạt giống Bồ-đề vào tâm các em để sau này hạt giống đó sẽ điều khiển các em sống theo tinh thần Phật giáo mà chúng ta có bổn phận duy trì dài lâu để đem lại hạnh phúc cho bản thân và người chung quanh.

C: Bạn nói thật là siêu quá! Làm sao mình gieo hạt giống Bồ-đề vào tâm các em được?

A: Bạn B nói không sai. Đó là lời dạy của quý Thầy cổ vấn giáo hạnh của chúng ta trao truyền cho chúng ta đây chứ, bạn quên rồi sao? Quý Thầy nói kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: Bất cứ Phật sự nào mà không phát xuất từ tâm Bồ-đề thì đó chỉ là ma sự!

B: Phải rồi! Ví dụ như chúng ta đi cứu trợ - đó là một việc Phật sự chứ gì? Nhưng nếu chúng ta mỗi người một ý, không ai tôn trọng ý kiến của ai, rồi sinh ra cãi vã, tranh luận, lời qua tiếng lại, v.v... Đó không phải là ma sự hay sao?

C: À, mình hiểu rồi! Nhưng mình lại quên mất định nghĩa tâm Bồ-đề, các bạn nhắc lại cho mình đi!

A: Tâm Bồ-đề là tâm “thượng cầu hạ hóa” có nghĩa là trên thì cầu Phật đạo, dưới thì giáo hóa chúng sanh.

B: Nói ngắn gọn và với vai trò huynh trưởng GDPT của chúng mình, là trên thì học Phật pháp, dưới thì dạy Phật pháp cho các em; dạy các em làm tất cả những việc thiện, tránh tất cả các việc ác, luôn giúp đỡ mọi người, thương yêu mọi loài.

C: Chỉ vậy thôi hả?

A: Chỉ vậy nhưng bạn làm cả đời không hết việc và chưa chắc hết kiếp này đã xong việc đó nha!

B: Thật đó! Bạn thử nghĩ xem mỗi ngày bạn làm được bao nhiêu việc thiện, giúp đỡ được mấy người? Đó là chưa nói “thương yêu mọi loài”, kéo theo rất nhiều việc khác mà có thể chúng ta làm không nổi!

C: Đúng vậy, tâm ngôn “sáng cho người một niềm vui, chiều giúp người bớt khổ” mình thấy đã khó khăn rồi!

A: Thấy chưa? Vì vậy, có lần một em Oanh Vũ hỏi: điều luật của em là “thương người và loài vật” mà nhà em ăn cá hoải, có sao không anh? Mình thật khó trả lời!

B: Đúng vậy, có nhiều người vào chợ còn mua “cá sống đang bơi lội trong hồ” về ăn nữa.

C: Các bạn lại nói lạc đề rồi. Mình xin trở lại nha! Như vậy, việc đem đạo Phật nhập thế chúng mình đã làm từ lâu rồi phải không?

A: Phải! Phải! GDPT nói riêng và Phật giáo nói chung đã đem đạo Phật vào đời bằng những việc làm từ thiện, những bệnh viện, y viện, dưỡng đường, Tuệ Tĩnh đường, ở trong nước, mục đích cứu tế đồng bào bệnh tật già yếu không nơi nương tựa... đã lâu rồi; ở hải ngoại nói chung, Hoa Kỳ nói riêng, có nhiều bệnh viện chữa bệnh bằng Thiên Phật giáo nữa.

B: Ngoài ra, có nhiều huynh trưởng đã đi theo chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức... vào những nhà tù để thăm viếng, an ủi, nói Pháp cho những tù nhân chung thân hay sắp bị tử hình, nghe nói có nhiều tù nhân tỏ ra xúc động mạnh, và còn muốn gặp lại quý Thầy lần nữa.

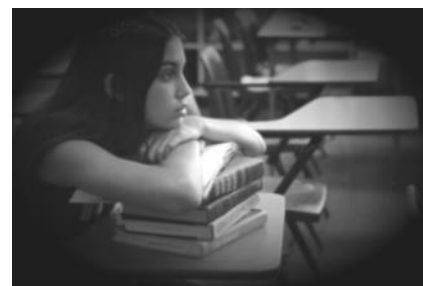
C: Nhưng cách làm này còn tùy thuộc vào mỗi quốc gia nữa phải không các bạn?

A: Phải rồi!

A: Buổi nói chuyện hôm nay tạm đủ, các bạn thấy chúng ta chấm dứt được chưa?

C: Được rồi, xin cảm ơn và tạm biệt các bạn. Hẹn lần sau nha!

A và B: Tạm biệt! Tạm biệt!





# CHĂM LO GIÚP ĐỠ CHƯ SƯ HỘ TRÌ TAM BẢO CHỨNG TƯ-ĐÀ-HÀM

**Tịnh Minh** soạn dịch từ Pháp Thoại Pháp Cú  
(trích *Từng Giọt Nắng Hồng*)

Thuở nọ, tại Xá-vê, hằng ngày có 2.000 Sa-môn thọ trai tại nhà trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapindika), và 2.000 Sa-môn thọ trai tại nhà tin nữ Vi-xa-kha (Visākhā). Để tránh lời ra tiếng vào, nhỏ to dị nghị, những ai phát tâm cúng dường chúng tăng đều được yêu cầu tự mình mang lễ vật đến văn phòng hộ trì Tam bảo của hai Phật tử thuần thành đó.

Một hôm, Vi-xa-kha thấy mình mỗi ngày một yếu, cần phải có người trẻ trung tháo vác, thành tâm thiện chí thay bà phục vụ ẩm thực cho đại chúng. Bà chọn cháu gái của bà đảm trách công việc đó. Cấp Cô Độc cũng chọn cô gái đầu lòng của mình là Maha Xu-ba-đa (Maha Subhaddā) chăm sóc trai phạn cho chúng tăng. Ai nữ của Cấp Cô Độc là người rất mực thuần thành, chăm lo các sự sớm hôm chu đáo, nhất là chí tâm tu hành, lắng lòng nghe Pháp. Nhờ thế mà cô sớm chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau đó cô lập gia đình và về sống bên nhà chồng. Cấp Cô Độc lại chỉ định Cu-la Xu-ba-đa (Culla Subhaddā), em gái của Maha Xu-ba-đa, giúp đỡ các sư. Cô này nhẹ nhàng, cần trọng, noi gương thành tín của chị mình và cũng chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau đó lấy chồng và cũng về sống bên nhà chồng. Cuối cùng ông chỉ định cô gái út là Xu-ma-na (Sumanā) thay chị phục vụ Tam bảo. Xu-ma-na một lòng kính Phật trọng Tăng, phát tâm cúng dường, vun bồi phước huệ; và chẳng mấy chốc cô ấy chứng quả Tư-đà-hàm. Một hôm cô cho người mời cha cô đến. Ông hỏi:

- Có chuyện gì mà con cho người mời cha vậy con gái cưng của cha?

- Em nói sao? hỏi người em út yêu thương của chị! Xu-ma-na hỏi vặn lại.

- Con ăn nói gì mà điên rồ vậy con! Bộ con... không nhận ra cha sao? Con bị sốt nắng rồi, tội nghiệp con tôi!

- Không! Chị không bao giờ nói năng điên rồ. Chị luôn luôn thương em. Em là em yêu của chị. Chị có đau yếu cảm sốt gì đâu!

- Con có sợ... lộng ngôn không con?

- Không! Chị chưa bao giờ lộng ngôn ý ngử. Chị luôn luôn trung thành với lời Phật dạy chân thật bất hư.

Nói xong, cô lên giường, miệng mím cười và đôi mắt từ từ khép lại.

Cấp Cô Độc tuy đã chứng quả Tu-đà-hoàn nhưng không chịu nổi cảnh đau buồn mất mát cứ dâng lên trong lòng. Tang lễ xong, ông đến quỳ dưới chân Thế Tôn khóc sụt sùi. Đức Thế Tôn hỏi:

- Trưởng giả, vì sao ông đau buồn, khóc lóc khổ sở thế?

- Bạch Đức Thế Tôn, Xu-ma-na, con gái yêu thương của con mất rồi!

- Vậy hà! Thế ông khóc vì lẽ gì? Chết không phải là định luật tất yếu cho mọi người?

- Con vẫn biết thế, bạch Thế Tôn, nhưng con gái của con rất mực thông minh trí tuệ, hiền hòa khiêm tốn, làm việc gì cũng thành tựu viên mãn. Điều

làm cho con đau khổ nhất là tư tưởng hoang loạn của nó trước khi qua đời. Nó đã bỏ con ra đi trong cơn mê sảng. Bạch Thế Tôn, tội nghiệp con của con quá!

- Nhưng mà con gái của ông đã nói gì, này Trưởng giả?

- Bạch Thế Tôn, con gọi nó là con gái cưng của cha, nó bảo con là em yêu quý của chị! Con bảo nó nói năng điên rồ, nó nói là chân thật bất hư. Sau đó nó nhẹ nhàng ra đi không một lời trần trối.

- Này Trưởng giả, Đức Thế Tôn nói, con gái ông nói năng nghiêm chỉnh, đâu có điên rồ!

- Vậy tại sao nó nói thế?

- Chỉ vì ông chính là em trai út của cô ấy.

Này Trưởng giả, con gái của ông đã chứng quả Tư-đà-hàm trong khi ông mới chứng quả Tu-đà-hoàn. Và như ông đã biết, tứ thánh quả là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cô ấy gọi ông em út là vậy đó.

- Mô Phật... té ra là như thế!

Cấp Cô Độc chấp tay xá Đức Thế Tôn với ánh mắt hiện rõ nét cung kính và hoan hỷ.

- Nhưng... chẳng hay hiện giờ con gái của con tái sanh nơi đâu, bạch Thế Tôn?

- Nơi cảnh trời Đâu-suất.

- Bạch Thế Tôn, khi sống với gia đình và bà con quyến thuộc, con của con lúc nào cũng an lành hạnh phúc, nay đâu thai nơi khác, nó cũng được an lạc êm đềm?

- Đúng vậy! Này Trưởng giả, những ai chuyên tâm cần mẫn, nỗ lực tiến tu, tu sĩ hay cư sĩ đều được thông dong an lạc ở hai nơi.

Ngài đọc kệ:

*Nay mừng, đời sau mừng,*

*Làm phúc hai đời mừng,*

*Hân mừng: "Ta làm phúc"*

*Sanh cảnh lành, mừng hơn.*

(PC. 18)



## Vô Ngã

*Ra khỏi cái tôi để thấy mình  
Đêm dài chợt loé ánh bình minh  
Vấn trời đất ấy sao mà khác  
Từng hạt bụi bay cũng mới tinh!*

*Ra khỏi cái tôi, chẳng thấy mình  
Nhân duyên lẫn quần giữa vô minh  
Sắc Không, Không sắc, đâu còn ngại  
Mà tiếc thời gian bóng với hình*

*Ra khỏi cái tôi để thấy mình  
Bản lai không diệt cũng không sinh  
Chân tâm vô ngã muôn đời sáng  
Chiếu diệu khắp cùng trong lặng thinh*

*Ra khỏi cái tôi, chẳng thấy mình  
Mang thân, tạo nghiệp, lụy phù vinh  
Nhờn như biển khổ, nò đùa sóng  
Tôi chẳng là ai, chẳng phải mình.*

## BÙI HỮU TRÍ

## Bài họa Vô Ngã

Ra khỏi cái Tôi vẫn biết mình  
Biết đêm sẵn chứa ánh bình minh  
Biết trời đất ấy chưa từng khác  
Chẳng cũ xưa, cũng chẳng mới tinh

Ra khỏi cái Tôi vẫn biết mình  
Biết minh chẳng khác với vô minh  
Chẳng Tâm nghi ngại và vô ngại  
Cũng chẳng hư vô chẳng bóng hình

Ra khỏi cái Tôi vẫn biết mình  
Chưa từng có diệt cũng chưa sinh  
Chân Tâm chưa tối, chưa từng sáng  
Tận cùng ngôn ngữ vốn lặng thinh

Quay lại trong Tôi để biết mình  
Biết thân, biết nghiệp, biết phù vinh  
Biết Tâm như nước không rời sóng  
Động tự mình, yên cũng tự mình.

## NGUYỄN AN TRẦN BÁCH LINH

## VẮNG VÀ MẮT

### Mã Nhược Mai

Tôi vốc một nắm đất, rải từ từ xuống huyết, lên nắp quan tài của em tôi, khẩn thắm, "Về với đất nhé, Thành!"

Về với đất. Bao nhiêu người thân trong đời ta đã ra đi, đã đi xa, đã về với đất, về chốn vĩnh hằng, về nơi an nghỉ ngàn thu. Đất, nước, gió, lửa - địa, phong, thủy, hỏa bốn chất cấu tạo nên hình hài thể xác con người đang tan rã trong giây phút lâm chung, mà bây giờ có lẽ chỉ còn lại đất lưu giữ cho hồn phách nơi trú ngụ cuối cùng chẳng? Nỗi nhói đau trong lòng ta khi đứng bên huyết mộ của người thân, lặng nhìn những nhát xẻng vô tình của các phu đào huyết xúc đất đổ xuống, lấp dần dần chiếc quan tài kia, nơi mà thi hài của người thân ta vừa mới còn nhìn thấy lần cuối cùng trong giờ phút tận liệm, nỗi nhói đau ấy cứ quặn theo với từng hồi ức nóng hổi còn lưu lại với con người ấy, mới vừa sống bên ta, vừa ăn, uống, nói, cười, vui, buồn, khổ, sướng bên ta, nhưng giờ đã xuôi tay nhắm mắt, đã đi mất hút vào trong một thế giới bất khả tri nhận của yên lặng và vô hình. Em tôi vừa mới cười giòn với tôi mới ngày hôm qua đây thôi, vừa mới nói đến những dự tính và ôm ấp của mình, vừa mới khoe với tôi bài thơ được đăng báo, vừa mới mua quà và chọc ghẹo con gái tôi, vừa mới bàn về chương trình thức đêm coi bóng đá. Vậy mà bây giờ em đã đi xa.

Lão Tử viết: "Đạo viết thê, thê viết viễn, viễn viết phản." (Đạo là đi, đi là xa, xa là về). Nhưng em trở về đâu? Như sách nói "sinh ký tử qui" ư? Sống giữa thế gian như trong quán trọ để rồi lại làm một kẻ lữ khách ra đi, đi xa và xa là về? Người thân vừa chết đi có nhiều điều khiến ta không muốn tin vào cái chết ấy. Nỗi khát khao còn có được người thân bên cuộc đời mình lại như một nỗi ân hận dày vò mình vì ta đã không còn được gần gũi kề cận, được chia sẻ, được tâm sự, được la rầy trách móc, được thương yêu đùm bọc. Ôi! Giá như ta đã không có những lúc vô tình với chú ấy, giá như ta đã có nhiều thời giờ hơn để thân mật với chú ấy... Sự thiếu vắng giọng cười, tiếng nói của chú, mặt mũi, cử chỉ, thái độ của chú trong cuộc sống thường ngày của ta là sự thiếu vắng quả khó chịu đựng nổi. Vắng thật rồi sự hiện diện quen thuộc - nhiều khi đến bức mình - của chú trong gia đình, trong bạn bè thân hữu. Rồi khi ta nhận ra sự vắng chú chính là sự mất chú. Không phải chú chỉ vắng mặt trong cuộc sống thường nhật của ta trong một thời gian nào đó để rồi sẽ quay trở lại, mà thật ra chú đã mất hẳn thật rồi, mất đi vĩnh viễn trong cuộc sống của con người xương thịt. Vắng đây là mất. Em tôi đã mất tích luôn giữa trần gian náo động, và lưu lại trong lòng những người ở lại như tôi lời nhắn xa xôi mơ hồ trong gió...

Đi là xa, xa là về...



# QUY Y - MỞ ĐẦU NẾP SỐNG TRÍ THỨC MỚI

## Đức Tâm

"Đạo Phật là đạo của Tâm. Chỉ có Tâm mà thôi."

Ai thực hành và phòng hộ Tâm là người đó đang thực hành Phật giáo".  
Thiền sư Ajahn Chah

Sự thực hẳn chẳng có bao nhiêu người thực hành và phòng hộ tâm mà không từng tìm hiểu đạo Phật. Kiến thức tâm học Phật giáo vô cùng phong phú cả về số lượng lẫn chiều sâu. Muốn khám phá và chuyển hóa tâm, điều đầu tiên chúng ta phải làm là phải trở thành một Phật tử. Đạo lý Tam quy giúp chúng ta bắt đầu hành trình trở thành này. Quay trở về với Phật Pháp Tăng - nơi nương tựa bình yên và vĩnh cửu nhất trần gian, sẽ mở đầu nếp sống trí thức mới. Nếp sống này thực ra không mới. Nói mới là vì nó bị quên lãng từ vô lượng kiếp, nay nhờ tam bảo giúp ta nhớ lại và sống với. Là cánh cửa khép kín bao kiếp sống lang du trong vô minh, phiền não, Quy y tam bảo khai mở cuộc đời tràn ngập tình thương và hiểu biết. Đó là lý do tiêu đề bài viết này được gọi: Quy y - mở đầu nếp sống trí thức mới.

Giáo lý tam quy y liên quan trực tiếp đến pháp số Tam bảo. Với sự kết hợp hoàn hảo cùng Ngũ giới, tam quy được xem là pháp ngữ không thể thiếu trong nghi thức phát nguyện trở thành tín đồ Phật giáo chính thức. Với ý nghĩa đó, tam quy luôn luôn được Phật tử trân trọng trì tụng trong bất cứ nghi lễ Phật giáo nào, như một lời dẫn dắt, khích lệ và tri ân. Chúng tôi sẽ giải thích tam quy thông qua chính văn trong nghi thức tụng niệm hằng ngày. Dưới sự giới hạn tri thức và chiều dài văn bản, cho phép chúng tôi phác thảo những điểm chính yếu và tỏ bày một vài suy nghĩ riêng tư về giáo lý tam quy này như một sự san sẻ chân thành.

Chính văn Hán Việt trong nghi thức tụng niệm, tam quy được trình bày một cách ngắn gọn như sau:

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

và được chuyển ngữ một cách quen thuộc:

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng, trí tuệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thấy không ngại.

Quy y tam bảo nghĩa là chúng ta tự nguyện đi theo đức Phật trên con đường tìm kiếm hạnh phúc an vui cho chính mình và mọi người. Bởi vậy, không vì lý do nào chính đáng, cao thượng, sâu xa và thực tiễn hơn khi chúng ta biết trở về và nương tựa vào Bắc phước trí vẹn toàn. Đó là nguyện nhân chúng ta quy y Phật. Nói cách khác, con về nương tựa Phật vì Ngài

là người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời. Đưa đường gì, đường tập hợp phước đức và phát huy trí tuệ. Chỉ lối gì, lối tình thương và hiểu biết. Thế gian còn đường nào sáng đẹp hơn đường từ bi trí tuệ không? Phật dạy làm phước không phải chỉ để hy vọng tận hưởng quả báo tốt đẹp. Ngài khuyên phát huy trí tuệ chẳng phải để khôn lanh, quý quyết hơn người khác. Phước và trí ấy phải nhằm mục đích đến tự giác giác tha, xây dựng nụ cười, lau khô nước mắt. Cho nên, phước ấy là phước vô lậu chứ không phải phước hữu lậu của nhân thiên; trí ấy là nhất thể chúng trí, chứ không phải nhất thiết trí, đạo chúng trí, thế gian trí, càng khác xa thế trí biện thông. Trí của Phật là trí tuệ như biển, và nhờ trí ấy, Ngài thống lý được đại chúng trời người, đặc biệt là tự tại với tất cả nhất thiết vô ngại.

Tại sao chúng ta quy y Pháp? Đơn giản, vì Pháp là lời dạy chân thật của Bắc phước trí vẹn toàn ra. Vì thế, Pháp ấy toàn bích phần đầu, phần giữa và phần sau. Pháp Phật vô giá trong không gian và thời gian. Vừa là hệ thống những phương pháp giúp chúng sanh thể nhập đại đạo, Pháp cũng là kim chỉ nam hướng dẫn chúng ta phát vô thượng tâm. Một vị Hoàng đế Trung Hoa ca tụng Pháp ấy: vô thượng thâm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tạo ngộ. Vô thượng bởi trong thế gian này không có phương pháp nào giải quyết khổ đau tuyệt vời hơn, dứt khoát hơn, triệt để hơn, toàn diện hơn, thực tiễn hơn và hòa bình hơn Pháp của Phật. Thậm chí vì Pháp là những phương pháp hóa giải ham muốn: quy y pháp, ly dục tôn. Pháp là vi diệu vì quy y Pháp là học hỏi và tu tập các pháp môn chuyển hóa tâm tánh để điều phục những cảm dục và hệ lụy của các dục. Dục ấy, cơ bản là ngũ dục: tài-tiền-bạc, tài-sản-vật-chất; sắc-ái-tình-nam-nữ, danh-tiếng-tâm, thực-ăn-mặc, thụ-nghỉ-nghỉ, hưởng-thụ. Cao hơn, dục chính là thói quen xấu, phiền não và vô minh. Đừng ngạc nhiên vì sao Pháp của Phật thường trái ngược với xu hướng, sở thích phẩmphụ chúng ta. Muốn giải thoát khổ đau thì phải đi ngược lại những nguyên nhân của nó. Không có sự lựa chọn nào khác. Đã, đang và sẽ có những người can đảm chọn con đường trái ngược phẩm tính ấy để hiện thực hóa giáo lý đức Phật. Họ là Tăng.

Vì sao chúng ta nương tựa Tăng? Đầu tiên, Tăng là một tập thể đoàn kết, hòa hợp sống theo chánh pháp. Tăng là đoàn thể có tổ chức, có lý tưởng, có nhiệm vụ cao cả nhất thế gian. Tăng thay Phật lưu truyền giáo pháp nên Tăng là Chúng Trung Tôn-tập thể đáng tôn kính nhất trời người. Tăng đáng kính vì đây là đoàn thể duy nhất nguyện sống cuộc đời tinh thức. Sau khi Phật niết bàn, hình ảnh Tăng-già được nâng lên như Phật: Tăng đáo Phật lai. Thứ đến, chỉ có Tăng mới đủ thẩm quyền hướng dẫn chúng ta thực hành pháp. Do tuân theo một số điều kiện đặc biệt, người xuất gia hiểu sâu, hành đúng và có kinh nghiệm về giáo pháp. Mức độ thâm nhập kinh tạng và thể giải đại đạo của họ đáng được Phật tử tại gia nương tựa. Không ai có thể thay

Tăng trong trách nhiệm duy trì mạng mạch đạo Phật. Bởi vì, chiêm ngưỡng hình dáng của Tăng, chúng ta thấy hình ảnh đức Phật; noi theo hành động của Tăng, chúng ta nếm trải được vị ngọt Chánh pháp. Hơn nữa, Tăng thân soi sáng, dắt dìu và nâng đỡ chúng ta trên con đường tu tập. Tăng là đoàn thể những người đã và đang phát vô thượng tâm để thể giải đại đạo, với mong muốn thâm nhập kinh tạng nhằm sở hữu trí tuệ như hải. Chỉ chừng đó thôi cũng đã quá nhiều lý do khiến chúng ta suốt đời quy y Tăng.

Bằng vào bố cục hợp lý, ngôn từ cô đọng thâm thúy, tam quy có tất cả 48 chữ trải đều cho 3 câu. Trong đây nhiều lần sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ: tự quy y và đương nguyện chúng sanh đều nhắc lại 3 lần. Đầu đã nỗ lực hết sức, bản dịch Việt vẫn chưa chuyển tải đầy đủ điều nghĩa tam quy, nhất là câu đầu. Ta thấy, hai câu đầu khuyến khích tự lợi, câu sau dặn dò lợi tha. Nghĩa là quy y Phật và Pháp nhấn mạnh sự tự lợi. Nghĩa là chúng ta nguyện noi gương Phật thực hành theo Pháp. Cụ thể, nghiên cứu học hỏi và thực hành giáo lý nhằm phát huy trí tuệ như biển. Nhờ trí này, chúng ta dùng mãnh phát tâm vô thượng và kiên trì thể giải đại đạo. Quy y Tăng nhấn mạnh lợi tha. Chữ thống lý đại chúng chúng ta điều này. Tuy nhiên, nhất thiết vô ngại không chỉ dành cho lợi tha và phát tâm bồ đề đâu chỉ riêng tự lợi. Vì thế, tam quy y nhắc nhở: tự lợi và lợi tha luôn hòa quyện, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Sau đây sẽ giải thích chi tiết thâm nghĩa từng nội dung nổi bật của tam quy.

Tự: chữ này mở đầu điệp khúc quy y và được nhắc lại 3 lần, tần số nhiều nhất, tương đương với quy y và đương nguyện chúng sanh. Điều này đã trực tiếp khẳng định vai trò và ý nghĩa của nó. Trước tiên, chúng ta nên phân biệt tha quy y và tự quy y. Chưa bao giờ tha quy y được nhắc đến trong đạo Phật. Tự, nghĩa là chúng ta tự giác, tự ý thức phát nguyện quy y. Đôi khi nhờ người khác giới thiệu, hướng dẫn, song bất cứ trường hợp nào, phải chính chúng ta đọc lời phát nguyện quy y. Không ai làm thay cho chúng ta việc này. Vì thế, tự ở đây nhấn mạnh sự kiên chính chúng ta, chính mình, mỗi người, mỗi cá nhân đến và sống theo Phật giáo. Điều này nói lên tính chủ động, tính trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân khi quy y tam bảo. Tiếp theo, tự nghĩa là của mình, sở hữu của bản thân mình. Sau khi quy y, trong lòng chúng ta sẽ hình thành tam bảo cho riêng mình, và trở thành của mình. Tam bảo ấy tùy thuộc vào quan điểm, ý thức và sự học tập, thực hành giáo lý. Càng thực tập đúng chánh pháp bao nhiêu, tam bảo trong mỗi chúng ta càng tỏa sáng, cao lớn, vững chãi và rõ ràng bấy nhiêu. Cuối cùng, tự nghĩa là tự giác, tự ý

thức, tự biết, tự hành động, tự thể nghiệm. Tự quy y nghĩa là chúng ta phải tự giác nương suốt đời nương tựa tam bảo. Khi nương tựa rồi, mỗi người tự ý thức sống theo chánh pháp. Chúng ta tự biết phải làm gì khi mình tự hào mình là Phật tử. Hành động theo lời Phật dạy bao nhiêu, chúng ta tự kinh nghiệm an lạc hạnh phúc bấy nhiêu. Chiêm nghiệm thêm, tự giác ấy luôn dẫn đầu trong chuỗi hành động của chư Phật: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự quy y nhắc nhở chúng ta hãy biết nhìn vào chính mình nhiều hơn. Hơn một lần, chữ tự này khẳng định như đỉnh đóng cột: tu hành là vấn đề nỗ lực cá nhân.

Thể giải đại đạo: thể nhập và kinh nghiệm toàn bộ sự thật cuộc đời và ngoài cuộc đời, thế gian và xuất thế gian. Xin đừng nhầm lẫn và phát âm sai giữa thể giải và thể giải. Đại đạo, đầu tiên phải là kim ngôn của Phật nói. Kho tàng những lời vàng ngọc này, cũng là chân lý rất rạo, sự thật bản thân và cuộc đời, là vô thượng chánh đẳng chánh giác, tuôn ra từ nguồn suối trí tuệ của Phật. Ở cấp độ cơ bản, thể là lắng nghe và tiếp nhận những điều Phật dạy; giải là hiểu lời dạy ấy. Những lời Phật dạy có sự phân chia theo đối tượng nghe, hoàn cảnh nói và điều kiện tư tưởng triết học mang tính lịch sử. Vì thế, chúng ta cần học thêm nguyên tắc tự y và tứ tất đàn mới có thể hiểu một cách toàn diện, tránh được các nghi ngờ và hiểu lầm đáng tiếc. Sự lắng nghe và tiếp nhận ấy mang nhiều hình thức: đọc tụng kinh văn, nghe thuyết pháp, tự tìm hiểu qua sách báo, truyền thanh truyền hình. Ở cấp độ cao hơn, thể giải là lấy tư tưởng Phật giáo làm lẽ sống. Không phải tư tưởng triết học như các triết gia tranh luận đàm luận, lời Phật dạy là kim chỉ nam cho tư tưởng và hành động của chúng ta. Hãy dùng ánh sáng chánh pháp soi sáng và dẫn đường toàn bộ khối óc và đôi tay. Được như vậy, không còn là ước mơ, lý tưởng, lý thuyết nữa, đại đạo là hành động. Phật giáo là hành động theo tâm từ bi và trí tuệ.

Phát vô thượng tâm: phát khởi ý thức tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phát vô thượng tâm là cách nói khác phát bồ đề tâm. Chữ phát ấy bao gồm phát sinh, phát khởi, phát hiện, phát triển, phát minh. Xưa chưa biết tham là khổ, nay phát sinh lòng mến đạo, theo thầy nghe pháp, phát hiện ham muốn nhiều thì khổ nào cũng nhiều. Từ đó, ý thức ít muốn và biết đủ này mầm và lớn nhanh, phát giác trong ta có sẵn kho tàng hạnh phúc. Vô thượng tâm là Tâm nguyện rộng lớn, bồ đề tâm, tâm từ bi hi xả. Vô thượng tâm là những tâm lòng không bị cản ngăn bởi thời-không gian, siêu việt bản ngã vô minh, quốc gia chủng tộc, màu cờ sắc áo. Tâm ấy rộng lớn như hư không, mênh mông như biển cả. Nói một cách đơn giản, vô thượng tâm là thiện tâm,





cách toàn diện, tránh được các nghi ngờ và hiểu lầm đáng tiếc. Sự lắng nghe và tiếp nhận ấy mang nhiều hình thức: đọc tụng kinh văn, nghe thuyết pháp, tự tìm hiểu qua sách báo, truyền thanh truyền hình. Ở cấp độ cao hơn, thể giải là lấy tư tưởng Phật giáo làm lẽ sống. Không phải tư tưởng triết học như các triết gia tranh luận đăm chiêu, lời Phật dạy là kim chỉ nam cho tư tưởng và hành động của chúng ta. Hãy dùng ánh sáng chánh pháp soi sáng và dẫn đường toàn bộ khối óc và đôi tay. Được như vậy, không còn là ước mơ, lý tưởng, lý thuyết nữa, *đại đạo* là hành động. Phật giáo là hành động theo tâm từ bi và trí tuệ.

Phát vô thượng tâm: phát khởi ý thức tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phát vô thượng tâm là cách nói khác phát bồ đề tâm. Chữ *phát* ấy bao gồm phát sinh, phát khởi, phát hiện, phát triển, phát minh. Xưa chưa biết tham là khổ, nay phát sinh lòng mến đạo, theo thầy nghe pháp, phát hiện ham muốn nhiều thì khổ não cũng nhiều. Từ đó, ý thức ít muốn và biết đủ này mầm và lớn nhanh, phát giác trong ta có sẵn kho tàng hạnh phúc. *Vô thượng tâm* là Tâm nguyện rộng lớn, bồ đề tâm, tâm từ bi hi xả. Vô thượng tâm là những tâm lòng không bị cản ngăn bởi thời-không gian, siêu việt bản ngã vô minh, quốc gia chủng tộc, màu cờ sắc áo. Tâm ấy rộng lớn như hư không, mênh mông như biển cả. Nói một cách đơn giản, vô thượng tâm là thiện tâm, lòng tốt. Sâu xa hơn, vô thượng tâm là thiện tâm hướng đến Phật trí.

Thâm nhập kinh tạng: thấm thấu và hiểu một cách sâu sắc những lời dạy của Phật được ghi chép lại hoặc không ghi chép lại trong kinh, luật và luận. Hiểu cả những điều đã nói, đang nói, sẽ nói và không nói. Tam tạng kinh điển dù thiên kinh vạn quyển, đều nhằm mục đích chỉ bày sự thật và phương pháp sống với sự thật ấy. Nói cách khác, thâm nhập kinh tạng không gì khác hơn là bước đầu tiên của sự *thể nhập đại đạo*. Biết áp dụng những lời dạy ấy vào trong thực tế cuộc sống của chính mình và người khác. Thâm nhập kinh tạng là nhân, *trí tuệ như hải* là quả.

Trí tuệ như hải: trí tuệ không có ngăn mé, vô lượng về mọi chiều hướng và phẩm chất, ví dụ như đại dương bao la. Đó là trí của Phật, nhất thiết chủng trí. Vận dụng cái trí ấy vào từng hành động để loại bỏ khổ đau, thiết lập hạnh phúc cho mình và người. Sở hữu trí tuệ này là dễ dàng thể giải đại đạo, dũng mãnh *phát vô thượng tâm* và *thống lý đại chúng* một cách sáng suốt.

Thống lý đại chúng: hướng dẫn mọi người đi theo con đường tươi sáng như Phật đã đi. Với trí tuệ mênh mông như đại dương, *thống lý đại chúng* là dịu dàng, nâng đỡ, khuyến khích tha nhân thực hành theo lời Phật dạy. Thống lý là cách nói khác của chữ hoằng pháp. Đây là trọng trách của người xuất gia-Tăng. Hoằng dương chánh pháp không có nghĩa quản lý bằng pháp trị, áp đặt tư tưởng mà tùy duyên hóa độ, hướng dẫn mọi người bằng đức trí. Vận dụng *vô thượng tâm*, nương ánh sáng *trí tuệ như biển* mới có thể chuyển hóa một cách yên ổn kẻ thù thành người thân, độc ác biến thành hiền lành, bạo ngược thành nhân đức, chia rẽ thành thống nhất. Được chỉ huy bởi tâm trí sáng suốt, hành động của chúng ta chắc chắn sẽ tạo ra sức mạnh vô song từ tinh thần đoàn kết, từ ý chí thống nhất. Vì lý do đó câu cuối cùng khẳng định: *nhất thiết vô*

*ngại*.

Nhất thiết vô ngại: không thể lực nào có thể trở ngại tinh thần tu tập và ý chí quyết tâm ấy. Có Trí Tuệ Phật thì không gì cản trở mình tu hành. Có Từ Bi Phật nên ai cũng tán thành ta hành thiện. Sức mạnh chính trị, thế mạnh kinh tế không ngăn được sự lan truyền đạo Phật. Súng ống, gươm đao trở nên vô dụng dưới tình thương, hiểu biết và bất bạo động. Sự thật lịch sử đã chứng minh điều này. Chướng ngại to lớn nhất, sâu kín nhất, âm i nhất không ở bên ngoài, nó nằm chính trong tâm mỗi người chúng ta. Tham lam biếng nhác, tự ái kiêu căng, ngu si hờn giận, ganh ghét đố kỵ, chấp thủ thị phi ... là những tường thành kiên cố cản trở chúng ta *phát vô thượng tâm*, ngăn cản chúng ta *thâm nhập kinh tạng*, xúi giục chúng ta phản bội đại chúng. Vì thế, muốn *hết thấy không ngại* thì trước tiên phải chuyển hóa phiền não trong tâm mình. Tâm phiền não thì bất cứ điều gì cũng trở thành chướng ngại, bé xé ra to. Tâm thanh tịnh thì chướng ngại lớn biến thành nhỏ, nhỏ biến thành không. Chuyển hóa tâm tánh, thay đổi quan niệm sống trở thành mẫu chốt của sự tu tập. Câu *đương nguyện chúng sanh* nhắc lại 3 lần nhằm nhấn mạnh ý nghĩa chuyển hóa này.

Đương nguyện chúng sanh: trước tiên ý thức mình là đối tượng của lời nguyện này. Chúng sanh là chính ta đây. Nguyện cho chính mình biết trở về và nương tựa vĩnh viễn vào Phật Pháp Tăng. Tự hứa với lòng mình trung thành theo sự chỉ đường của Phật bằng cách thực hành theo Pháp và noi gương Tăng. Cầu mong cho bản thân tinh tiến phát tâm rộng lớn, siêng năng học hỏi kinh luận và sống hòa hợp đoàn kết với nhau. Mình làm được như vậy rồi sau đó mới tiếp tục khuyến khích, giúp đỡ và cầu nguyện người khác thực hiện giống như mình. Sau khi hiểu như vậy rồi, chúng ta còn phải ý thức rằng chúng sanh vốn có khả năng và sẽ làm Phật. Như lai là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Đã và sẽ ấy chỉ khác nhau ở chỗ *phát tâm* và *thâm nhập* mà thôi.

Quy y: trở về và nương tựa hoặc nương tựa ngược trở lại ngay chính mình. Đây là nghĩa chính. Đối tượng nương tựa ban đầu là Phật Pháp Tăng. Song từ bản chất, tam bảo tự tâm mới thực sự là đối tượng của chúng ta. Vì vậy, quy y bước đầu là quay toàn bộ tâm trí, hành động và lời nói vào tam bảo. Việc làm này có nghĩa là, điều phối tất cả thân khẩu và ý của chúng ta thích ứng với chính pháp. Hãy biến tam nghiệp thành công cụ của những lời Phật dạy. Nói cách khác, chúng ta sống với tinh thần ly dục (Pháp) để phát huy cội nguồn phước đức và trí tuệ siêu việt trong ta (Phật), theo đường lối của những bậc đáng tôn kính của trời người (Tăng). Sau khi thực hành thuần thực, chúng ta sẽ nhận thức sâu sắc: Phật Pháp Tăng không tách rời chúng ta. Tam bảo là hơi thở, là cuộc sống, là một cái gì đó hiện hữu thực sự trong từng nhịp sống của ta. Quy y không phải hướng ngoại tìm cầu nữa, mà là hướng nội chuyển hóa. *Trong nhà có ngọc thối tìm kiếm*, một thiên sư Việt Nam đã mạnh dạn phát biểu như thế. Vì lý do đó, Phật dạy tự quy y. Tự nguyện xoay toàn bộ thân tâm hướng về Phật pháp nên quy y không giới hạn con người hay con vật-không gian, một đời một kiếp-thời gian. Vợ đẹp con thơ, nhà cao cửa rộng, chúng chỉ là chốn nương tựa tạm thời, mong manh trong 1 đời người. Từ bi trí tuệ, phước đức thiện tâm, những thánh tài này chắc chắn vĩnh viễn theo mãi chúng ta qua vô lượng kiếp. Tại sao chúng ta không sáng suốt buông bỏ chốn giả tạm, phù du, phiền phức, thấp kém để nắm bắt và leo lên nơi thanh cao, vĩnh cửu, yên ổn? Do vậy, quy y không hề mang tính lý tưởng phiêu bồng mà hoàn toàn có ý nghĩa lý trí hiện thực kinh nghiệm.

Quy y là kết thúc nếp sống mê mờ cũ để bắt đầu đời sống trí thức mới. Quy y Phật nghĩa là chúng ta đã quy y Pháp và quy y Tăng. Đừng bao giờ tách biệt Phật Pháp Tăng. Vì, ba hiện hữu trong một và một có mặt trong ba. Cho nên, ai nói chỉ quy y Nhi bào, Phật và Pháp, mà không quy y Tăng, người ấy chưa hề quy y. Đặt toàn bộ đời sống của mình vào Phật pháp, đó là ý nghĩa rất rạo của hai chữ quy y.

Với ý nghĩa đó, quy y trở thành xuất phát điểm và cũng là mục đích cuối cùng của sự nghiệp tu hành. Xuất phát bằng sự nương tựa xuất thế gian tam bảo để cuối cùng thể nhập vào tự tánh tam bảo hay đồng thể tam bảo. Đó là toàn bộ lộ trình tu hành của chúng ta. Lộ trình này không mang tính thời gian và không gian. Bất cứ ở đâu và lúc nào, chúng ta cũng đều có thể trở về và sống với ba ngôi báu trong tâm. Bao giờ con người còn tự ý thức về tam bảo trong ta và ngoài ta, khi ấy Phật giáo vẫn còn hiện hữu. Quy y, nương tựa không làm chúng ta yếu mềm vì chúng ta đang *phụ thác thắng nhân phương năng quảng ích* (kỷ thác đời mình vào nhân tố tối thượng, mới có năng lực tạo được ích lợi rộng lớn). Trở về nương tựa tự tánh tam bảo rõ ràng giúp ta tự tại với tâm và tự tại với cảnh. Bởi vậy, mỗi khi ngân vang điệp khúc tam quy y, chúng ta hãy vận dụng toàn bộ tâm trí, phát huy tất cả năng lực tinh thần nguyện noi gương Phật-đà và Tăng-già, những người đã và đang thực hiện con đường thoát khổ-Pháp. Trong thế giới bất toàn, giả tạm và khổ đau này, còn nơi nào toàn bích, vĩnh cửu và an vui hơn tam bảo? Trở về và nương tựa Phật Pháp Tăng là sự lựa chọn khôn ngoan, là hành động sáng suốt. Khôn ngoan vì mang đến nụ cười, hòa bình và hạnh phúc thực sự. Sáng suốt bởi đó là kết quả của tình thương và hiểu biết. Mỗi lần xưng niệm tam quy là một lần tạ ơn tam bảo. Chúng ta đang cô hướng đi

tươi sáng (Pháp) theo mục đích rõ ràng (Phật), bên cạnh những người bạn hiền lương (Tăng). Cầu nguyện chúng ta phát huy niềm tin và hành động chính đáng như lời phát biểu sau đây:

*Càng nghiên cứu và thực hành giáo lý bao nhiêu, tôi càng tin và kính Tam bảo bấy nhiêu.*

*Càng tin kính Tam bảo bao nhiêu, tôi càng nghiên cứu và thực hành giáo lý bấy nhiêu.*

Trăng tròn tháng 9, canh dần  
(20.10.2010)

Tam Bao Buddhist temple, Tulsa, OK,  
USA

**Đức Tâm**

## Bóng Giai Nhân

(Nhân đọc "Môi tình của vị cao tăng chùa Shiga")

Ta chối bỏ trần gian huyền mộng  
Đề đi tìm Côi Tịnh bao la  
Bên Thiền Thất trầm ngâm gió lộng  
Nhìn mây chiều cánh nhạn về xa.

Rồi một hôm trời gấm bão tố  
Bóng ai từ vô thí bước ra  
Tay bóp nát tim người máu đỏ  
Của thiên thần hay của quỷ ma?

Từ buổi ấy ta vẽ khép cửa  
Lật trang kinh cổ niệm nam mô  
Xua đuổi mãi mắt bưng đốm lửa  
Ôi, giai nhân - quyền lực mơ hồ.

Ai uy dững mấy nghìn năm thuở trước  
Đã bước qua hai lần mức chiêm bao  
Ta vượt mặt, bó tay, đầu lắc  
Phật cũng buồn, đầu đó ở trên cao!?

(Viết trên máy bay, 2010)

## HÀN LONG ẨN





# LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH DO CỘNG ĐỒNG PGVN MIỀN BẮC CALIFORNIA TỔ CHỨC TẠI CHÙA KIM QUANG, SACRAMENTO (02—17/10/2010)





# LỄ KHAI MẠC CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI TỔ CHỨC TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA (23—31/10/2010)



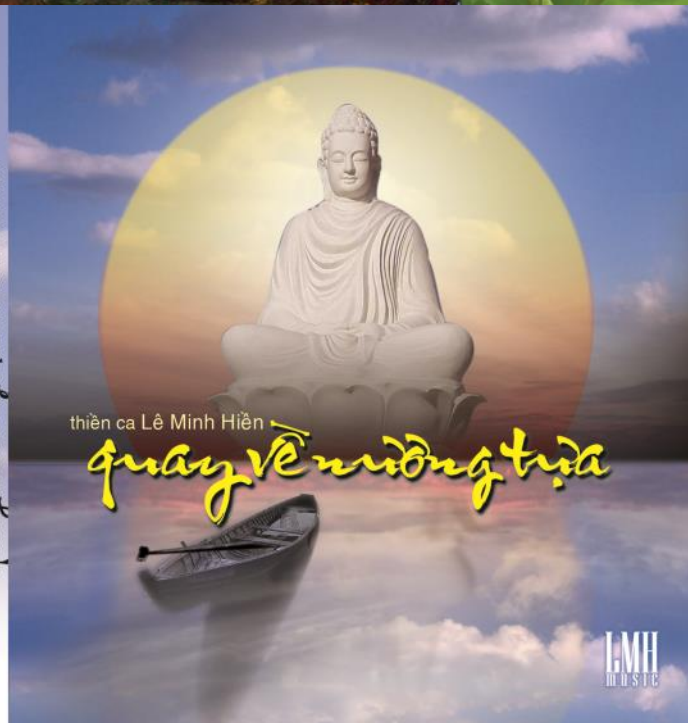


# NHỮNG TÁC PHẨM THIÊN CA CỦA LÊ MINH HIỀN

Lê Minh Hiền trong suốt thập niên trở lại đây đã sống và thở bằng những tiết điệu của dòng nhạc Thiền ca. Hay nói một cách khác, triết thuyết Phật giáo đã quyện vào máu và trái tim của Lê Minh Hiền. Vì vậy, những khi Lê Minh Hiền chấp bút thì bao nhiêu âm ba giai điệu uyên nguyên của "Cội nguồn miền viễn", của "Bản lai diện mục" hay của "Chân như diệu hữu" từ đâu bỗng tuôn trào như thác lũ vỡ lên kiếp sống vốn đọa đầy viễn mộng này. Chọn dòng nhạc Thiền ca làm cái "nghiệp" sáng tác cho mình, tôi cho rằng Lê Minh Hiền đã đổi mặt với sa mạc mệnh mỏng bạt ngàn cỏ cháy, mà nếu không đủ nghị lực phi thường và một cái "tâm" uy dũng thì kẻ dám vượt sa mạc ấy sẽ chết khô bên vệ đường. Lê Minh Hiền không những không chết khô mà vẫn sống vui, thành thơi và cho ra đời đều đặn nhiều tác phẩm nhạc Thiền ca làm nức lòng người con Phật khắp nơi. Gần đây nhất là CD "Phật ngọc cho hòa bình thế giới" đã gây một tiếng vang lớn trong lòng giới mộ điệu. Chưa hết, hai tác phẩm DVD Karaoke mới nhất là "Bóng dáng thiên thần" và "Quan âm vô lượng" đã được công chúng hoan nghênh và đón nhận một cách nồng nhiệt. Trong hai tác phẩm này, Lê Minh Hiền kết hợp một cách tài tình và sáng tạo giữa thơ và nhạc. Tác giả cho rằng, đem thơ vào nhạc cũng như đem sóng về khơi, đem cây về cội, đem đạo vào đời. Những bài thơ bất hủ của Sơn Cư (Thích Tịnh Từ), Không Lạc, Hàn Long Ẩn (Thích Thiện Long) và một số bài thơ của những nhà thơ khác lần lượt được chấp cánh ca từ thanh thoát trong tiết nhịp trầm lắng của một cõi đi về bao la vô tận. Hãy tìm cho được những CD, DVD của Nhạc sĩ Lê Minh Hiền để "tận mục sở thị".

## Hàn Long Ẩn

**Liên lạc:** Nhạc sĩ Lê Minh Hiền—397 Waterton Ct., Morgan Hill CA. 95037 | Tel.: (408) 914-0360 / (408) 509-4480 | Web: leminhhienmusic.com  
**Hoặc:** Chùa Thiên Trúc—1083 S. 7th St., San Jose, CA 95112 | Tel.: (408) 217 9602





# IM LẶNG CỦA SÓNG VỠ THÀNH THƠ...

*Cư Sĩ Liên Hoa*



*Một thoáng phù du, nợ cõi đời  
sao còn tục lụy để chơi với  
tìm nơi một cõi chân thường đó  
vẫn thấy bên mình rơi ước mơ...*

Tìm lại mình là một phương trời rộng mở mà ai ai cũng tìm đến, mở màn cho cuộc nhân sinh. Có người đi tìm mình qua những định danh, dán hiệu cho mọi sở hữu tử vật qua tâm, như chính đó là hiện thân đích thực của bản ngã tồn tại. Nước mắt từ đó tuôn rơi, nụ cười khởi đầu có mặt, trong thành bại, vinh nhục, khổ đau, hạnh phúc.

Sự tồn tại của một cá nhân hay tập thể là sự chạm trán với chính sinh mạng của hiện hữu, đối diện để vực dậy, sống tinh và thành hình... tùy theo quan niệm, theo định hướng cuộc đời.

Người hành giả của tâm linh là người đi tìm mình qua xuân hạ thu đông, quán chiếu lại tâm, lấy ra mảng vỡ vụn của vọng niệm, soi mói, tìm tòi, để cho bụi phấn tan biến thành vô thường. Những rớt rơi của tự ngã là cuộc trở về với những bước đi trong sự rời bỏ, hý xả, rơi rụng mọi sở hữu, dù là một thoáng mây trời, dù là mây may vì trần còn sót lại.

Tiếng gió reo vui, mời gọi một cõi lòng, để nghe lời nói, lắng nghe tâm cười. Trong cõi mộng đã dệt thành chân hữu, cho khổ đau dồn dập, cho chơi với lá rụng, cho vỡ nát trái tim để thành hình nhân bản con người, tất yếu trong định mạng, phá vỡ trên sinh mạng và thành hình trong vận mạng. Ba chuyển khởi hành để tạo thành nguồn lực cho mọi biến động, vượt thoát, trở về.

Là người ôm tâm chạy đuổi trong cuộc đời, thấy biết nghiệp lực, nhưng vẫn kiêu hãnh đối với nghiệp lực, nhận rõ với đôi mắt chân chất rạt rào, ôm ấp yêu thương và làm tốt hơn cho nghiệp lực, để chuyển hoá. Em đến với ta trong một cõi nào đó, khi tâm là một nốt kết mở rộng để đón bước chân về. Bàn tay vẫn nắm lấy nhau trong khổ nhục, thị phi hay hạnh phúc. Dù có ngã gục trên đường đi, dù có gai góc của các mảnh ráp tấm lòng do say khước cuộc vui cõi

trần, do vui đùa trong tử sinh, do ấm áp trong vết thương làm dày thêm chất sống của tâm. Ai không đau khổ, nhận thức được khổ đau, bằng mình qua những ngả ngách của khổ đau, sẽ không bùng tình để sống tình thức, nhận rõ cuộc viễn du của kiếp người, sẽ không cảm nhận được hạnh phúc như đoá sen thơm kỳ diệu đến và vươn lên từ bùn nhơ của cuộc đời. Tình thức là một cuộc sống, một trạng thái bình tịnh trước dòng nghiệp lực không có đi lẫn về, vì là mộng ảo.

Từng mỗi nốt nhạc của cuộc sống, dù là đơn thuần là do, rê, mi, fa, sol, la, si... những môi nốt nhạc vẫn được nuôi dưỡng, cộng hưởng bởi những nốt thanh khác gom lại. Cuộc sống là tất cả những gì tạo thành, thành hình của cuộc sống, nên mỗi sự vật, mỗi pháp, mỗi tâm... đều đến từ những cộng hưởng, duyên sinh khác. Ai không đau khổ sẽ không biết đến hạnh phúc là gì? Người không vinh nhục là người bị khiếm khuyết nội tâm để thành hình con người đích thực.

Là người bắt toàn trên thân phận con người, với thân xác phàm phu, thô thiển từ thân tâm, với bao nhiêu là vận động còn tồn tại như một giả định, vì tất cả các "hữu vi pháp đều là vô thường, giả danh"... nhưng là người con Phật trước vận mạng của chính mình, dù hoàn cảnh có ra sao, dù nghiệp lực có dày đặc trùng trùng vây bủa, dù là có nước mắt tuôn rơi, có nụ cười non dại... tôi vẫn vươn lên, đối diện, không chạy trốn, nhẩn nhục, ôm lấy thương yêu nghiệp lực như chính cuộc đời mình, cùng vươn lên để hoàn thiện chính nó và cùng nhau đi về bến cũ, đường xưa... để cùng cười vui và phải chăng đó là mặt ngọt, là lý tưởng đẹp, là nụ cười, là im lặng trong bao sóng gió, trở thành bài thơ nhân sinh, nhân bản có bóng hình con người đích thực... xin được lấy những hình ảnh này, kính dâng tặng đến mọi người như một chia sẻ...

*Tiếng gió réo gọi  
lắng nghe tâm hư ảo  
lời nói gì  
rì rào tiếng lòng  
mặt biển vẫn lặng lẽ sóng nước  
cuộc đời chờ đợi  
bến vắng, chiều thưa*

*nghe mây độ sương rơi  
bàn tay mềm mại  
thấy nhau trong mộng thực  
có phải là người xưa  
có phải là ta,  
của muôn kiếp tìm nhau  
giọng vẫn ngọt ngào  
gỗ đá khắc sâu  
dòng sông hồi hải  
nở vụn nụ cười  
cạn kiệt lời xạ nhau  
cánh chim vẫn lặng lẽ  
đem các mùa rải mộng đẹp  
có vỡ tan  
có tiếc nuôi  
có lang thang  
ai người tìm lại  
ai cho lời thơ  
bóng hình xưa thức giấc  
trên đỉnh núi cao  
gieo mình rơi từ tâm  
cho chơi với  
cho lơ lửng  
gặp lại em trong chốn vô thường  
khắc sâu lời tâm kinh  
như lời nguyện thưở nào  
cho mộng đi  
cho gió cuốn  
cho trăng sao rơi  
cho tóc bạc màu  
cho trăm năm về trong sát na  
cho thân tâm tan biến  
nụ cười em bé  
bước đi chân hạc  
thong dong một đời  
chú bé giật mình  
tiếng khóc chào đời  
chập chững trần gian  
mặt trời hé nở*

*trăng vẫn còn ngủ  
sao vẫn thờ ơ  
tâm mở lời thì thầm  
em về rồi  
chúng ta về rồi  
tiếng nhân sinh thưa hỏi  
căn nhà quê cũ  
gương mặt vẫn đầy  
em cười  
ta cười  
lời xưa còn đó  
phải chăng...*

Một thoáng tìm đời thơ  
**Cư Sĩ Liên Hoa**

## Không chuyên nhất

*Nếu ái mà không nặng  
Không sanh cõi Ta-bà  
Niệm Phật không chuyên nhất  
Tịnh Độ mãi còn xa!*

## Ưu điểm

*Ưu điểm sự tu hành  
Hoàn toàn do chính mình  
Người bệnh không uống thuốc  
Khó mong bệnh chóng lành!*

## Chỉ nói

*Theo Phật mà chỉ nói  
Như đếm bạc giùm người  
Bao giờ ta có của  
Tu đạo cũng vậy thôi!*

## Đắc đạo

*Trong thời kỳ mạt pháp  
Đắc đạo được mấy người  
Duy chỉ môn niệm Phật  
Vượt sanh tử luân hồi.*

**LAM NGUYỄN**



# TÓM LƯỢC Ý NGHĨA HÒA BÌNH của CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM Bắc California trong LỄ HỘI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH TẠI CHÙA KIM QUANG, SACRAMENTO

Sau gần 3 tháng chuẩn bị mang lại thông điệp hòa bình của Phật giáo cho miền Bắc California nói chung, và cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam nói riêng. Lễ khai mạc đã diễn ra trong một ngày đẹp trời với khoảng 6,000 người đến nguyện cầu và chiêm bái.

Ban tổ chức đã làm việc miệt mài trong tinh thần hòa hợp để gói gắm thông điệp như sau.

Thượng tọa Thích Nhật Huệ, trưởng Ban tổ chức, đã nhấn mạnh rằng: ý nghĩa hòa bình trong Phật giáo chỉ có thể đạt được thực sự qua sự chuyển hóa nội tâm của mỗi cá nhân. Đây là ý nghĩa lời Phật dạy trong Kinh Duy Ma Cật: "Tâm bình thế giới bình".

Hòa thượng Thích Minh Đạt, một vị Hòa thượng chứng minh bày tỏ: "Tôi tin rằng lượng sống Từ Bi Trí Tuệ qua phương tiện chiêm lễ và nhất tâm cầu nguyện của chúng ta hôm nay sẽ chan hòa với các lượng sống Từ Bi Trí Tuệ khắp các nơi mà Tôn Tượng đã có dịp ngang qua để bao trùm khắp nhân loại trên thế giới hầu góp phần trong việc chuyển hóa khổ đau thành an lạc, hóa giải hận thù thành yêu thương để thế giới được hòa bình thật sự.

Phi Từ Bi và Trí Tuệ, không gì, không ai có thể mang lại Hòa Bình cho Thế Giới, ngoài việc thân tâm hợp nhất của mọi người, hay ít ra của nhiều người trên hành tinh này, để cùng tỏa ra một năng lượng Từ Bi Trí Tuệ hùng hậu, mới có thể làm được điều hy hữu như sau:

Riêng Đại lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan có dạy trong Pháp tử: Ước vọng đó (cho một nền hòa bình thế giới) vốn là một phần trong đại nguyện của người Phật tử từ ngàn xưa đến nay là: chuyển hóa tâm thức con người từ phạm phu bước lên hàng Thánh; chuyển hóa nhân gian loạn động thành tịnh độ phước lạc. Đại nguyện này có thể được triển khai một cách thiết thực và gần gũi với ước vọng hòa bình của nhân loại hiện nay như sau:

1. **Hòa bình đối với tự thân:** giảm thiểu tham muốn bằng giới; chế ngự sân hận bằng thiền định; hóa giải những cuồng vọng si mê bằng trí tuệ giác ngộ.

2. **Hòa bình đối với con người:** không tham lam chiếm đoạt sở hữu của người; không hận thù; không bạo động và làm tổn thương mạng sống của kẻ khác; không cố chấp, không thành kiến đối với quan điểm và niềm tin của kẻ khác.

3. **Hòa bình đối với hoàn cảnh:** nghĩ đến nạn đói lạnh, cơ cực, thiếu thốn của kẻ khác; không tiêu xài phung phí dù là của riêng; tập giảm thiểu mức thụ hưởng của mình để có thể chia sẻ với tha nhân; bảo vệ môi trường xanh của hành tinh, không tiêu thụ lãng phí và hủy hoại tài nguyên chung.

Trong tinh thần đó, chúng ta hãy nuôi dưỡng ý nghĩa trí tuệ và lòng từ bi và thể nhập vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta để làm cho thế giới này ngày càng yên bình yên.

**Ban thư ký**  
**The PEACE MESSAGE of the VIET-NAMESE BUDDHIST COMMUNITY in NORTHERN CALIFORNIA during the JADE BUDDHA for UNIVERSAL PEACE, Exhibition in Sacramento**

After nearly three months of preparation to bring the message of peace to northern California in general, and for the

Vietnamese Buddhist Community in northern California in particular. The opening ceremony took place in a beautiful day with about 6,000 worshippers gathering to pay homage to the Jade Buddha at Kim Quang Temple on 3119 Alta Arden Expressway in Sacramento. The organizing committee has worked tirelessly in a spirit of harmony to get the message of peace across.

Venerable Thich Nhat Hue, Chairman of the organizing committee emphasized the meaning of peace, according to the Buddhist teachings, can be achieved only through the transformation of the individual's mind, from impurity to purity. This is exactly what the Buddha says in the Holy Teaching of Vimalakirti: "The purity of the world reflects the purity of one's mind."

The most Ven. Thich Minh Dat, one of spiritual advisors gave some significant thoughts on this occasion: "I believe that the energetic waves of wisdom and compassion which manifest through our one-minded prayers today will pulse rhythmically with those of people's prayers around the world, so that human beings might be inspired to transform hatred into love and suffering into true happiness.

Without wisdom and compassion, it is impossible for us to bring peace to the world; therefore, it is important that each of us should cultivate and practice wisdom and peace in our daily lives."

By the same token, the most Ven. Thich Thang Hoan offered some suggestions on how to basically transform ourselves: "Peace is a part of the Buddhist's daily prayers. The meaning of peace, according to Buddhism, can be achieved by transforming the defiled mind into the pure one, or from the disturbed to the peaceful. In particular, peace can be achieved through the following ways:

1) **Practicing peace for oneself:** lessening desire by practicing moral precepts, controlling hatred by being mindfulness, and liberating ignorance by understanding.

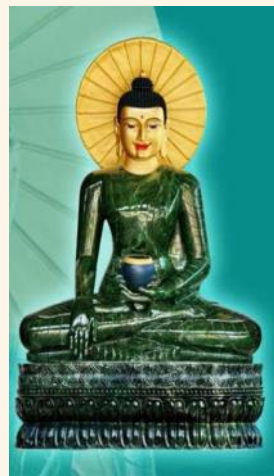
2) **Practicing peace for people:** not take what is not given to one, not do things that are harmful to people and living things, and not holding prejudices against other people.

3) **Practicing peace for environment:** thinking of the hunger and famine of other people by practicing a life of self-sufficiency, to love and protect the environment by not wasting and destroying natural resources.

In this spirit, let us cultivate the meaning of wisdom and compassion and actualize it into our daily lives so as to make this world a peaceful place to live.

**Secretary Committee**

## Lịch Trình Triển Lãm Phật Ngọc năm 2010 & 2011



### **Kim Cang pagoda**

4771 Browns Mill Rd, Lithonia Georgia, USA—Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Dat.

### **02-10 April 2011 Vietnamese Buddhist Association of Savannah / Cat-Tuong Temple**

2619 US Highway 80, Garden City, Georgia, USA

### **12 - 19 April 2011**

#### **Phap Hoa Temple**

4706 N. Arkansas Avenue, Wichita, KS 67204, USA

### **20-30 April 2011**

#### **Truc Lam Buddhist Temple**

1521 W. Wilson Avenue, Chicago, Illinois, USA Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Tuan

## 2010

### **22 - 31 October 2010**

#### **Bat Nha Buddhist Temple**

803 S. Sullivan St., Santa Ana, California, USA—Contact: Most Ven. Thich Nguyen Tri +1 714 571 0473

### **05 - 15 November 2010**

#### **Mắt Thương Nhìn Đời, Compassionate Eyes Inc.**

7641 Talbert Ave., Huntington Beach, California, USA—Contact: Kathy Chon Tinh Dieu +1 714 600 8854

### **27 November - 5 December 2010**

#### **Chan Khong Monastery**

1105 Hind Iuka Drive Honolulu, Hawaii, USA -Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai + 1 808 373-4608

## 2011

### **04 - 09 January 2011**

#### **LA Convention Centre**

1201 South Figueroa Street, Los Angeles, California 90015

### **14 - 23 Jan 2011**

#### **Minh Dang Quang**

3010 W. Harvard Street Santa Ana, CA 92704, USA

### **12-22 February 2011**

#### **Phat Da Temple**

715 Vista Ave., Escondido, CA 92026. USA. Contact: Senior Venerable Thích Nguyên Siêu. Tel: 1. 619 283 7655; 760 739 8063

### **19-28 February 2011**

#### **An Lac Mission**

901 S. Saticoy Avenue, Ventura, California, USA  
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai—Tel: 808-373-4608

### **05-13 March 2011**

#### **Nhu Lai Meditation**

2421 West Glenrosa Ave, Phoenix, Arizona, USA  
Contact: Ven. Abbot Thich Minh Hoi

### **19-27 March 2011**

### **02 - 08 May 2011**

#### **Minh Dang Quang Meditation**

208 S. Allentown Rd, Telford, PA 18969, USA

### **04-12 June 2011**

#### **Phật Huệ Temple**

Hanauer Landstrasse 443 - 60314, Frankfurt am Main, Germany  
Contact: Ven Thich Thien Son +49 694 844 980

### **18-26 June 2011**

#### **Vien Giac Temple**

Karlsruher Strasse 6, Hannover, Germany  
Contact: Most Ven. Thich Nhu Dien & Ven Thich Hanh Gioi, +49 051187 9630

### **02-10 July 2011**

#### **Linh Thuu Nun Temple**

Heidereuter Str. 30  
13597 Berlin, Germany  
Tel: 0049-303-6711287; 0049-303-6711287

### **16-24 July 2011**

#### **Lien Tri Nun Temple**

Kamenzer Str. 1  
04347 Leipzig  
Munich, Germany  
Tel: 0049-3412-346230 0049-3412 -346230

### **30 July - 7 August 2011**

#### **Tu Dam Temple, Midland Buddhist Association**

34 Holyhead Rd. Handsworth, Birmingham, United Kingdom  
Contact: Senior Ven. Thich Phuoc Hue +44 12 1551 8614





# CON BÚP BÊ VÀ CÁNH HOA HỒNG

TG dịch

Tôi đi vòng trong một tiệm Target và chứng kiến cảnh người thu-ngân đang trao lại một số tiền cho cậu bé. Cậu bé chỉ độ 5 hay 6 tuổi.

Người thu-ngân nói, "Rất tiếc là em không có đủ tiền để mua con búp-bê này".

Đoạn cậu bé quay sang bà cụ đứng cạnh: "Ngoại à, Ngoại có chắc là con không có đủ tiền không?"

Bà cụ đáp: "Con à, con biết là con không có đủ tiền để mua con búp-bê này mà."

Rồi bà cụ bảo cậu bé cứ đứng đó chừng 5 phút để bà đi một vòng trong tiệm. Rồi bà lần đi ngay.

Cậu bé vẫn cầm con búp-bê trong tay.

Cuối cùng, tôi bước đến cậu bé và hỏi là cậu muốn tặng con búp-bê này cho ai.

"Đây là con búp bê mà em gái của con yêu thích lắm và ước ao có được trong Giáng Sinh này. Em ấy tin là Ông già Noel sẽ mang quà này lại cho em ấy."

Tôi trả lời cậu bé rằng: "Chắc thế nào Ông già Noel cũng sẽ mang lại cho em con, con đừng lo."

Nhưng cậu trả lời buồn bã. "Không, Ông già Noel không mang đến chỗ em đang ở được. Con phải trao con búp-bê này cho mẹ con, rồi mẹ con mới có thể trao lại cho em con khi mẹ đến đó."

Đôi mắt cậu bé thật buồn khi nói những lời này.

"Em con đã về với Chúa. Ba con bảo là Mẹ cũng sắp về với Chúa, bởi vậy con nghĩ là Mẹ có thể mang con búp-bê này theo với Mẹ để trao lại cho em con."

Tim tôi như muốn ngừng đập. Cậu bé nhìn lên tôi và nói: "Con nói với Ba là hãy bảo Mẹ đừng có đi vội. Con muốn Mẹ con chờ con đi mall về rồi hãy đi."

Rồi cậu lấy ra cho tôi xem một tấm ảnh trong đó cậu đang cười thích thú. "Con muốn Mẹ mang theo tấm ảnh này của con để Mẹ sẽ không quên con.

Con thương Mẹ con và mong ước Mẹ không phải bỏ con để đi, nhưng Ba con nói là Mẹ phải đi để ở cạnh em của con."

Rồi cậu lặng thinh nhìn con búp-bê buồn bã.

Tôi vội vàng tìm ví bạc trong túi và nói với cậu bé: "Hãy thử coi lại xem, biết đâu con lại có đủ tiền mua con búp-bê này thì sao!"

"Đa", cậu bé đáp, "con mong là có đủ tiền". Không cho cậu bé thấy, tôi kẹp thêm tiền của tôi vào mở tiền của cậu bé, và chúng tôi cùng đếm. Chẳng những đủ số tiền cho con búp-bê mà còn dư thêm một ít nữa.

Cậu bé nói: "Cảm ơn Chúa đã cho con đủ tiền!"

Rồi cậu nhìn tôi và nói thêm: "Tôi qua trước khi đi ngủ, con đã hỏi xin Chúa làm sao cho con có đủ tiền để mua con búp-bê này để Mẹ con có thể mang đi cho em con. Chúa đã nghe lời cầu xin của con rồi."

"Con cũng muốn có đủ tiền mua hoa hồng trắng cho mẹ con, nhưng không dám hỏi Chúa nhiều. Nhưng Ngài lại cho con đủ tiền để mua búp-bê và hoa hồng trắng nữa."

"Mẹ con yêu hoa hồng trắng lắm."

Vài phút sau bà cụ trở lại, và tôi cũng rời khỏi tiệm.

Tôi làm xong việc mua sắm trong một trạng thái hoàn toàn khác hẳn với khi bắt đầu vào tiệm. Và tôi không thể rút bỏ hình ảnh của cậu bé ra khỏi tâm trí tôi.

Đoạn tôi nhớ lại một bài báo trong tờ nhật báo địa phương cách đây hai hôm. Bài báo viết về một tài xế say rượu lái xe vận tải đụng vào xe của một thiếu phụ và một bé gái nhỏ.

Đứa bé gái chết ngay tại hiện trường, còn người mẹ được đưa đi cứu cấp trong tình trạng nguy kịch. Gia đình phải quyết định có nên rút ống máy trợ-sinh khỏi bệnh nhân hay không vì người thiếu phụ này không còn có thể hồi tỉnh ra khỏi cơn hôn mê.

Phải chăng đây là gia đình của cậu bé?

Hai ngày sau khi gặp cậu bé, tôi đọc thấy trên báo là người thiếu phụ đã qua đời. Tôi bị một sự thôi thúc mãnh liệt và đã mua một bó hoa hồng trắng và đi thẳng đến nhà quản nơi tang lễ của người thiếu phụ đang diễn ra và mọi người đến nhìn mặt người quá cố lần cuối cùng.

Cô nằm đó, trong cỗ áo quan, cầm trong tay một cành hồng màu trắng với tấm ảnh của cậu bé và con búp-bê được đặt trên ngực của cô.

Tôi rời nơi đó, nước mắt doanh tròng, cảm giác rằng đời tôi đã vĩnh viễn thay đổi. Tình yêu của cậu bé dành cho mẹ và em gái cho đến ngày nay thật khó mà tưởng tượng. Và chỉ trong một phần nhỏ của một giây đồng hồ, một gã lái xe say rượu đã lấy đi tất cả những gì thân thiết nhất của đời cậu.

TG (The Buddhist Translation Group)

## THE DOLL AND THE ROSE

by *Benoit Nalin*

I was walking around in a Target store, when I saw a Cashier hand this little boy some money back.

The boy couldn't have been more than 5 or 6 years old. The Cashier said, "I'm sorry, but you don't have enough money to buy this doll."

Then the little boy turned to the old woman next to him: "Granny, are you sure I don't have enough money?"

The old lady replied: "You know that you don't have enough money to buy this doll, my dear."

Then she asked him to stay there for just 5 minutes while she went to look around. She left quickly.

The little boy was still holding the doll in his hand.

Finally, I walked toward him and I asked him who he wished to give this doll to.

"It's the doll that my sister loved most and wanted so much for Christmas. She was sure that Santa Claus would bring it to her."

I replied to him that maybe Santa Claus would bring it to her after all, and not to worry.

But he replied to me sadly. "No, Santa Claus can't bring it to her where she is now. I have to give the doll to my mommy so that she can give it to my sister when she goes there."

His eyes were so sad while saying this.

"My Sister has gone to be with God. Daddy says that Mommy is going to see God very soon too, so I thought that she could take the doll with her to give it to my sister."

My heart nearly stopped.

The little boy looked up at me and said: "I told Daddy to tell Mommy not to go yet. I need her to wait until I come back from the mall."

Then he showed me a very nice photo of him where he was laughing. He then told me: "I want Mommy to take my picture with her so she won't forget me. I love my Mommy and I wish she doesn't have to leave me, but Daddy says that she has to go to be with my little sister."

Then he looked again at the doll with sad eyes, very quietly. I quickly reached for my wallet and said to the boy. "Suppose we check again, just in case you do have enough money for the doll?"

"OK" he said, "I hope I do have enough." I added some of my money to his without him seeing and we started to count it. There was enough for the doll and even some spare money.

The little boy said: "Thank you God

for giving me enough money!"

Then he looked at me and added, "I asked last night before I went to sleep for God to make sure I had enough money to buy this doll, so that Mommy could give It to my sister. He heard me!"

"I also wanted to have enough money to buy a white rose for my Mommy, but I didn't dare to ask God for too much. But He gave me enough to buy the doll and a white rose."

"My Mommy loves white roses."

A few minutes later, the old lady returned and I left with my basket.

I finished my shopping in a totally different state from when I started. I couldn't get the little boy out of my mind.

Then I remembered a local newspaper article two days ago, which mentioned a drunk man in a truck, who hit a car occupied by a young woman and a little girl.

The little girl died right away, and the mother was left in a critical state. The family had to decide whether to pull the plug on the life-sustaining machine, because the young woman would not be able to recover from the coma.

Was this the family of the little boy?

Two days after this encounter with the little boy, I read in the newspaper that the young woman had passed away.

I couldn't stop myself as I bought a bunch of white roses and I went to the funeral home where the body of the young woman was exposed for people to see and make last wishes before her burial.

She was there, in her coffin, holding a beautiful white rose in her hand with the photo of the little boy and the doll placed over her chest.

I left the place, teary-eyed, feeling that my life had been changed forever... The love that the little boy had for his mother and his sister is still, to this day, hard to imagine. And in a fraction of a second, a drunk driver had taken all this away from him.





# ÔNG VUA QUÉT ĐƯỜNG

Hoàng Mai Đạt

(tiếp theo và hết)

Thế rồi dịp may cũng đến cho tôi được lên đường rời nghề báo mà không phải bán tâm đối với một nơi tôi từng khởi đầu nghề viết hai thập niên trước. Sau những vụ xử trước tòa tương đối thuận lợi cho tờ báo và bất lợi cho nhóm biểu tình, ban biên tập được củng cố khá hùng hậu với thêm các nhân sự trẻ từng một thời làm việc cho công ty. Trong kế hoạch mới của nhật báo, tôi cũng có một chức vụ "oai ra phết," ra ngoài quan nhậu cũng có thể "lấy le" với mấy em bưng bia. (Xin lỗi cho việc dùng mấy chữ xưa trước năm 1975. Thời gian đầu mới tị nạn ở Mỹ, tôi cũng quyết tâm muốn bảo tồn văn hóa mà lại kém kiến thức, nên chỉ biết bảo tồn mấy từ ngữ tào lao lượm ở ngoài đường mà không biết chúng xuất phát từ đâu ra. Sorry nha.)

Thế nhưng nghĩ tới việc phải sống hết đời còn lại với nghề báo, phải "đấu tranh" trong mỗi bữa họp, phải để cho bà mẹ trên bảy mươi tuổi phải săn sóc một đứa em đang sống với bệnh thể xác và chết với bệnh tâm thần, phải hy sinh thời giờ dành cho một người vợ mà ngày trước tôi thường "xin" được đi theo "cho vui" dù chỉ để mua mấy bó rau ở chợ, tôi thấy e ngại cho mục đích phụng sự tha nhân mà tôi từng vẽ ra trước đây. Đến lúc này dầu thương hay ghét tôi cũng phải buông bỏ công việc.

Khoảng một tháng trước ngày lã lẽ chia tay, tôi vẫn hòa mình với mọi người trong những buổi họp đầu tuần và giữa tuần, những bữa ăn đặc biệt chiều thứ Sáu, những "pha" đuổi theo tin chó kíp giờ lên báo, những "màn" siết lại tựa tin, chọn lại hình ảnh trước khi những trang báo được gửi đến nhà in. Sự việc giữ kín ý định từ giờ tờ báo không mấy khó. Trong tòa soạn với trên bốn-mười nhân viên mà tôi có thể làm việc chung dễ dàng với từng người, tôi lại không thật sự có một người bạn đủ gần để tin cậy về những điều sâu kín trong lòng. Nếu họ biết ý định và tìm cách níu lại, tôi khó lòng bước đi mà không nuôi tiếc. Nửa tháng trước ngày "ra khơi," tôi làm thủ tục xin nghỉ hè hai tuần. Như vậy mọi công việc liên hệ đến tôi đều được dàn xếp như không có tôi trong hai tuần vắng mặt, và sự tạm thời đó sẽ trở thành vĩnh viễn mà chỉ có mình tôi biết.

Tôi cũng khám phá sự nhẵn nại đến rất nhẹ nhàng trong mấy ngày chót. Biết mình sắp đi nơi khác, tôi không giận những ai buông lời chê trách, không hoài nghi trước những hành động đổi thay, vì thấy mọi thứ không đáng bận tâm một khi mình không còn ở đây nữa. (Không dè mấy tầng sĩ đã biết điều đó từ lâu, nên họ thường khuyên mọi người hãy giả dụ ngày mai mình sẽ chết, mình sắp đến một cõi khác, thì liệu những phiền toái của ngày hôm nay có còn đáng để mà lo âu?) La bỏ những thói quen xem ra khó hơn. Sau hơn một năm rưỡi làm ở Người Việt, tôi biết từng góc phòng bẽ bộn, quen mấy bức tường vô tâm, thân những chiếc bàn của thợ viết nằm san sát bên nhau trong một xưởng báo. Sự quen thuộc đã bắt đầu bám rễ, làm sao dám cắt đứt hẳn hoi để rời chưa biết mình sẽ đi đâu ngày mai? Cũng khó không kém là lời giải thích mà tôi phải trình bày sao cho thỏa đáng. Tôi đã đến một ngả ba mà sự nghiệp không thể nào sánh đôi với gia đình.

Ngày chót của tôi ở tờ báo là một ngày thứ Sáu nóng bức và cũng là ngày cuối cùng của tháng Bảy. Trời nắng cháy, tôi chọn một áo thun đen cũ và một chiếc quần jeans bạc. Đơn giản như ngày tôi đến, chắc hẳn thiếu sự trịnh trọng mặc dù đang ở một khúc quanh quyết định trong phần đời còn lại. Cũng nhân một ngày nóng, tôi đặt mua mấy chục cây cà-rem sau giờ ăn trưa, xong ôm thùng kem đi đến từng phòng mời mọi người ăn cho mát. Kem đậu xanh, đậu đỏ, dừa, sầu riêng, xin mời ăn cho vui. Tối ngạc nhiên khi thấy ai cũng hưởng ứng tận tình, có người "chơi" luôn hai cây kem thay vì một, mà não nhiệt nhất là mấy cô nhân viên trẻ. Biết rằng ngày mai và muôn vạn ngày sau mình không chắc có duyên gặp lại họ, tôi tận hưởng từng nét hân hoan, từng lời chọc ghẹo "coi bộ ôm thùng kem bán dạo có vẻ đắt khách hơn viết báo," những nụ cười mĩm thương trì kéo dằng sau lưng. Nếu ngày nào tờ báo cũng vui như vậy thì chắc tôi khó lòng dứt bỏ.

Chiều tối, công việc tắt bật như mọi chiều thứ Sáu. Đêm đến, chỉ còn mình tôi đi lại giữa những

phòng ốc được tắt gần hết đèn đóm, để lại một không gian rộng thênh thang và yên tĩnh vô cùng, không một tiếng động của máy hoặc của người. Vừa bước giữa một hành lang dẫn qua các phòng, tôi chợt nhớ một lần ánh sáng mờ ảo chỉ vừa đủ sáng để vạch một lối đi giữa một khối đen bủa vây trong một ngôi đền mà tôi từng vắng lai trong trí tưởng tượng. Ở ngôi đền đó tôi nhận ra mọi xôn xao của cuộc sống đều lắng xuống vào cuối ngày, như đám mây bụi từng bị đẩy lên bởi dục vọng và sau cùng cũng phải rơi xuống bởi chính gánh nặng của nó, để rồi trước mặt hiện ra một lối nhỏ dẫn tới một chánh điện ấm cúng giữa một nơi hoang dã. Ở tòa soạn này, tôi đi loang quanh giữa các phòng trong bóng đêm mà không tìm ra một con đường hướng tới chánh điện đó.

Sau mấy phút đi dạo một lần chót trong một nơi mà cuộc đời từng gắn bó trong hai-mươi tháng, tôi quay lại bàn làm việc ở góc phòng. Khác với những năm tháng làm việc ở đài phát thanh, bàn của tôi ở tòa soạn không có hình ảnh treo trên tường để mà gỡ xuống, chỉ có một mở giấy tờ với hộp trà và mấy phong kẹo chocolate cắt trong hộp kéo (ăn kẹo thay vì hút thuốc giúp tôi giảm stress), một xấp giấy công tác nằm trong ngăn treo trên vách. Mọi thứ đều được gom gọn vào một thùng giấy nhỏ, hoặc thả vào thùng rác, trong vòng năm phút. Tôi rời phòng với thùng giấy, cặp-táp và máy chụp ảnh. Trở ra phòng ngoài, tôi bấm số mật mã trên máy bảo động trước khi hết tắt hết những ngọn đèn và bước ra cửa. Cơn nóng bên ngoài đã dịu bớt, một đêm hè mát đang trở lại phố Bolsa. Cùng hướng gió biển đang thổi vào, tôi lái xe về nhà với ý muốn tắt hẳn một đời làm báo, buông thả mọi chuyện bay theo những luồng khí từ đại dương.

Đêm hôm ấy tôi viết xong một lá thư từ biệt báo Người Việt với lời giải thích chân tình nhất. Sáng hôm sau tôi gửi thư email đến tất cả những ai mà tôi có địa chỉ ở tòa soạn, đoán trước sự sửng sốt của mọi người. Chính tôi cũng không dè mình có thể ra đi như vậy. Dầu sao chẳng nữa thì tôi cũng chỉ rời một kỹ nữ đang được quá nhiều ông bồ và tình nhân chiều chuộng, chứ không phải bỏ một người vợ với đám con nheo nhóc chưa biết nương nhờ vào ai.

Trưa hôm đó tôi cũng đến thăm em trai, cắt mái tóc quá dài, nhầy nhờn và bừa bãi của em. Trong một thế giới bị cô lập bởi bệnh tâm thần, em tôi không cho một ai đến gần qua ánh mắt hoài nghi hung tợn và mùi hôi hám triền miên trên cơ thể. Nhờ thường thăm em trong thời gian em nằm ở dưỡng viện, tôi tạo được một tình thân để em không ngại khi tôi đến gần. Nếu tôi không cắt tóc, cạo râu cho em thì không một ai khác có thể làm được chuyện đó ở căn nhà em đang sống với mẹ tôi.

Rời một căn mobile home nóng bức sau khi giúp em có một mái tóc mới ngắn gọn mặc dù có vài chỗ lờm chớm vì tôi không quen tay, tôi chợt tin tưởng hơn ở quyết định bỏ nghề viết báo để có thời giờ dành cho gia đình. Tôi không muốn chạy theo những bản tin nóng bỏng nhất thời của cộng đồng, trong khi người thân bị bỏ mặc như một con thú giữa chợ. Tôi từng lớn lên trong một xóm chợ và đã thấy những cảnh khốn cùng mà lòng nhân không thể làm ngơ. Một cuộc sống có ý nghĩa nhất là sống cho tha nhân. Nay tôi nhận thấy xoa dịu nỗi khổ đau ở những người thân có lẽ còn khó hơn làm phúc cho những kẻ ở xa. Bỏ rời họ để tìm hạnh phúc cho riêng mình càng là điều mà tôi không muốn làm.

Tôi ngưng viết báo được một tháng, vừa đủ để chợ trí óc được thư thái, sắp xếp lại những gì tôi có thể làm cho những người chung quanh, xong trở lại nghề viết để kiếm sống. Lần này tôi viết tin cho người ta đọc trên đài truyền hình thay vì đài phát thanh. Nam California đang có trên một chục đài Việt ngữ, nổ rộ như thời ra báo nhiều năm trước. Công việc ở Little Saigon Television đòi hỏi gấp đôi lượng tin so với đài phát thanh, đọc vào mỗi buổi trưa và buổi chiều trong tuần. Tôi cố gắng thức dậy từ 5 giờ sáng, xuống nhà làm việc trong một góc garage từ lúc 6 giờ kéo dài đến 5 giờ chiều, nghỉ chừng một tiếng đồng hồ dành cho việc ăn trưa và vệ sinh. Có lúc làm việc không khác gì mấy công nhân lao động trong những xưởng may lậu, ngồi dính chặt bên cạnh máy viết, chăm chỉ vì hoàn cảnh chứ không phải vì mong được như vậy.

Được cái mỗi ngày xong tin là hết chuyện, xóa bảng, mai soạn tin mới, không bị nghe điện thoại sau giờ làm việc như trong những ngày làm báo, cũng không cần dự phiên họp mỗi tuần để phải lo chuyện vây cánh, đấu tranh, nói nhiều, nói ít, càng không dính đến xóm nhà báo không bao giờ thiếu chuyện để cãi cọ, đâm chích nhau. Điều kiện làm việc giữa đài và tôi cũng dễ hiểu, cứ "cháo múc" xong thì "tiền trao" vào đầu tháng và giữa tháng. Nếu cần chấm dứt mối quan hệ, một cú phone hoặc một thư email là đủ, đường ai nấy đi vào bất cứ lúc nào.

Tuy lao tâm quần quật, đầu óc mệt lả, mắt cay vào cuối ngày, tôi cũng có được hai ngày nghỉ cuối tuần quý báu để lo cho người nhà, chưa kể những buổi chiều ghé thăm mẹ và mỗi buổi sáng thứ Bảy đưa em đi học. Dần dà tôi nhận ra sự việc còn có một tâm lòng muốn giúp người khác là điều hạnh phúc nhất trong đời. Bạn có trải qua kinh nghiệm đó thì mới hiểu được điều tôi muốn nói.

Cũng từ lúc làm việc ở nhà, tôi lại bị ý tưởng "Ông Vua Quét Đường" ám ảnh nặng nề hơn, không cho tôi được quên một món nợ với chữ nghĩa. Có lúc nó "vật" tôi suốt ngày, suốt đêm, khiến tôi phải "méc" cho vợ biết. Cũng đi nó lại hân hoan. Nàng không hiểu "Ông Vua Quét Đường" là cái giống gì mà có thể khiến cho tôi phải nổi lăm bầm như người điên, "Anh sẽ ráng viết một bài với cái tựa ấy."

Suốt mấy tháng vật vã với bài viết trong những giờ rảnh rang hiếm quý, tôi thường nghe vợ chọc, "Sao thấy anh quét hoài mà chưa xong bài?"

Tôi không hiểu tại sao "Ông Vua Quét Đường" lại đeo tôi dữ đến như vậy, thúc đẩy tôi phải ráng ngồi dậy, dùng "tàn lực" để khơi lại nguồn hứng khởi gần như đã tắt ngúm sau một đêm lừa trại rộn ràng tiếng đàn lời hát. Suy ngẫm riết rồi tôi cũng đoán ra, không biết có đúng hay không. "Ông Vua Quét Đường" bao hàm ý nghĩa đổi thay trong cuộc sống, từ một ông vua xuống một kẻ quét đường, vô thường như trong kinh sách nhà Phật. Tôi bị vướng mắc với ý tưởng đó một phần vì đời tôi đang có nhiều biến chuyển từ sự nghiệp, gia đình, thể xác ở bên ngoài cho đến nội tâm ở bên trong. Tôi chắc chắn không là một "ông vua," nhưng hình như trong mỗi người đã có sẵn một ông vua và một kẻ quét đường, đổi chỗ cho nhau như kiếp người cứ phải bay lên rồi lại rơi xuống trong một trái bóng pha lê, bay rất liên tục.

Mỗi cơn động đất trong cuộc đời lại đẩy tôi ra khỏi một lối sống quen thuộc, được gầy dựng lại với một tâm tư mới. Ban đầu tôi còn quay lại, cố bám víu một chút tàn dư của quá khứ, xong phải bỏ dần vì mỗi lần nhìn lại tôi vẫn cảm thấy có một nỗi buồn khôn tả. Buồn vì biết mình không thể nào sống lại trong quá khứ, mà muốn đi tới thì phải xa lìa những tập quán cũ, xa lìa những gẽ mĩ mệnh từng cho tôi nguồn vui trong cuộc sống, kể cả bạn bè vớ những bữa nhậu, chức vụ và tiền tài, sáng tác và danh vọng. Sống với những tập quán cũ chỉ đưa tôi về quá khứ, lại bay rất triền miên trong một trái cầu trong suốt và bí kín.

Muốn cắt lìa hết những dấu vết của năm xưa cũng không hẳn dễ. Mỗi buổi sáng tôi vẫn mặc chiếc áo "hood" màu xanh mà nay đã phai màu để chạy bộ ra công viên. Trùm chiếc áo trên người, tôi không thể quên những bước cuối cùng trong hành lang của đài phát thanh năm xưa. Sáng nào cũng vậy, khoác chiếc áo lên lại nhớ bức tường với mấy tấm ảnh, hoặc chiếc bàn nằm khuất trong xô. Mấy tuần trước đây, nhân dịp lái xe ngang địa điểm của đài cũ, tôi không cưỡng được nỗi nhớ, đành vòng xe ở ngã tư đường Brookhurst để trở lại góc Margo. Chiều hôm ấy bãi đậu xe vắng tanh. Đài phát thanh đã dời đến một địa điểm khác, xa khu phố Bolsa. Thoáng thấy khoảng đất hẹp bên cạnh tòa nhà, tôi chợt nhớ gốc cây olive và muốn "thăm" nó. Khu đất vẫn yên tĩnh, kín đáo và mát như thuở nào. Riêng cây olive đã chết khô, bị đốn xuống thấp chỉ còn trơ gốc với ba thân cây trụi trụi, bằng phẳng. Tôi ngồi bên cạnh gốc cây trong mấy phút, hồi tưởng những khoảng khắc mà chúng tôi đã từng chia sẻ. Nó là cây olive độc nhất trong khu văn phòng này, và cũng là cây duy nhất bị khô héo. Mặc dù cây đã mất hết sự sống, không còn lớp vỏ sần sùi với những nhánh đậm chia lờm chớm, tôi vẫn có cảm tưởng gốc cây đã chờ ngày tôi trở lại trước khi tan rã theo bụi trần.

Một buổi chiều khác tôi đã cắt cỏ, tưới cây ở sân sau nhà. Như mọi lần, tôi kết thúc công tác của gã-đàn-ông-lớn-tuổi-nhất-trong-nhà với cây chổi quét lá trên sân gạch dưới gốc cây mận. Cây này sung sức, khỏe như trai mới lớn, cành lá mọc um tùm chỉ sau mấy tháng không tia, ngày nào cũng có lá hoặc nhánh bông rơi rụng xuống một góc sân. Từ





# DỄ THƯƠNG DỄ GHÉT

Chiêu Hoàng

ngày đọc tập truyện ngắn trong cuốn "Thiên Thần Quét Lá" của nhà văn Vĩnh Hào vào mùa xuân vừa qua, tôi thương vô cùng mấy chú tiểu, những vị thầy của một đời tu và nhất là không còn hấp tấp với "tiết mục" quét lá mạn như ngày trước. Truyện ngắn "Người Quét Chợ" có một đoạn khiến tôi rung cảm, nhớ lại những lúc từng nhìn lên tường để quên những chuyện eo sèo ở chung quanh:

"Thầy tập trung tâm mình vào từng động tác quét, lắng nghe tiếng chổi khua nhẹ trên đất, nhìn ngọn chổi vờn trên cỏ rác... không phút giây nào mà không lắng lòng vào việc quét. Đến độ, thầy với cây chổi chỉ là một. Vì vậy, âm thanh nào loạn của chợ búa không ảnh hưởng, không tổn hại gì đến tự tâm thanh tịnh của thầy."

Phải chi tôi có thể quét chợ được như thầy. Ngày xưa, xưa thật là xưa, sau mỗi lần cắt cỏ sau nhà, tôi muốn quét lá thật nhanh để còn có thời giờ ngồi ngoài sân nhâm nhi mấy chai bia trước khi vào nhà trình diện với vợ. Có lúc tôi mua máy thổi điện về thổi ào ào một khoảng sân bé tí tẹo, dồn hết lá vào một góc và hốt "nhanh, gọn" vào thùng rác. Đạo này, tôi thường quét lá chậm rãi hơn, tưởng tượng mỗi chiếc lá là một ý tưởng xấu, một lời nói bậy, một tội lỗi mình đã gây ra cho người khác trong quá khứ. Quét sạch sân nhà quét sạch tâm hồn, chuộc lại những lỗi lầm u mê. Ngày nào còn mở miệng thì còn nói bậy, và ngày ấy còn cả khối lá rụng để mà quét. Thế nên mỗi lần cầm lên cây chổi, tôi tự nhắc mình hãy tránh làm những điều hại người khác, cho dù điều đó chỉ là những ý tưởng vẩn vơ ở trong đầu.

Một bữa kia đang quét lá "vẩn vơ" như vậy, tôi chợt nhớ đến "Ông Vua Quét Đường" và tin rằng mình đã nghĩ sai lầm về ông ấy. Ngày ông mới đến trong đầu, tôi tưởng ông là một kẻ thất chí, buồn bã trước cảnh đổi đời, nay thân phận chỉ còn là một kẻ quét đường vào mỗi buổi sáng tinh sương. Thật ra không chắc đúng như vậy. Biết đâu ông vua ấy đang vui, đang quét sạch tội lỗi trên những con đường mà ông từng gây ra những đau thương cho người khác. Tâm cảnh tôi đã thay đổi, nên giờ đây tôi thấy có một vị vua đang tung tăng cầm chổi, vừa quét vừa múa hát như biết mình đang làm một công việc hữu ích nhất trong đời.

"Quét xong chưa mà mặt vui vậy?" vợ hỏi với ánh mắt hoài nghi trong lúc nhìn tôi đang cầm chổi múa ngoài sân.

"Đạ thưa em, anh quét xong rồi," tôi toe miệng cười, biết rằng nàng không hiểu ý tôi muốn nói là tôi đã viết xong bài "Ông Vua Quét Đường."

Westminster, July 31, 2010.

Theo chị, mỗi một người chúng ta đều có những điểm dễ thương và dễ ghét, nhất là tùy theo những hành động của mình đối với người chung quanh để người khác có thể nhìn ta theo khía cạnh ấy. Nhưng cũng có nhiều trường hợp cái dễ thương, dễ ghét lại xảy ra một cách rất ngoại lệ. Chẳng biết đâu mà mào...

Đối với chị. Anh là một người rất dễ thương. Một Phật tử thuần thành, tu tập một cách nghiêm túc. Ngoài kiến thức Phật giáo khá quảng bác, anh lại còn làm được nhiều chuyện khác như có thể là một kẻ thợ nề, thợ mộc, người sửa xe, sửa computer, viết văn, làm thơ, dịch thuật v.v... Anh sẵn sàng chia sẻ những kiến thức của mình cho tất cả mọi người, không đầu điểm. Vậy đó, mà chẳng hiểu sao có một số Phật tử trong chùa chẳng thích anh, nhìn cái mặt của anh (khỏi cần nói chuyện chi) đã **thấy ghét** rồi!

Quả thực, họ ghét anh lắm! Thì cũng dễ hiểu thôi, anh trực tính, lại không thích làm chuyện cong queo. Tuy anh chẳng bao giờ nói xấu ai, nhưng họ vẫn cứ ghét, vì lỗi làm việc của anh khác họ. Họ chê anh thẳng tính, không.. biết nịnh dăm, có chi nói này, lại không la cà trong chùa nói chuyện thị phi, họ chê anh cục mịch, quê mùa, thô lỗ v.v... Mà thiệt! Đạo này anh làm việc tay chân sửa chữa cho chùa nhiều quá nên trông anh rất đơ con, cộng thêm cái đầu nhọn thính, đôi mắt lộ, sáng quắc. Có người yếu bóng vía, nhất là lại thích nói xấu anh sau lưng nên không dám nhìn thẳng mặt, gặp trước cửa chùa thì lo nhui ra sau chùa, gặp phía sau thì chạy vòng ra phía trước. Thế đó, họ kèn anh như thế nhưng vẫn cứ ghét, nhất là trong ban điều hành có nhiều người ghét anh tới độ chỉ mong cho anh chẳng bao giờ tới chùa nữa, để cho họ "yên thân"... thao túng trong chùa. Thực tình họ không tìm ra được ở anh có một điểm nhỏ nào - dù chỉ một hào ly - dễ thương, vì có cố du di cách mấy, cố cố lấy anh làm đối tượng để tu tâm từ nhưng cũng chẳng xong. Họ có thể có *compassion* với bất cứ ai, **ngoại-trừ-cái-thẳng-cha-dễ-ghét-đó**.

Anh dễ ghétttttt... quá chừng! Tựa như trời sinh anh ra chỉ để làm một nhân vật cục dễ ghét và là một kỳ-đà-càn-mũi trước mắt họ vậy. Một vài người, ghét anh quá bèn dựng chuyện đi nói xấu anh với thầy trụ trì. Chuyện đến tai anh, Anh chẳng cần! Lại càng khỏi cần phải thanh minh, phân trần với ai, ngay cả với thầy trụ trì. Hỏi. Sao không đi giải thích với thầy? Đáp. Thầy không hỏi thì không nói, không cần giải thích. Thái độ bất cần (như một hành động khiêu khích) đó lại càng cho nhiều người gai mắt và ghét anh thêm.

Có một đôi lần chị mon men đến làm quen. Đối xử tốt với anh và lần la hỏi chuyện. Hỏi thì anh nói, nhưng cũng chẳng tỏ một thái độ muốn phe đảng. Anh ghét phe đảng. Hình như anh sinh ra chỉ để tu tập, còn những chuyện thị phi thì anh chẳng cần...

Một lần lên chùa tình cờ gặp anh, chị ăm ớ hỏi một vài câu hỏi về Phật pháp, anh vui vẻ trả lời,

nhưng nghe xong chị ngẩn người ra. Nhìn khuôn mặt (khớ khạo) của chị - tựa như một người vừa rớt từ một hành tinh nào đó - Anh kiên nhẫn giải thích thêm lần nữa, lại một lần nữa... Nhưng mặt chị cứ thộn ra. Câu tiết, anh cao giọng: "Từ nãy giờ tôi đã giải thích nhiều lần rồi mà chị vẫn chưa hiểu ư?" Tiếng nói của anh khá lớn, dĩ nhiên chị cảm thấy què với những người chung quanh và... sùng anh lắm! Chị cứ khe khẽ: "Anh làm cái gì mà phải gắt to lên thế?" Nói rồi, chị ngúng quẩy bỏ đi.

Chị âm thầm giận anh mấy ngày. Lên chùa, thấy cái mặt dễ ghét của anh chị lờ đi, không thêm nhìn. Anh cũng chẳng buồn quan tâm, giá chị có giận anh cả...ngàn kiếp chắc cũng chẳng sao. Chị ôm "mối hận" đó vào trong những thời thiền quán, phân tích, mổ xẻ... Dần dần, chị thấy chính mình mới là người vô lý. Người ta đã có lòng tốt trả lời những khúc mắc cho mình, nhưng mình lại làm cho họ tức giận về sự "chậm hiểu" thì người ta gắt lên là phải, có gì mà phải giận? Què ư? Mặt mặt với những người trong chùa ư? Quả là chị quá quan tâm đến những gì người khác nghĩ về mình, quả là chị đang nuôi dưỡng cái Ngã trong chị thêm lớn. Chà! Chị quả là ngu si không biết gì hết, anh gắt với chị cũng chính là một bài học để chị diệt bớt đi cái ngã...

Vì những suy tư ấy, chị cảm thấy mình...kỳ quá. Lại nữa, không nói chuyện với anh thì chị lại buồn, vì đôi khi có những câu hỏi khó trong đầu mà không nghĩ ra được câu trả lời thì lấy ai nói cho chị nghe? Cuối cùng chị "cho phép" mình giận anh khoảng... một tuần lễ rồi thôi. Giận nhiều cũng mệt lắm. Nó như đóng thành một khối nặng như chì trong tâm. Bằng mọi giá, chị phải tiêu hủy nó ngay lập tức!

Một hôm kia, thầy lái xe loạng quạng sao đó bị đụng vào cột đèn, xe hư hại nặng. Thầy không bị đau nhưng bị đập cái lỗ mũi, chẳng biết làm thế nào mà chớp mũi thầy đồ choé như bôi son, thầy mang cái chớp mũi đó như con *reindeer* đi tới, đi lui trong chùa, trông thật mắc cười! Một vài Phật tử thì thảo khảo nhau rằng, đụng xe nặng như vậy mà thân thể không bị đau đớn thì chỉ có Hộ Pháp gia hộ cho thầy thôi...

Một ngày trời nắng. Chị lên chùa. Gặp anh đang loay hoay sửa cái xe cà tàng cho thầy. Chị nên hết tự ái mon men đến làm quen, tưởng chừng như việc đó khó làm như... giặt sập trời vậy. Ấy thế mà sao việc xảy ra dễ quá chừng. Hình như anh chẳng còn nhớ rằng anh chính là nguyên nhân làm cho chị giận, mà hình như anh cũng chẳng biết chị giận anh từ mấy ngày nay và càng hình như chẳng biết rằng anh đã được chị khởi tâm "tha thứ" cho anh rồi. Thái độ của anh rất bình thường, anh nhìn chị nhoeén miệng cười. Cái cười của anh làm cho khoảng không gian trong sân chùa sáng thêm lên. Chị nhìn lên trời nắng, ngỡ rằng, một đám mây vừa rời khỏi mặt trời nên khung cảnh mới sáng lên đến thế...

Hình ảnh nụ cười lung linh trong buổi sáng nắng ấm làm chị lại khởi tâm nghĩ rằng. Chắc một đôi khi anh cũng... đáng ghét (một cách...bất ngờ) thật, nhưng trên mọi thứ, chị vẫn luôn nghĩ anh dễ thương.

Nghiêng tâm suy nghĩ, có thể mình chủ quan quá chăng khi nhìn anh qua một lăng kính màu hồng như thế?





# CÁC BUỒI LỄ QUAN TRỌNG TỔ CHỨC TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA TRONG LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI (TỪ NGÀY 23 ĐẾN 31 THÁNG 10, 2010)

## Tưởng niệm Tổ sư Thiệt Diệu-Liễu Quán Lúc 4 giờ chiều Thứ Bảy, ngày 23 tháng 10 năm 2010

Tổ sư Thiệt Diệu-Liễu Quán vào đời bằng hạnh nguyện của một vị Bồ Tát và đã già từ cuộc đời bằng cách an nhiên tự tại. Công đức và phẩm hạnh thật là trọn vẹn:

*Dòng Thiền lâm Tể vẫn hằng soi  
Giới hạnh nêu cao chốn tổ đường  
Độ tận chúng sanh bao nghiệp chướng  
Hóa duyên dĩ tất vạn nẻo đường*

Hôm nay, tưởng niệm ngày húy kỵ của Tổ Sư Thiệt Diệu Liễu Quán trên mảnh đất tha hương là chúng ta ôn lại công hạnh "Tác Như lai sứ, hành Như Lai sự" của Ngài, để khắc cốt ghi tâm và nguyện mãi mãi xứng danh là cháu con của một vị đức truyền Tổ đạo Việt Nam, "đạo hạnh cao khiết, đức nhân nan suy, hiệu đạo trọn đường, pháp lưu sơn thủy".

Ngày nay, bóng hình Ngài tuy không còn nữa nhưng đạo phong trác tuyệt xuất thế của Ngài đã nhuận đượm khắp cả khoảng thời gian vô cùng và không gian vô tận. Ân triêm ấy Ngài là cả một gia tài quý báu.

*"Phú Yên Thánh địa sanh Nhân kiệt  
Bạc Má, Đồng Xuân, Tổ hiện thân  
Truyền thừa Lâm Tể Tam Thập Ngũ  
Tổ An Việt Nam Nhất Tông Chi"*

Ngưỡng kính Giác linh Ngài phò trì gia bị cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ trong sự nghiệp hoằng pháp độ sinh gặp nhiều thăng duyên và riêng chùa Bát Nhã trong Phật sự Trung hưng Tam Bảo sớm được thành tựu viên mãn.

Nam mô Lâm Tể Chánh tông tam thập ngũ thế, húy thượng Thiệt hạ Diệu, hiệu Liễu Quán Tổ sư tác đại chứng minh

## Kỷ Niệm Khánh Vía Bồ Tát Quán Thế Âm Lúc 7 giờ tối Thứ Ba, ngày 26 tháng 10 năm 2010

Đạo Phật là đạo Từ Bi, Cứu Khổ mà hình ảnh cứu khổ tiêu biểu nhất chính là Bồ tát Quán Thế Âm. Với hạnh nguyện Lăng Nghe và Tâm Thanh Cứu khổ, Ngài đã trở thành biểu tượng bất diệt trong tâm khảm của mọi chúng sanh. Khi niệm danh hiệu Ngài, chúng ta cảm thấy được bình an, được cảm thông và không còn sợ hãi.

Hình ảnh cao đẹp của Bồ Tát Quán Thế Âm có thể tìm thấy ngay trong cuộc sống này, ở nơi các bà mẹ hiền thương con vô bờ bến, không bao giờ giận hờn con, không bao giờ làm con khổ mà chỉ biết lo cho con. Thật tuyệt vời làm sao! Bối:

*Nu cười mẹ, nu cười thơ  
Bàn tay mẹ một đường tơ vô cùng  
Con nghe trong ý tơ rung  
Mệnh mang tình mẹ nghìn trùng đại bi.*

Bồ Tát Quán Thế Âm tay nâng tịnh bình, với giọt nước cành dương tan biến mọi oán hận khổ đau của con người, giúp con người thăng hoa đời sống tâm linh để tìm về với suối nguồn yêu thương và giải thoát như lời kệ trong kinh Phổ Môn:

*Quán Âm sức trí diệu  
Hay cứu khổ thế gian  
Đầy đủ sức thần thông  
Rộng tu trí phương tiện  
Các cõi nước mười phương  
Không cõi nào chẳng hiện  
Các loài trong đường dữ  
Địa ngục, quý súc sanh  
Sanh, già, bệnh, chết, khổ  
Lần đều khiến dứt hết...*

Kỷ Niệm ngày khánh vía Bồ Tát Quán Thế Âm

với ý nghĩa:

1. Cầm niệm Ân Đức Cứu Khổ của Mẹ Hiền Quán Âm trong những cảnh đời nguy khốn.
2. Cầu nguyện Tự Do Hạnh Phúc cho dân tộc, Hòa Bình cho thế giới và Niềm An Lạc cho muôn loài, nhất là trong hoàn cảnh hận thù bạo động, khủng bố và chiến tranh đang là hiểm họa của loài người hiện nay.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

## Lễ Hội Hoa Đăng

Trong dịp đại lễ thành kính Cung Nghinh Phật Ngọc có ba Lễ hội Hoa Đăng được diễn ra lúc 8 giờ tối:

- Hội Hoa Đăng Kỷ Niệm 15 năm thành lập chùa Bát Nhã & Tưởng niệm các Anh linh chiến sĩ vị quốc vong thân, đồng bào tử nạn trên đường đi tìm tự do **(23/10/2010)**
- Hội Hoa Đăng Kỷ Niệm ngày khánh vía Bồ Tát Quán Thế Âm & Cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc **(26/10/2010)**
- Hội Hoa Đăng Cung tiễn Phật Ngọc & Cầu An, Cầu Siêu **(30/10/10)**

Chúng ta phước báu tròn đủ có được thân người, hân hoan chung sức, chung lòng làm nên lễ hội. Trên tay chúng ta có đèn cúng Phật, cảm thương những kẻ bơ vơ thần thức phiêu lãng nhiều đời. Một ngọn đèn trên tay vận hết tâm thành trên cúng dường chư Phật mười phương và Thánh chúng; dưới vận từ bi tâm bao la vô ngại, hướng về tất cả hượng linh, vong linh cô hồn liệt vị, nguyện rằng ánh sáng này sẽ soi tỏ nẻo chánh để quy y. Nguyên rằng hơi ấm này sẽ xoa dịu sự bơ vơ, lạnh lẽo nơi chốn mê đồ. Đèn hoa đã sẵn kết, quý Thầy Cô, quý Phật tử hãy nhất tâm, thượng hướng Phật đà, hạ hướng những chúng sanh khổ đau để chia sẻ thiện pháp cúng dường hoa đăng!

*Hỡi những anh linh chiến sỹ  
Hỡi những tử nạn đồng bào  
Hỡi những oan hồn uổng tử...*

Tất cả hương linh đều được bình đẳng trong Lễ hội Hoa Đăng. Mỗi vị một ngọn đèn cúng dường chư Phật để chuyển hóa mê tâm, chuyển hóa nghiệp thức mà thác sanh về cảnh giới an vui, hoặc về nơi ao sen của Tây phương cực lạc. Được như thế, bao nhiêu công sức, tâm lực của chư Tăng và Phật tử mười phương không luống uổng. Được như thế, xóm làng có giấc ngủ an lành, âu đó cũng là ước nguyện của chư tôn Hòa thượng chứng minh lễ hội, ước nguyện của Tăng ni Phật tử gần xa... Lời thì ngắn, mà tâm ý mệnh mông. Giữa đêm Đông thiêng liêng mặt nhòa lệ cảm thương người bơ vơ cô quạnh. Xin chúng tri tấm lòng thành kính trên báo đáp ơn Phật dưới cứu khổ ba đường của toàn thể Tăng ni và Phật tử ở đây, cũng như Tăng ni và Phật tử phương xa hiển cúng tịnh tài cúng dâng lễ hội.

## Mượn

*Ta mượn những giọt sương  
Mong manh trên phiến lá  
Soi một lẽ vô thường  
Thấy rộng cả thiên thu*

*Xin mượn một lời ru  
Váy ta thời hoang dã  
Theo dòng thơ cội đá  
Bồng bềnh trên phím ngà*

*Mượn người một làn da  
Cấy vào xương thịt đỏ  
Nghe tim người ú ớ  
Trên bờ môi tử thi*

*Ta dành một làn hơi  
Thổi xuân xanh lên tóc  
Giăng rối đời ô trọc  
Giọng cười ngà nghiêng thêm*

*Mượn đây không gian êm  
Thềm trắng ai bỏ ngõ  
Dấu chân xưa còn đó  
Mệnh mang một cõi thiên*

*Mượn người một mặt trời  
Đem về đời gột rửa  
Để ta làm hạt muối  
Suốt nghìn năm rong chơi.*



## Cơn mưa

*Em như cánh cửa tim bỏ ngõ  
Để gió xô về lồng lộng với trăng sao*

*Chiều nay ngoài kia có cơn mưa rào  
Tưới mát những hạt giống sống còn sau mùa mưa bão  
Những cơn bão ủa vào mảnh đất tâm  
Làm ngón ngang  
hoang dại em*

*Nước mưa đọng trên hiên trôi thành dòng quá khứ  
Em không ngây thơ như ngày nào lấy gáo dừa  
tắm mình ướt sũng nổi nhọc nhằn ngày trước  
Hay thắt giầy thả thuyền chèo ngược niềm đau*

*Ồi, giọt nước mắt ngày xưa hóa thân thành trận mưa rào  
Cũng lấp lánh như ngôi sao em của nghìn năm sau nữa*

*Em một mình dưới cơn mưa ngoài phố  
Như chú đế non rí rả một mình khúc hoan ca  
bên liếp cửa gỗ mục thối đất  
Như cánh cửa tim bỏ ngõ  
Để gió thổi về lồng lộng với trăng sao.*

## VÕ QUỲNH UYÊN





## Diệu Âm lược dịch

### Úc Đại Lợi: Công trình xây dựng ngôi đền Phật giáo tại Sellicks Hill được địa phương ủng hộ

Các kế hoạch xây ngôi đền Phật giáo tại Sellicks Hill (ở thành phố Adelaide, bang Nam Úc) đã được ngành du lịch và các nhóm cộng đồng địa phương ủng hộ. Họ nói nó sẽ thu hút cư dân từ khắp thế giới. Báo cáo về công trình xây dựng Đền Nam Hải Phổ Đà rộng 55 hecta trên đường Catus Canyon này đã được công bố vào đầu tháng 10-2010, nêu chi tiết tác động về văn hoá, môi trường và kinh tế của dự án. Công trình sẽ gồm một ngôi chùa cao 35 m, một tượng Phật bằng đồng cao 18 m, một ngôi đền và các khu vườn Trung quốc.

Phát ngôn viên Lee Chew của Hội Nam Hải Phổ Đà Tự của Úc Đại Lợi nói rằng ngôi đền sẽ là một tài sản cộng đồng và được sử dụng cho các mục đích giáo dục, du lịch, xã hội và tôn giáo.

Ông Chew nói, "Nó sẽ là một trung tâm giáo dục, nơi trẻ em và người lớn có thể đến học về văn hoá Trung quốc và thực hành Phật giáo. Nó sẽ là một điểm thu hút du lịch và là một sự bổ sung cho vùng làm rượu vang Mc Laren Vale ở gần đó".

(Southern Times Messenger - October 5, 2010)

### HOA KỲ: Chuyến thăm Nam Florida vào cuối tháng 10 của Đức Đạt Lai Lạt Ma

Những chi tiết mới về chuyến thăm Nam Florida của Đức Đạt Lai Lạt Ma vào cuối tháng 10 này đã được thông báo:

Sáng ngày 26-10 tại Đền Do Thái Emanu-El trên Bãi biển Miami, Ngài sẽ thuyết giảng về "Tâm quan trọng của các Tôn giáo Thế giới". Sự kiện này chỉ dành cho khách mời, và vé được phân phối qua các tổ chức tài trợ - bao gồm ngôi đền Emanu-El, trường Đại học Quốc tế Florida, trường Đại học Florida Memorial và trường Đại học Miami. Buổi thuyết giảng có sự tham gia của các vị đại diện của Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Đạo giáo và đạo Jain.

Vào chiều ngày 26-10, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ thuyết trình về "Đi tìm Hạnh phúc trong Thời đại đầy thử thách" tại Trung tâm Bank United ở Coral Gables. Sự kiện này dành cho sinh viên, giảng viên và nhân viên và khách mời của trường Đại học Miami.

(Miami Herald.com - October 7, 2010)

### MÃ LAI: Khoá học về Phật Vi diệu pháp (Buddha Abhidhamma)

Kuching, Sarawak - Một khoá học 10 ngày về "Bản chất của Đức Phật" sẽ được tổ chức tại Trung tâm Phật Pháp Vi Thế Da ở khu Kuching (thành phố cảng Sarawak, Mã Lai). Khoá học ngắn này là lý tưởng đối với các tín đồ Phật giáo, vì họ sẽ đạt được tuệ trí về các nguyên tắc và luật lệ của tự nhiên vốn giải thích đầy đủ mọi hiện tượng thế chất và tinh thần trên đời.

Giảng viên của khoá học này là Tiến sĩ Mehm Tin Mon, một cựu Giáo sư Hoá học đến từ Miến Điện.

Tiến sĩ Tin Mon có kiến thức uyên thâm về giáo lý của Đức Phật, vì vậy việc đem lời dạy sâu sắc của Phật Vi diệu pháp đến với các tín đồ là một nhiệm vụ dễ dàng đối với ông. Thực tế ông đã từng thực hiện khoá

học Vi diệu pháp trong nhiều năm tại vùng này, bao gồm cả Mã Lai và Tân Gia Ba. Ông là tác giả của trên 30 cuốn sách về giáo dục và Phật giáo, và được bổ nhiệm làm cố vấn của Bộ Tôn giáo Miến Điện từ ngày 01-8- 1993 đến nay.

(Urban Dharma - October 8, 2010)

### ẤN ĐỘ: Khai quật tượng Phật 1.800 năm tuổi

Hyderabad, Ấn Độ - Sở Khảo cổ bang Hyderabad đã tìm thấy một tượng Đức Phật Tổ bằng đá vôi có niên đại ít nhất là 1.800 năm. "Đây là một phát hiện tình cờ," trưởng khoa khảo cổ và bảo tàng là Giáo sư P.Chenna Reddy nói. Pho tượng đá vôi này thuộc thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên, được tìm thấy khi những người lao động đang cày các cánh đồng tại làng Chada ở Atmakur, huyện Nalgonda. Ngoài pho tượng, người ta còn khai quật được những bức điêu khắc Phật giáo và một số viên gạch lờn.

Giáo sư Reddy nói rằng các phát hiện này cho thấy sự tồn tại của một di tích Phật giáo mới tại vùng Telangana. Đây là bằng chứng thêm vào cho nhóm di tích Phật giáo ở quận Nalgonda - tất cả đều toạ lạc trên 2 bờ sông Bikkeru. Quận Nalgonda cũng gắn liền với các di tích Phật giáo nổi tiếng ở bờ phía đông như Yeleswaram và Nagarjunakonda.

(Deccan Chronicle - October 8, 2010)

Tượng Phật 1.800 năm tuổi được khai quật tại Nalgonda, Ấn Độ  
Photo: Deccan Chronicle

### NHẬT BẢN: Thành phố Nara mừng kỷ niệm 1.300 năm

Ngày 08-10-2010, thành phố Nara đã mừng lễ kỷ niệm 1.300 năm với sự hiện diện của Nhật hoàng Akihito, Công chúa Michiko và khoảng 1.700 khách mời, gồm cả đại diện của gần 50 chính phủ ngoại quốc. Lễ được tổ chức bên ngoài cung điện Daigokuden ở di tích cổ đô Heijo-Kyo (nay là thành phố Nara), cách thủ đô Tokyo 380 km về phía tây.



Như du khách có thể thấy trên khắp thành phố, Nara đã đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo - vốn được hoàng đế thời đó là Shomu sùng bái. Tại trung tâm thành phố có Tượng Phật Lớn của Nara, được tôn trí vào năm 752 trong khuôn viên của ngôi đền Todaiji.

Nhân lễ kỷ niệm năm thứ 1.300, các quan chức chính quyền địa phương và các trường ngành kinh doanh đã nhiệt tình quảng bá hình ảnh của thành phố Nara để thu hút thêm du khách.

(Deutsche Presse-Agentur - October 8, 2010)

Tượng Phật Lớn ở Đền Todaiji, thành phố Nara (Nhật Bản) - Photo; Wikipedia

TRUNG QUỐC: Phục hồi ngôi đền Phật giáo tại khu vườn hoàng gia Bắc Kinh, Trung quốc - Một ngôi đền

Phật giáo - là tổ hợp xây dựng cổ duy nhất còn lại tại Cổ Hạ Cung (còn gọi là Viên Minh Viên hoặc Ngự Viên) của Bắc Kinh - đã được phục hồi và sẽ mở cửa cho khách tham quan trước cuối năm nay.

Đền Zheng Jue này được xây vào năm 1773, làm nơi thờ phụng chính của các vị hoàng đế nhà Mãn Thanh (1644 - 1911).

Nó bị hư hại nghiêm trọng vào năm 1860, khi quân Anh và Pháp cướp phá Viên Minh Viên.

Việc phục hồi ngôi đền bắt đầu vào



năm 2002, với chi phí khoảng 45 triệu Nhân dân tệ. Công trình kiến trúc này chiếm gần 27.000 mét vuông.

(Xinhua - October 9, 2010)



Đình Wen Shu được xây lại của đền Zheng Jue - Photo: Xinhua

### HÀN QUỐC: Viện Bảo tàng Quốc gia triển lãm các kiệt tác của hội họa Phật giáo Cao Ly

Nhân lễ kỷ niệm năm thứ 5 đời đến Yongsan, Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc tổ chức cuộc triển lãm đặc biệt về tranh Phật giáo Cao Ly. Sự kiện này diễn ra tại Phòng Triển Lãm đặc biệt của Viện, từ ngày 12-10 đến 21-11-2010.

Có tổng cộng 61 (trong số khoảng 160 tranh Phật giáo Cao Ly trên khắp thế giới) được trưng bày, bao gồm 27 tranh từ Nhật Bản, 10 tranh từ Hoa Kỳ, 5 từ châu Âu và 14 từ Hàn quốc.

Ngoài ra còn có 20 tranh Phật giáo thời Nam Tống và triều Nguyên của Trung quốc và thời Kamakura của Nhật, giúp khách tham quan hiểu được các xu hướng đương thời trong hội họa Phật giáo Đông Á.

Cuộc triển lãm cũng trưng bày 5 tranh Phật giáo từ thời đầu Joseon, cùng với 22 tác phẩm điêu khắc và

thủ công kim loại về Phật giáo từ thời Cao Ly.

Có 44 viện bảo tàng đã cho mượn những tranh mà họ lưu giữ, bao gồm các viện tại Hàn quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Pháp, Đức và Nga.

(Korea,net - October 11, 2010)



Một số kiệt tác của hội họa Phật giáo được triển lãm tại Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc - từ trái sang phải:

1/ Tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (từ Nhật Bản)

2/ Tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (từ Nhật Bản)

3/ Tranh Đức Phật Di Đà (từ Hàn quốc)

### TÍCH LAN: Lễ kỷ niệm năm thứ 200 của Đại Tịnh xá Rankoth

Panadura, Tích Lan - Ngày 10-10-2010, tại lễ kỷ niệm 200 năm của Đại Tịnh xá Rankoth ở Panadura, Tổng thống Mahinda Rajapaksa nói rằng đất nước Tích Lan gặp phải thử thách lớn nhất của việc bảo vệ các giá trị văn hoá và đạo đức khi đối mặt với nền văn hoá và các quan điểm của phương Tây đang thấm vào xã hội.

Ông nói Phật giáo Nguyên thủy được bảo vệ và phát huy bởi các thành viên của Đại Tăng già trong suốt lịch sử 2.500 năm là món quà lớn nhất mà Tích Lan có thể tặng cho thế giới.

Đại Tịnh xá Rankoth ở Panadura được thành lập vào ngày 10-10-1810 để truyền bá Phật giáo và Phật học trong nước.

Trong phần phát biểu của mình, Tổng thống Mahinda đã ca ngợi Tịnh xá Rankoth về những cống hiến sâu sắc cho Phật tử và đất nước nói chung. Ông nói rằng xã hội trải qua những thâm kịch khác nhau qua thời gian, và một khi xã hội bị đe dọa thì Đại Tăng già lại dần thân để cứu lấy nhân dân.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao là Giáo sư G.L Peries - người từng học đạo pháp và giáo dục Sinhala tại Tịnh xá Rankoth - đã thuyết minh về những cách mà tịnh xá đã hướng đến trong việc phát huy Phật giáo trong nước và thế giới.

(Lanka Daily News - October 11, 2010)

### ẤN ĐỘ: Từ điển Phật giáo mới gồm 3



Đại Tịnh xá Rankoth ở Panadura được thành lập vào ngày 10-10-1810 để truyền bá Phật giáo và Phật học trong nước.

Trong phần phát biểu của mình, Tổng thống Mahinda đã ca ngợi Tịnh xá Rankoth về những cống hiến sâu sắc cho Phật tử và đất nước nói chung. Ông nói rằng xã hội trải qua những thảm kịch khác nhau qua thời gian, và một khi xã hội bị đe dọa thì Đại Tăng già lại dẫn thân để cứu lấy nhân dân.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao là Giáo sư G.L Peries - người từng học đạo pháp và giáo dục Sinhala tại Tịnh xá Rankoth - đã thuyết minh về những cách mà tịnh xá đã hướng đến trong việc phát huy Phật giáo trong nước và thế giới.

(Lanka Daily News - October 11, 2010)

### ẤN ĐỘ: Từ điển Phật giáo mới gồm 3 ngôn ngữ

Pune, Maharashtra - Một dự án độc đáo về từ điển tam ngữ đang được thực hiện tại trường Đại học Pune, để giúp các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu về văn học và triết học Phật giáo.

Dự án nhằm biên soạn cuốn từ điển bao gồm thuật ngữ Phật giáo bằng tiếng Pali, Phạn và Tây Tạng với nghĩa tiếng Anh, được tài trợ bởi Ủy ban Tài trợ Đại học (UGC) phối hợp với trường Đại học Tây Tạng ở Sarnath (bang Uttar Pradesh, Ấn Độ).

Tiến sĩ Mahesh Deokar, Trưởng khoa Pali của trường Đại học Pune, là người phụ trách dự án và là nhà đầu tư chính, nói rằng công trình này là dự án nghiên cứu quan trọng của UGC. Nó rất cần thiết cho những người nghiên cứu triết học Phật giáo trên khắp thế giới.

Ông nói hiện nay chỉ có các từ điển song ngữ gồm Pali - Phạn, Pali - Tây Tạng hoặc Phạn - Tây Tạng. Cần có một công trình đáng tin cậy với tiếng Pali làm cơ sở, kèm theo là các từ tương đương bằng tiếng Phạn và Tây Tạng - vì chỉ có một ngôn ngữ thôi thì không đủ cho việc nghiên cứu sâu

về triết học Phật giáo.

Dự án từ điển tam ngữ này được dự kiến sẽ hoàn thành vào giữa năm 2011.

(News.outlookindia.com - October 16, 2010)

### HOA KỲ: Đức Đạt Lai Lạt Ma thăm trường Đại học Emory

Atlanta, Georgia - Sáng ngày 17-10-2010, những người hâm mộ và tín đồ bắt đầu xếp hàng trước khi Đức Đạt Lai Lạt Ma thuyết pháp về lòng tử bi tại trường Đại học Emory. Đây là ngày đầu tiên của chuyến thăm 3 ngày của Ngài tại nơi này.

Vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng đã nhận được sự chào đón nồng nhiệt từ đám đông khoảng 3.000 người bên trong Trung tâm Thế dục Woodruff, vốn đã được trang trí lại giống với một tu viện Tây Tạng.

Tại một cuộc họp báo, Hiệu trưởng trường Đại học Emory là James Wagner đã tặng Đức Đạt Lai Lạt Ma các sách giáo khoa khoa học mới, như một phần của quan hệ đối tác 3 năm gọi là Sáng kiến Khoa học Emory - Tây Tạng. "Tại các tu viện của chúng tôi, những bài học về khoa học hiện đại phải được đưa vào chương trình giảng dạy," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói.

Và đáp lại, chương trình giảng dạy của trường Đại học Emory bao gồm cả nghiên cứu về Phật giáo và thiền hành.

Vào ngày 18-18, Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trì một hội nghị quốc tế về thiền tử bi.

(Urban Dharma - October 17, 2010)

### Tu viện-pháo đài Trashigang (Bhutan) - Photo: Suite 101

### BHUTAN: Những tu viện kiên cố của Phật giáo Đại Thừa

Tại vương quốc Bhutan nhỏ bé ở vùng Hi Mã Lạp Sơn, cảnh quan được tô điểm với những tu viện pháo đài (dzongs) tọa lạc trên các đỉnh đồi, mũi núi hoặc bờ sông có tính chiến lược.



Các tu viện kiên cố này có tường phòng vệ hướng vào trong, mái màu đỏ và nhũ vàng lấp lánh trong ánh nắng.

Phần trên của chiếc cổng duy nhất và vững chắc của mỗi tu viện-pháo đài có những cửa sổ nhỏ.

Nhiều pháo đài kiêm tu viện như vậy đã được xây vào thế kỷ 17. Ngày nay, chúng tiếp tục phản ánh sức mạnh kép của tôn giáo và nhà nước tại Bhutan. Bên trong là một mê cung đa sắc gồm đền thờ và sân, phòng trưng bày, nơi cư trú của chư tăng và các cơ quan dân sự.

Tôn giáo chính của Bhutan là Phật giáo Đại Thừa mật tông. Trong các tu viện-pháo đài của họ có ảnh, tượng Đức Phật và các tôn sư Tây Tạng và chư thần.

(Suite 101- October 17, 2010)

### PAKISTAN: Bảo quản các hang động Phật giáo 2.400 năm tuổi tại thủ đô Islamabad

Chính phủ Pakistan đã quyết định bảo tồn và đẹp của thủ đô bằng cách phê duyệt một dự án để bảo vệ các hang động có niên đại 2.400 năm.

Di tích của thời đại Phật giáo hơn 2.400 năm tuổi đang nằm yên trong vùng đồi Margalla (tây bắc thủ đô Islamabad) cho thấy những tranh Phật trên các vách hang.

Địa điểm có các di tích của thời đại Phật giáo này cần sớm có được sự quan tâm của Bộ Khảo cổ và Bảo tàng.

Ông Elahi, Chủ tịch Ban Chuyên trách Phát triển Thủ đô (CDA) cho biết họ đã chấp thuận một dự án bảo tồn di tích khảo cổ này. Ông đã tham quan và thấy được giá trị của các hang động.

Theo kế hoạch thì chỉ có các công trình kiến trúc nhẹ sẽ được cho phép xây dựng, để tránh làm hỏng thêm vẻ đẹp của nó.

CDA cũng đã dành thêm đất trong môi trường chung quanh di tích này.

Vào quý đầu năm 2011 di tích sẽ được mở cửa cho du khách.

(Xinhua - October 18, 2010)

### HOA KỲ: Ngôi chùa thực hiện lễ cầu nguyện liên tục từ 25 năm qua

Liên tục từ một phần tư thế kỷ qua, các thành viên của chùa Kunzang Palyul Choling của Phật giáo Tây Tạng (ở thị trấn Pooleville, Hạt Montgomery, bang Maryland) đã cầu nguyện 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Bốn ni cô và các thành viên khác của chùa cầu nguyện để không còn đau khổ trên cõi trần gian.

Suốt ngày đêm, khoảng 125 người tham gia thực hiện mỗi phiên cầu nguyện dài 2 tiếng đồng hồ trong phòng cầu

nguyện của chùa. Họ đăng ký tên trên một tấm bảng lớn, nhận từ 1 đến năm phiên tụng niệm mỗi tuần.

Phòng cầu nguyện có rất nhiều tượng Phật đủ kích cỡ và màu sắc, được mở cửa 24 giờ mỗi ngày cho khách tham quan.

Vào ngày 31-10-2010, chùa Kunzang Palyul Choling sẽ kỷ niệm 25 năm của việc cầu nguyện không bị gián đoạn này. Chùa sẽ tổ chức một nghi thức tụng niệm và sau đó là lễ tiếp tân.

(The Gazette - October 20, 2010)

Ni cô Hesber của chùa Kunzang Palyul Choling đang cầu nguyện - Photo: Tess Colwell

### ẤN ĐỘ: Chư tăng yêu cầu dùng năng lượng tái sinh tại Bodhgaya

Ngày 19-10-2010, các nhà sư Phật giáo đã thả thiên đặng trước pho tượng Phật cao 80 feet để yêu cầu dùng năng lượng tái sinh như một giải pháp cho sự khủng hoảng điện năng ở thị trấn Bodhgaya (quận Gaya, bang Bihar).

Người Quản lý Đèn Bodhgaya là Bhanke Dinanand nói sự kiện này được tổ chức để tạo nhận thức về năng lượng tái sinh.

Các nhà sư từ Thái Lan, Nhật Bản, Trung quốc, Tây Tạng và các nước khác đã cùng đến với nhau để truyền bá sự nhận thức về năng lượng tái sinh tại nhiều quận của bang Biohar, và yêu cầu một cuộc cách mạng năng lượng trong bang.

"Thông điệp là chúng ta phải tạo ra điện năng và năng lượng an toàn để



tránh được sự thay đổi khí hậu", ông Dinanand nói.

Các nhà sư đang tham gia chiến dịch

## Nụ Cười Như Lai

Lung linh đèn,  
lung linh mắt, lung linh tâm  
Lung linh vũ trụ  
hảo huyền hư không  
Phật tâm  
luôn ở trong lòng  
Long lanh ngọc quý  
Long đong kiếp người  
Đêm nay trời đất vui tươi  
Nhân, thiên hội tụ  
Nụ cười Như Lai

Sacramento, Oct. 16<sup>th</sup>, 2010.  
Đêm Hoa Đăng – Thắp Sáng Đèn Tâm

## TÂM THƯỜNG ĐỊNH





### **ẤN ĐỘ: Chư tăng yêu cầu dùng năng lượng tái sinh tại Bodhgaya**

Ngày 19-10-2010, các nhà sư Phật giáo đã thà thiên dâng trước pho tượng Phật cao 80 feet để yêu cầu dùng năng lượng tái sinh như một giải pháp cho sự khủng hoảng điện năng ở thị trấn Bodhgaya (quận Gaya, bang Bihar).

Người Quản lý Đền Bodhgaya là Bhanke Dinanand nói sự kiện này được tổ chức để tạo nhận thức về năng lượng tái sinh.

Các nhà sư từ Thái Lan, Nhật Bản, Trung quốc, Tây Tạng và các nước khác đã cùng đến với nhau để truyền bá sự nhận thức về năng lượng tái sinh tại nhiều quận của bang Biohar, và yêu cầu một cuộc cách mạng năng lượng trong bang.

"Thông điệp là chúng ta phải tạo ra điện năng và năng lượng an toàn để tránh được sự thay đổi khí hậu", ông Dinanand nói.

Các nhà sư đang tham gia chiến dịch về năng lượng thay thế như một phương tiện để cấp điện năng cho mọi người mà không có tác động xấu đến khí hậu.

(ANI - October 20, 2010)

**CANADA: Đức Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi Trung quốc bảo tồn ngôn ngữ và văn hoá Tây Tạng**

Ngày 23-10, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kêu gọi Trung quốc bảo tồn ngôn ngữ và văn hoá Tây Tạng khi Ngài thuyết giảng tại Toronto, Canada - cùng ngày với việc các quan chức Trung quốc tại Bắc Kinh bắt đầu rút lại kế hoạch chỉ dạy bằng tiếng Quan thoại.

Đức Đạt Lai Lạt Ma trong chuyến thăm Toronto 2 ngày đã gặp gỡ một nhóm nhà báo được mời tại khách sạn Fairmont Royal York, trước khi Ngài đến để chúc mừng hàng nghìn tín đồ tại lễ khánh thành Trung tâm Văn Hoá Tây Tạng - Canada. Ngài giải thích tiếng Tây Tạng cần thiết ra sao trong việc thông hiểu triết lý và truyền thống Phật giáo, gọi đó là "ngôn ngữ tốt nhất đối với đạo Phật", và nói thêm rằng đó là "sự quan tâm lớn đối với hàng triệu thanh niên Trung quốc".

Ngày 24-10, Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trì một khoá học tại Trung tâm Văn hoá Tây Tạng - Canada.  
(Urban Dharma - October 24, 2010)



Các nhà sư thà thiên dâng trước tượng Phật ở Bodhgaya - Photo: ANI

### **Thời ở ẩn**

Một túp lều tranh nhỏ  
Khép lại một đời rong  
Nửa vành khung cửa sổ  
Lùa vào một trời không.

### **Thôi đàn**

Thôi đàn quên ước hẹn  
Giấc mộng kê vàng phai  
Ta về khua tiếng mõ  
Xóa tan một đêm dài.



VĨNH HẢO

## **Đại Trùng Tu Chánh Điện CHÙA LONG PHƯỚC – Hậu Giang**

### **THƯ NGỎ**

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

*Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,  
Kính thưa quý Phật Tử gần xa,*

*Ngôi chùa Long Phước tọa lạc tại số 34 ấp Long An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được xây dựng từ năm 1969; do sự thiếu thốn của vùng quê nên chùa chỉ được xây cất sơ sài và nay đã xuống cấp trầm trọng: nền chùa bị sụp và nước ngập ảnh hưởng đến sự tu tập của Thầy và các Phật tử. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, nhưng hằng đêm ngôi chùa nhỏ này luôn tiếp nhận sự tu tập của vài chục Phật tử đến đọc kinh, trong đó có các Phật tử nhỏ chiếm số đông.*

*Vào ngày cuối tuần, khi các em nhỏ không phải cắp sách đến trường và phụ tiếp gia đình thì các em thường rủ nhau đến chùa quây quần cùng Thầy bên câu kinh tiếng kệ. Nhờ vào sự yêu thương và tận tình dạy bảo của Thầy nên các em Phật tử nhỏ này tuy đông nhưng vẫn có nề nếp, số lượng các em Phật tử này vào cuối tuần có thể lên đến số một trăm mấy chục.*

*Do chùa tọa lạc ở vùng quê, nên sự ủng hộ của các Phật tử rất ít. Tuy Thầy đã khởi công xây dựng lại ngôi Tam Bảo, nhưng do kinh phí còn hạn chế nên việc xây dựng bị đình trệ. Nay mong nhờ quý Phật tử gần xa ủng hộ trợ duyên để việc xây cất sớm thành tựu viên mãn, cũng như có chỗ cho những mầm non Phật pháp tương lai tu tập.*

*Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Ni pháp thể khinh an – Tuệ đăng thường chiếu và quý Phật tử gần xa thân tâm thường an lạc để trường dưỡng lòng từ, phước huệ tăng trưởng.*

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Ngày 15 tháng 9 năm 2010

Kính thư,

Trụ trì, **Đại đức Thích Minh Thạnh**



Cổng chùa Long Phước

Địa chỉ liên lạc:

**Đại Đức Thích Minh Thạnh**  
**Chùa Long Phước, 34 ấp Long An,**  
**thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A**  
**tỉnh Hậu Giang, Việt Nam**  
**ĐT: 0913.776.329**





## CHÁNH PHÁP

**Chủ nhiệm:** HT. Thích Nguyên Trí  
**Thủ quỹ:** Ni sư Thích Diệu Tánh  
**Trị sự:** ĐĐ. Thích Đồng Trực  
**Thư ký:** ĐĐ. Thích Đồng Châu

**Chủ biên:** Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

### LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

[www.chanhphap.us](http://www.chanhphap.us)

số **19**  
11.2010

## Jade Buddha & Holy Relics in Hawaii for Universal Peace, and Happiness

### Cung Nghinh Chiêm Bái Phật Ngọc & Xá Lợi

Cầu Nguyện Thế Giới Hòa Bình,  
Chúng Sanh An Lạc

**NOV 27 & 28, 2010**

(Free Admission / Vào cửa miễn phí)

**Opening Ceremony / Lễ Khai Mạc**  
Saturday, Nov 27, 2010 – 9:30AM

**Closing Ceremony / Lễ Bế Mạc**  
Sunday, Nov 28, 2010 – 6:00PM

Event Location / Địa Điểm Triển Lãm:

**HAWAII CONVENTION CENTER**

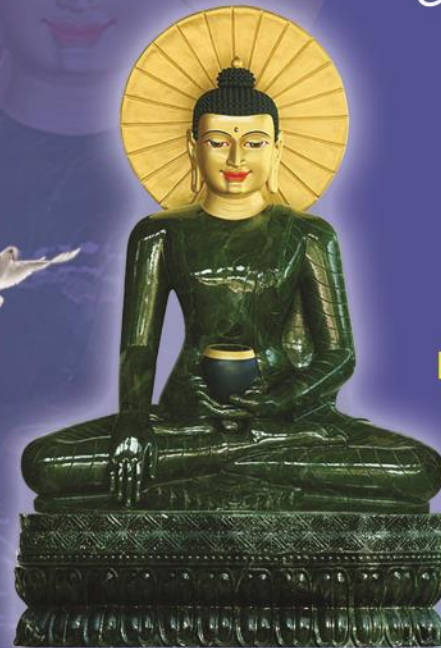
1801 Kalakaua Avenue  
Honolulu, Hawaii 96815

Organizers / Cơ Sở Hoàng Pháp:  
INTERNATIONAL BUDDHIST MEDITATION ASSOCIATION  
CHAN KHONG MONASTERY

Tel: (808) 373 - 4608 / (808) 222 - 0909

E-mail: JadeBuddha\_Hawaii@yahoo.com

Website: www.JadeBuddha.org.au



The Jade Buddha for Universal Peace is the largest Buddha carved from gemstone quality jade in the world. The statue has been exhibited in Thailand, Vietnam, Australia, the United States and Canada. More than four million visitors and Buddhists have come to revere, praying for peace to the world and joyful happiness to the sentient beings. The Jade Buddha is scheduled to arrive in Honolulu, Hawaii in November. You are all invited warmly and respectfully to come and revere the Jade Buddha at the Hawaii Convention Center.

"Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới" là một pho tượng lớn nhất và trang nghiêm nhất trên thế giới hiện nay, được điêu khắc từ khối ngọc thạch rất quý hiếm. Tôn tượng đã được đưa đi triển lãm tại Thái Lan, Việt Nam và nhiều tiểu bang tại Úc Châu, Hoa Kỳ và Canada với hơn bốn triệu người đến chiêm ngưỡng trong tinh thần cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc. Thành tâm kính mời quý đồng hương, Phật tử cùng về tham dự và chiêm bái Tôn tượng Thích Ca Mâu Ni tại Hawaii Convention Center.



Địa chỉ tòa soạn:

**CHÁNH PHÁP**

803 S. Sullivan Street

Santa Ana, CA 92704

Tel.: (714) 571-0473

TO: \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

Báo Chánh Pháp số 19, tháng 11 năm 2010, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN tại Hoa Kỳ ủng hộ ấn phí; Chùa Bát Nhã trang trải phụ phí in màu. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.